



SONG MAI- QUỲNH TRANG
(tuyển chọn)

德承先祖千年盛

Phong tục thờ cúng của người Việt

福蔭兜孫百世榮



 NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

PHONG TỤC THỜ CÚNG
CỦA NGƯỜI VIỆT

SONG MAI- QUỲNH TRANG

Tuyển soạn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

Lời nói đầu

Cùng với sự hội nhập, giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, chúng ta được tiếp cận với nền văn hóa muôn màu sắc của các châu lục, các quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh này, vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc có một vị trí đặc biệt quan trọng. Chính những giá trị văn hóa cội nguồn của mỗi dân tộc đã khẳng định sự bền vững, trường tồn và phát triển của dân tộc đó trong cộng đồng các dân tộc trên hành tinh của chúng ta.

Phong tục tập quán thờ cúng trong mỗi gia đình là một phần của văn hóa dân tộc, nó gắn bó sâu sắc với mọi lớp người trong đời sống xã hội. Đáp ứng nhu cầu tìm hiểu văn hoá phong tục cổ truyền Việt Nam của đông đảo bạn đọc, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin cho ấn hành cuốn **PHONG TỤC THỜ CÚNG CỦA NGƯỜI VIỆT**.

Hy vọng cuốn sách sẽ góp phần làm giàu thêm kiến thức của bạn đọc về văn hoá Việt Nam dưới góc độ phong tục tập quán cổ xưa của ông cha ta.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

MỞ ĐẦU

Thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng truyền thống lâu đời của người Việt Nam. Thường thờ cúng từ năm đời trở lại. Ngoài những kỳ giỗ của mỗi vị trong dòng họ, người Việt Nam còn thường cúng lễ tiên tổ vào những kỳ tuần, tiết, sóc, vọng. Lớn thì sửa cỗ mặn linh đình, có tế, có lễ và con cháu gần xa tụ hội đông đủ gặp mặt nhau, nhận họ, nhận hàng, tôn ty trên dưới. Nhỏ thì lễ chay hoa quả, thậm chí chén nước, nén nhang, lòng thành thắp lên gọi là nhớ công tiên tổ; nhờ có Tiên, có Tổ mà mới có mình.

Tập tục thờ cúng tổ tiên từ lâu đã trở thành một nét phổ biến trong sinh hoạt văn hoá của người Việt Nam; thể hiện đạo lý làm người - đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam.

Những thân linh, Thánh, Mẫu được người dân Việt Nam tôn thờ hầu như đều là các vị có công trạng

với nhân dân và dân tộc. Nhớ ơn các vị, tưởng nhớ đến các vị cũng chính là duy trì đạo lý làm người: nhớ ơn và phụng sự tiền nhân như một tấm gương sáng cho muôn đời noi theo.

Từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam (khoảng vào những thế kỷ đầu công nguyên) thì trong sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống của dân tộc (thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các vị thần linh) đã có thêm một tôn giáo, một tín ngưỡng mới. Đó là thờ cúng: Đức Phật và Bồ Tát..

Đức Phật, Bồ Tát là một biểu trưng của những giá trị văn hoá, đạo đức, đạo lý làm người - con người thân chính.

Nghi lễ thờ cúng dâng hương gia tiên, gia thần vào các kỳ giỗ chạp, tuần, tiết, sóc, vọng... Tại các đình, đền, miếu, phủ hay chùa đều có dâng hương: nhỏ thì vào hàng ngày, lớn thì vào các kỳ lễ, tiết hay khi hội hè dân làng vào đám hàng năm. Điều ấy phổ biến từ xưa tới nay, lâu dần đã trở thành tập tục truyền thống tự nhiên mà mọi người đều tuân theo.

Thờ cúng dâng hương đã trở thành một tục, một lễ dâng hương; trong đó việc dâng hương phải có kỳ, có tiết; có nghi thức vái, lễ, lạy với những phẩm vật tùy từng lễ, tiết và văn khấn nữa.

Phong tục thờ cúng dâng hương không chỉ có nghĩa là thấp hương dâng lễ vật mà nó còn mang cả một ý nghĩa văn hoá và đạo đức. Cao hơn nữa nó còn mang ý nghĩa của một quan niệm triết lý vũ trụ và nhân sinh.

I .TỤC THỜ CÚNG TRONG GIA ĐÌNH

A. THỜ CÚNG GIA TIÊN:

Thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ là một việc không thể thiếu trong phong tục của người Việt Nam. Việc làm này xuất phát từ lòng thành kính biết ơn của con cháu đối với những người đã có công sinh thành dưỡng dục. Người Việt Nam luôn luôn tin tưởng ở sự phù hộ của tổ tiên, ông bà, cha mẹ và tin rằng họ đang hiện diện quanh mình, cho nên mọi việc tốt xấu xảy ra trong gia đình, con cháu đều cúng cáo gia tiên.

1. NGHI LỄ CÚNG CÁO GIA TIÊN

Thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã qua đời là lập bàn thờ tại gia và cúng bái hương khói vào những ngày sóc, vọng, giỗ tết. Theo tục lệ, vào ngày cuối tuần, ngày kỵ hoặc khi gia đình có những biến cố xảy ra như việc hiếu, hỉ, sự kiện lớn,... mọi người đều làm lễ cáo gia tiên, trước là để trình bày sự kiện, sau là để xin gia tiên phù hộ.

Tùy theo hoàn cảnh gia đình, tính chất và quy mô của các lễ, đồ lễ thường có trầu cau, rượu, hoa quả, xôi chè, oản chuối, vàng hương và nước lạnh hoặc cỗ mặn. Trong trường hợp khẩn cấp cần phải cáo lễ, gia chủ có thể chỉ cần thắp một nén hương và một chén nước lạnh, nhưng nhất thiết phải có lòng thành.

Khi đã bày xong đồ lễ, người làm lễ khăn áo chỉnh tề, thắp ba nén hương cắm vào bát hương rồi cung kính đứng trước bàn thờ khấn. Trước khi khấn phải vái ba vái. Sau khi khấn xong, gia trưởng lễ bốn lễ, thêm ba vái, gọi là bốn lễ rươi. Hương thắp bao giờ cũng thắp theo số lễ như 1, 3, 5... vì theo quan niệm của người Việt cổ, số lẻ thuộc về thế giới âm. Sau đó, con cháu trong gia đình lần lượt theo thứ bậc tới lễ trước bàn thờ bốn lễ rươi. Nghi thức trên thường chỉ cần thực hiện trong những buổi giỗ chạp. Bình thường, chỉ cần gia chủ khấn lễ là được.

Ngày nay, nghi thức trong lễ bái đã đơn giản hơn. Người ta có thể vái thay cho lễ; trước khi khấn, vái ba vái ngắn. Khấn xong, vái thêm 4 vái dài và ba vái ngắn thay cho bốn lễ rươi.

2. LỄ TẠ

Sau khi gia trưởng và mọi người trong gia đình lễ vái xong, chờ cho tàn một tuần hương, lúc đó gia trưởng tới trước bàn thờ cung kính lễ tạ.

Lễ tạ là lễ tạ ơn gia tiên đã chứng giám lòng thành của con cháu và đã nhận được những lễ vật của con cháu dâng lên. Lễ tạ xong, gia trưởng hạ vàng mã trên bàn thờ đem hóa (tức là đem đốt đi). Sau tất cả các thủ tục lễ tạ xong, đồ lễ mới được hạ xuống. Thông thường, việc lễ tạ chỉ do một mình gia trưởng đảm nhiệm. Nhưng để cung kính hơn, sau gia trưởng, những người khác trong gia đình cũng có thể lễ tạ.

3. KHẤN GIA TIÊN

Sau khi đã dâng lễ vật lên bàn thờ, thắp hương, đèn, nén đầy đủ, người ta bắt đầu khấn. Văn khấn bao gồm một số nội dung mà người khấn phải đọc như: nói rõ ngày tháng làm lễ, lý do lễ, ai là người đứng ra lễ, ghi rõ họ tên tuổi, sinh quán, đồng thời liệt kê lễ vật và cuối cùng là lời đề đạt cầu xin.

Đồ lễ đặt lên bàn thờ, hương đèn đã thắp, gia trưởng phải mời hết các cụ kỵ từ ngũ đại trở xuống, cùng với tất cả chú bác cô dì anh chị em nội ngoại đã khuất.

Trong bài khấn phải nói rõ ngày tháng làm lễ, lý do, liệt kê lễ vật, những điều cầu xin nếu có.

Dưới đây là một mẫu văn khấn.

Hôm nay là ngày... tháng... năm . Nay con giữ việc phụng thờ tên là... tuổi, sinh, tại xã... huyện, tỉnh... cùng toàn gia, trước bàn thờ gia tiên cúi đầu bái lễ.

Kính mời thố công Táo quân đồng lai cách cảm.

Kính dâng lễ bạc: trầu rượu, trà nước, vàng hương, hoa quả cùng phẩm vật, lòng thành nhân dịp sinh hạ cháu trai, kính mời hương hồn nội ngoại tiên, kỵ, cụ, ông bà, cha mẹ, cô dì chú bác, anh chị em chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin gia tiên phù hộ độ trì cho cháu nhỏ hay ăn, chóng lớn và toàn gia khang kiện.

Cẩn cáo

Trước kia, các cụ đã có đặt ra nhiều bài văn khấn nôm bằng thơ cốt để cho đàn bà trẻ con học dễ nhớ, dùng trong việc cúng lễ gia tiên.

Dưới đây là một trong những bài khấn ấy:

Duy Đại Việt tuế thứ..., ngày..., tháng..., năm (âm lịch), tín chủ là..., tuổi, sinh quán tại... trú quán tại... cùng toàn gia.

Cúc cung bái trước bàn thờ

Kính dâng lễ bạc hương hoa rượu cần

Cùng là phẩm vật trước sau,

Lòng thành tâm nguyện thỉnh cầu gia tiên

Cao tăng tổ khảo đôi bên,

Cao tăng tổ tỷ dưới trên người người,

Cô dì chú bác kính mời,

Đệ huynh đồng thỉnh tới nơi từ đường;

Cúi xin phù hộ khang cường toàn gia.

Cẩn cáo

Cùng với việc cáo gia tiên, bây giờ cũng phải cúng khấn Thổ công vì ngài là đệ nhất gia chi chủ, để xin phép ngài cho hương hồn tổ tiên được về hưởng lễ.

Lễ vật cúng gia tiên phải thanh khiết, cỗ bàn nấu xong phải đem cúng gia tiên trước, không một ai được đụng đến. Trong trường hợp gia trưởng chưa kịp làm cúng vì mâm cỗ nhiều món, chưa chuẩn bị xong thì món nào đã nấu xong phải múc để riêng giành cho việc cúng tế. Sau khi cúng tế xong, con cháu xin lộc rồi mới được thụ lộc.

4. CHĂM NOM MỘ TỔ TIÊN

Ngoài việc thờ phụng, cúng lễ tổ tiên, còn một việc làm quan trọng biểu lộ lòng hiếu thảo là thường xuyên chăm sóc phần mộ tổ tiên của con cháu.

Hàng năm, trước ngày Tết Nguyên Đán, con cháu tổ chức đi thăm viếng, thắp hương trên mộ, khấn vái mời tổ tiên, ông bà, cha mẹ... về ăn Tết. Ngoài ra, Tết Thanh minh, con cháu cũng đi tảo mộ mang theo vàng, hương, lễ vật để cúng. Có nơi, vào Tiết thanh minh, các gia đình còn mang cả cỗ ra cúng trước mộ.

Trong các dịp này, con cháu chăm sóc, sửa sang và phát quang phần mộ. Trong trường hợp mộ bị sụt lở sẽ được đắp lại.

Người ta cho rằng, trong trường hợp mộ bị sụt lở, bị súc vật đào bới hoặc bị rễ cây đâm xuyên qua xương cốt... là mộ bị động. Tổ tiên sẽ về báo mộng hay ứng điềm cho con cháu biết. Nếu không biết, trong gia đình đó sẽ có người đau ốm, hoặc công việc làm ăn thua lỗ, thậm chí gặp tai bay vạ gió... Khi đó, con cháu phải lập tức đi thăm và sửa chữa phần mộ. Đồng thời, họ phải làm lễ tạ mộ để tạ tội với tổ tiên vì sơ xuất để mộ bị xâm hại, hư hỏng. Lễ tạ mộ gồm trầu, cau, xôi, chuối, rượu, gà, vàng hương. Sau khi đã bày đủ lễ vật trước mộ, con cháu bắt đầu khấn lễ. Đồng thời, con cháu phải cúng cả vị thổ thần nơi có lăng mộ. Điều quan trọng khi tạ mộ bao giờ cũng phải làm sớ. Trong sớ nhờ Thần linh dẫn hồn sứ giả là Ngũ đạo Tướng quân đưa hồn tổ tiên đến mộ. Ngoài ra, cũng nhờ Thần linh chuyển tờ sớ tới Đường Xứ Thổ Địa chánh thần là vị thần Thổ địa nơi có ngôi mộ xin tạ.

Sớ tạ mộ có loại theo chữ nho, có loại theo bản dịch ra tiếng Việt, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bản dịch ra tiếng Việt:

Tam bảo tư vi tạ mộ pháp đàn

Nay cứ theo địa chỉ tại Đại Việt

Địa chỉ ở...

Lễ này làm tại nhà chúng con, vâng theo phép Phật bảo hộ bình an, tín chủ tên là... cúi đầu bày tỏ về việc vong hồn của Tiên linh chúng con đã qua đời mà thời gian đã quá lâu, cùng với thời cuộc biến đổi sợ rằng hồn phách không yên, bởi vậy chúng con cần biện lễ vật để tạ mộ, trông ơn đức Phật tế độ vong hồn và đức Thần linh dẫn hồn Sứ giả đưa hồn đến nơi đến chốn, dấu rằng âm dương cách biệt, đường xá xa xôi, nhưng nhờ có tờ điệp văn này thì cũng thông cảm được.

Tờ điệp này do quan Dẫn hồn Sứ giả Ngũ đạo Tướng quân chuyển đến quan Đương Xứ Thổ Địa chánh thần, tiếp nhận nơi âm phủ.

Xin quan Sứ giả bố cáo cho các ty các nơi thuộc hạt như các bến đò, bến chợ đều biết, không ai ngăn cản để cho vong hồn được nhận linh lễ vật an ổn ở nơi mộ phần, khiến cho kẻ âm dương đều được hưởng phúc lạc

Nay Điệp.

Mộ táng tại... năm... tháng... ngày... giờ

5. BÀN THỜ GIA TIÊN

Từ xa xưa, trong mỗi gia đình người Việt đều có bàn thờ tổ tiên. Ngoài bàn thờ gia tiên ở chính ngôi

nhà chính. còn có nhiều bàn thờ khác như bàn thờ Thổ công (miền Nam gọi là bàn thờ ông Địa), bàn thờ Thánh sư, bàn thờ bà Cô ông Mãnh, bàn thờ Thần Tài, bàn thờ Tiên chủ... Gia đình theo đạo Phật còn có bàn thờ Phật. Những người có căn đồng có bàn thờ Chu vị, hoặc lập hẳn một ngôi điện tại một gian nhà riêng để thờ. Nhiều gia đình còn lập bàn thờ Quan Trấn triều (Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn) để ma quỷ sợ uy thần không dám vãng lai phá quấy.

Mỗi bàn thờ có sự bài trí khác nhau, song đều có bình hương, bài vị và ống hương, đèn nến...

a. Bàn thờ tổ tiên

Bàn thờ tổ tiên là bàn thờ chính trong mỗi gia đình Việt Nam. người ta còn có sự phân biệt giữa nhà thờ họ và nhà thờ trong từng gia đình.

- Bàn thờ họ:

Tất cả con cháu cùng một dòng họ lập chung một bàn thờ vị Thủy tổ, gọi là Từ đường của dòng họ. Bàn thờ này có bài vị Thủy tổ dòng họ. Ngày xưa bài vị được ghi bằng chữ Hán. Nhiều dòng họ không có nhà thờ riêng thì xây một đài lộ thiên dựng bia đá, tên thụy, hiệu các tổ tiên. Mỗi khi có giỗ tổ, hoặc có tế tự của một chi họ, thì cả họ hoặc riêng chi họ đó ra đài lộ thiên cúng tế. Đài lộ thiên này là nơi để cúng tế, hoặc tổ chức các trò vui trong ngày giỗ tổ dòng họ hoặc

một chi họ. Cúng tế xong sẽ về nhà tộc trưởng hoặc trưởng chi cùng ăn uống. Những dòng họ lớn, giàu có thường tổ chức trò vui vào đêm hôm Tiên thưởng.

Có nhiều họ có nhà thờ riêng với bàn thờ Thủy tổ để cho chi trưởng nam đời đời giữ hương hỏa, và chỉ khi nào ngành trưởng không có con trai nối dõi thì việc cúng bái mới chuyển sang chi dưới.

Có họ, ngoài bàn thờ Thủy tổ chung, con cháu luân phiên nhau thờ tổ ở nhà riêng của mình. Song chỉ là trường hợp của những người đi xa quê hương, không thuận tiện dự ngày giỗ tổ hàng năm và lễ tổ trong dịp tết được.

- Nhà thờ chi

Nhiều họ lớn chia thành nhiều chi. Mỗi chi lại đông con cháu nên ngoài việc tham gia ngày giỗ tổ toàn họ còn có ngày giỗ tổ riêng của chi họ. Các chi đều có nhà thờ riêng, gọi là Bản chi từ đường.

Hiện nay, trên bàn thờ nhiều gia đình ở nông thôn vẫn còn đặt bức hoành phi mang dòng chữ nói rõ đó là từ đường của chi họ nào. Từ đường có nghĩa là nhà thờ. Trên bàn thờ này có bài vị của ông tổ, nên gọi là Thần chủ bản chi. Thần chủ này cũng như Thần chủ của Thủy tổ họ sẽ được thờ mãi mãi.

Người trong chi họ có dành một số ruộng để lấy hoa lợi cúng giỗ, ruộng này gọi là Kỵ điền.

- Bàn thờ gia đình

Bàn thờ riêng của từng gia đình còn gọi là Gia từ, hay bàn thờ Gia tiên. Những gia đình giàu có mới xây nhà thờ riêng cho gia đình. Còn phần lớn, bàn thờ gia tiên được thiết lập ngay ở gian giữa nhà chính.

Những người con thứ không cần phải có bàn thờ gia tiên vì không phải cúng giỗ, nhưng vì lòng thành kính với tổ tiên, họ vẫn lập bàn thờ để cúng vọng.

b. Trang trí bàn thờ tổ

Nhà thờ ở nông thôn thường có ba gian hai chái hoặc một gian hai chái. Và bàn thờ tổ bao giờ cũng thiết lập ở gian giữa nhà chính, nếu không có nhà thờ riêng trong gia đình.

Bàn thờ tổ gồm hai lớp:

Lớp trong kê sát ngang tường hậu, gồm: chiếc rương hòm thật lớn cao khoảng 1m, dài khoảng trên 2m, rộng gần 2m. Mặt trước chiếc rương đóng nẹp chia làm 3 ô. Các ô này có khi là ba chữ đại tự, có khi là những bức tranh được dán trong dịp lễ tết. Trên những nẹp có những đồng tiền. Trong rương đựng bát đĩa, nôi, sanh đồng để dùng khi giỗ tết.

Những gia đình khá giả thay chiếc rương bằng một chiếc bàn thờ to, một chiếc sập sơn thếp vàng

lộng lấy được kê trên bộ mẽ cao khoảng 1m. Phía trước có tấm màn đỏ che những mâm thau, đồ đồng cùng bát đĩa, được xếp dưới gầm sập.

Kê giữa chiếc rương hoặc sập có ít nhất hai chiếc mâm nhỏ chân quỳ, mặt hình chữ nhật: một chiếc bề dài độ 8 tấc, bề rộng khoảng 6 tấc. Chiếc mâm thứ hai nhỏ hơn một chút kê đằng sau chiếc thứ nhất. Cả hai chiếc cao chừng 4 tấc trông giống như hai chiếc bàn nhỏ, thấp, dùng để bày đồ lễ. Trong những ngày giỗ tết, cỗ được bày trên bàn thứ nhất, còn hoa quả, trầu nước bày ở chiếc mâm thứ hai nhỏ hơn.

Bên trong cùng lớp trong là Thần chủ đựng trong long khám kê trên một chiếc bệ có độ cao bằng hai chiếc mâm. Có nhiều gia đình không thờ thần chủ, chỉ kê ở nơi đây một chiếc kỷ, hoặc chiếc ngai tượng trưng cho ngôi vị tổ tiên.

Đối với những gia đình giàu có, những đồ thờ này được sơn son thếp vàng. Riêng chiếc ngai hay tay ngai đều mang hình đầu rồng. Rồng đứng đầu tứ linh được dùng trang hoàng cho đồ tự khí. Trên chiếc mâm nhỏ, kê bên trong ở trước thần chủ, hay chiếc ngai có một cái tam sơn, một thứ đồ thờ để đặt trầu, chén rượu, ly nước, đĩa hoa quả trong những khi cúng giỗ.

Lớp bàn thờ bên trong được ngăn với lớp bên ngoài

bằng một bức y môn, tức là một chiếc màn thờ màu đỏ bằng the, nhiều hay vài tùy theo gia cảnh. Chiếc y môn treo cao thông xuống che kín toàn bộ bàn thờ lớp bên trong.

Lớp ngoài bắt đầu từ y môn trở ra, bao gồm: một hương án kê gần sát y môn. Trên hương án đặt một bình hương bằng sứ ở chính giữa để cắm hương khi cúng bái. Đằng sau bình hương là một chiếc kỷ nhỏ, cao độ 3 phân, dài 50 phân, rộng 25 phân. Đặt ba chiếc dài có nắp và trên nắp có núm cầm lên trên chiếc kỷ nhỏ này. Khi mở nắp dài ra nắp kê xuống dưới, dài đặt lên trên. Dài làm bằng gỗ được tiện rỗng dưới để khi đặt lên trên nắp dài. Dài sẽ ăn khớp với nắp. Ba dài này dùng đựng chén rượu nhỏ lúc cúng giỗ, còn ngày thường dài được đậy nắp để tránh bụi bặm.

Hai bên thường để hai cây đèn cao khoảng 40 phân, chân tiện và lưng chùng có vành rộng ra gọi là đĩa đèn. Ngày xưa, trong những lần cúng giỗ, người ta đặt lên hai cây đèn này hai đĩa dầu lạc đốt bấc. Sau này, thay bằng hai ngọn đèn Hoa kỳ. Ngày nay, người ta mắc trực tiếp bóng điện vào hai cây đèn.

Gần hai bên bình hương, ngoài hai cây đèn còn có hai con hạc đồng chầu hai bên. Trên đầu hai con hạc có chỗ để thắp nến. Ở mé ngoài hai cây đèn, gần hai đầu hương án là hai ống đựng hương. Hai ống hương

bằng gỗ tiện miệng loe. Ngoài các thứ trên còn có lọ độc bình hoặc song bình bày trên hương án để cắm hoa. Còn nếu dùng độc bình thì đối diện với độc bình là một chiếc mâm bông bày ngũ quả khi cúng giỗ.

Tất cả những thứ như bàn, kỷ và chiếu ngai, đồ thờ trên hương án như kỷ nhỏ, đặt đèn, ống hương.. đều làm bằng gỗ mít để ít bị mối mọt, còn sang hơn thì sơn son thếp vàng. Các gia đình giàu có dùng những đồ trên bằng đồng, gọi là bộ tam sự, ngũ sự hay thất sự. Trong bộ tam sự, chiếc đỉnh đồng thay thế cho bình hương. Hai bên đỉnh là hai con hạc đồng, mỏ ngậm bông hoa, trên đầu có chỗ cắm nến. Nếu là ngũ sự có thêm hai ống hương và thất sự thì có thêm đôi đèn.

Ngoài ra, các gia đình giàu có còn bày giá binh khí trước bàn thờ có cấm bát bảo lộc bộ (là 8 binh khí của quân sĩ thời xưa). Những đồ tự khí đối với từng gia đình là vật quý vô cùng thiêng liêng, dù túng thiếu đến đâu không một ai dám đem cầm bán.

Chiếc y môn

Y môn là bức màn vải đỏ, dùng làm bức màn ngăn cách lớp bàn thờ bên ngoài và lớp bàn thờ bên trong. Y môn gồm hai cảnh, xung quanh có thêu, được treo thông xuống che kín lớp bàn trong. Y môn có thể làm bằng nhiễu, the hoặc vải màu đỏ. Trên cùng y môn có một dải lụa hoặc nhung the màu băng ngang. Trên

lớp băng ngang thường được thêu hoặc dán chữ đại tự.

Đèn treo

Người ta thường treo trước y môn một chiếc đèn, dân gian gọi là tự đăng. Vào dịp giỗ tế, chiếc đèn này được thắp suốt ngày đêm. Bởi người xưa cho rằng trong những ngày này, hương hồn những người đã khuất luôn ngự trị trên bàn thờ. Và ngọn đèn tượng trưng cho sự hiện diện của tổ tiên.

Đèn treo ngày xưa thường là một đĩa dầu lạc hay dầu vừng... được đặt trong một chiếc đèn lồng, sau là đèn ba dây thắp dầu lửa. Ngày nay, phần lớn người ta dùng đèn điện hoặc nến.

Thần chủ

Trên bàn thờ tổ của một dòng họ bao giờ cũng có riêng một thần chủ, thần chủ này được thờ phụng mãi mãi. Đối với những gia đình giàu sang, muốn lập bàn thờ tại gia, lập thần chủ để thờ thì phải có đủ thần chủ của cụ kỵ, ông cha, tức là cao, tăng, tổ khảo. Thần chủ làm bằng gỗ tấu (gỗ của loại cây sống ngàn năm), dài khoảng hai phân rưỡi, ở giữa đề tên họ, chức tước, còn hai bên ghi ngày giờ sinh, tử của tổ tiên.

Thần chủ thường được để trong long khám, khi nào cúng giỗ thì mới mở ra. Thần chủ chỉ để thờ 4 đời

trở xuống. Sang đời thứ 5, thần chủ của cao tổ được mai đi và nâng bậc tăng, tổ, khảo lên bậc trên một bậc và đưa ông mới vào thế chân Thần chủ khảo. Việc mai thần chủ cao tăng này gọi là Ngũ, đại mai thần chủ, nghĩa là thần chủ sang đời thứ năm được chôn đi.

c. Gia phả

Bất cứ nhà thờ nào trước đây đều cất giữ cuốn sổ ghi chép thế thứ trước sau của tổ tiên, và các thế hệ nối tiếp từ đời này qua đời khác. Cuốn sổ đó được gọi là cuốn gia phả. Sổ gia phả ngày xưa được dùng bằng giấy sặc, viết rất rõ ràng, nắn nót để tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên, thường được đặt trong khám hoặc trong một lớp riêng để trên bàn thờ. Những dòng họ to, gia phả được chép hoặc in sao thành nhiều bản cho mỗi chi họ một bản để con cháu hiểu rõ về tổ tiên mình.

Trong gia phả, mỗi vị tổ tiên đều được ghi những dòng trích ngang, ngày tháng sinh tử, tên họ, chức tước, có khi còn ghi cả tính tình, sở thích của các vị lúc sinh thời. Trong đó còn ghi rõ vị nào tên gì, sinh ra những ai, ngành trưởng, ngành thứ là những ai.

Trong gia phả ghi chép đầy đủ cả công trạng của tổ tiên, sinh ở đâu, táng ở đâu, được nơi nào thờ phụng làm phúc thần hay thành hoàng làng đối với những

người đã từng là công thần, có công với dân với nước.

d. Hoành phi

Trong các nhà thờ họ đều treo một tấm biển gỗ nằm ngang phía trên mặt trước của bàn thờ. Chiều ngang tấm biển ăn suốt gian nhà, dài khoảng 3 thước, rộng khoảng 1 thước đến 1 thước hai. Trên tấm biển đó khắc những chữ lớn, thường chỉ khắc được từ 3 đến 4 chữ là cùng. Tấm biển đó được gọi là bức hoành phi.

Bức hoành phi thường được sơn son thếp vàng, sơn đen chữ đỏ hoặc vàng hay chữ khảm xà cừ. Có gia đình cầu kỳ làm bức hoành phi theo hình thức cuốn thư rất đẹp. Nhà nghèo có thể làm hoành phi bằng gỗ thường, hoặc tấm cốt ép, đóng nẹp vuông vắn, dán lót tấm giấy đỏ, viết Đại tự thay cho bức hoành phi. Ý nghĩa của đại tự viết trên hoành phi mang nội dung ca tụng công đức của tổ tiên hoặc tỏ lòng kính trọng của con cháu đối với tổ tiên như:

Kính như tại: có nghĩa là con cháu kính trọng tổ tiên, như tổ tiên luôn luôn tại vị trên bàn thờ.

Phúc Mãn đường: có nghĩa là gia đình đầy đủ phúc đức

Bách thế bất thiên: bao giờ con cháu ăn ở cũng đúng mực, không thiên lệch.

Trên bức hoành phi còn có ghi niên hiệu năm làm

vào mùa, tháng nào. Nếu là bức hoành phi do một người con cháu nào đó cúng thì có ghi tên tuổi người đó. Hoành phi có ghi tên người cúng phần lớn là hoành phi treo tại các nhà thờ tổ họ hay trường chi họ.

d. Câu đối

Ở hai cột phía trước bàn thờ hoặc trên tường có treo mỗi bên một câu đối. Nhà khá giả thường viết câu đối sơn son thếp vàng hay sơn đen khảm xà cừ. Còn nhà nghèo thường chỉ viết câu đối trên giấy hồng. Nói chung, các bức hoành phi hay câu đối đều được viết bằng chữ Hán. Nhưng cũng có gia đình viết cả câu đối và hoành phi bằng chữ nôm. Cũng như bức hoành phi, nội dung câu đối cũng nói lên lòng kính trọng của con cháu đối với tổ tiên hoặc ca tụng công đức của tổ tiên, ví như:

Tổ tông công đức thiên nhiên thịnh

Tử hiếu tôn hiền vạn đại xưng

Có nghĩa là:

Công đức tổ tông nghìn năm thịnh

Hiếu hiền con cháu vạn đời ngay

Hay câu đối treo ở một gia đình mà ông cha xưa có công với nước:

Tổ tiên phương danh lưu quốc sử

Từ tôn tính học kế gia phong

Đại ý là:

Tiên tổ danh thơm ghi sử nước

Cháu con cố gắng học nối cơ nhà

6. BÀN THỜ NGƯỜI MỚI QUA ĐỜI

Những người mới qua đời không được thờ chung với bàn thờ gia tiên, mà phải lập bàn thờ riêng ở gian bên. Bàn thờ người mới chết sơ sài hơn bàn thờ gia tiên, chỉ có bàn hương một bệ dài, lọ hoa và bài vị. Ngày nay, ngoài bài vị còn có bức chân dung hoặc bức tượng người quá cố. Bàn thờ riêng này có treo các bức trướng, câu đối của gia chủ hoặc của bạn bè thân hữu phúng viếng.

7. THỜ BÀ CÔ, ÔNG MÃNH

Theo quan niệm của người Việt Nam, bà cô, ông mãnh là những con cháu trong gia đình chết yếu, chưa dựng vợ, gả chồng, gặp giờ linh trở nên linh thiêng. Sự linh thiêng này gia chủ biết được qua sự báo mộng của người đã khuất, được những người trong gia đình xác nhận qua một vài hiện tượng kỳ lạ xảy ra trong gia đình sau khi người này chết.

Thực tế, bà cô, ông mãnh chết ngoài ba năm cũng được thờ chung trên bàn thờ tổ tiên, nhưng vì tuổi nhỏ, không dám về hưởng lễ với các cụ trên một bàn

thờ chung, cũng giống như trên trần thế, ngày giỗ tết, con trẻ không được ngồi chung, ngang hàng với người lớn. Vì vậy, bàn thờ bà cô, ông mãnh thường được đặt dưới gầm hương án của bàn thờ tổ tiên. Bàn thờ này rất đơn giản, chỉ có một chiếc bệ đặt trên bài vị. Thậm chí, nhiều gia đình không có cả bài vị. Trước bài vị là một bình hương nhỏ, có một vài ba chiếc đài để đặt ly rượu, đĩa trầu cau, tách nước khi cúng, một cây đèn nhỏ. Những gia đình có nhiều bà cô, ông mãnh được thờ chung một bàn thờ với một bát hương. Nhưng cũng có nhà thờ mỗi bà cô, ông mãnh một bát hương riêng.

Gặp lúc gia đình có trẻ nhỏ khó ỡ, người ta thường khẩn xin bà cô, ông mãnh phù hộ cho đứa trẻ ốm đau được mau khỏi. Khi cúng bà cô, ông mãnh, gia trưởng chỉ lâm râm khấn, không lễ vì bà cô ông mãnh thuộc hàng cháu con.

8. Ý NGHĨA ĐỒ TỰ KHÍ

Cái tam sơn: tượng trưng cho tam giác

Cái lư hương tròn: tượng trưng cho bàn thái cực

Hương được thấp lên: tượng trưng cho các vì tinh tú

Đôi đèn: tượng trưng nhật nguyệt quang minh

Lọ hoa: thường là lọ lục bình (bình hình lục giác)

tượng trưng cho cái tâm không, tức lực căn thanh tịnh.

B. THỜ CÁC VỊ THẦN TẠI GIA

Quan niệm của người Việt xưa đều cho rằng gia đình được khoẻ mạnh thịnh vượng là nhờ các vị thần tại gia phù hộ, nên phải thờ cúng các vị thần để mọi việc luôn được tốt đẹp.

1. THỔ CÔNG

Thổ công là vị thần trông coi cai quản trong nhà, định sự họa, phúc cho mọi gia đình, thường được gọi là Đệ nhất gia chi chủ. Nhờ có vị thần này nên các hồn qua quỷ không xâm nhập được để quấy nhiễu gia đình.

a. Bàn thờ thổ công

Gia đình nào tin theo Thần đạo đều có bàn thờ Thổ công. Những gia đình thuộc ngành thú không có bốn phận cúng giỗ, nên trong nhà không có bàn thờ tổ tiên, nhưng vẫn phải có bàn thờ Thổ công. Bàn thờ Thổ công thường đặt gian bên, cạnh bàn thờ tổ tiên. Các gia đình không lập bàn thờ tổ tiên thì có thể đặt bàn thờ Thổ công ở gian chính giữa nhà.

Bàn thờ Thổ công rất đơn giản, chỉ có một hương án, kê liền với tường sau. Trên hương án có mâm nhỏ, giống chiếc bàn nhỏ đặt trên hương án bàn thờ gia

tiên và ở trên có ba đài rượu với nắp dậy như trên bàn thờ tổ tiên. Đằng sau chiếc bàn thờ nhỏ này là bài vị Thổ công được kê cao, có khi được thay bằng một cỗ mũ gồm ba chiếc: mũ đàn bà đặt ở giữa, hai bên hai chiếc mũ đàn ông. Có nhà chỉ đặt một chiếc mũ. Phía trước bàn nhỏ là bình hương hoặc đỉnh trầm. Hai bên là đôi nến hoặc đôi ống hương.

b. Bài vị Thổ công

Bàn thờ Thổ công không chỉ thờ một vị thần mà thờ ba vị thần với ba danh hiệu khác nhau. Trong bài vị người ta để cả danh hiệu của ba vị thần này, trông coi ba việc riêng biệt.

Thổ công trông coi việc bếp núc

Thổ địa trông coi việc trong nhà.

Thổ kỳ trông nom việc chợ búa cho phụ nữ, hoặc việc sinh sản các vật ở vườn đất.

Bài vị của ba vị thần lập chung được viết như sau:

Bản gia đông chủ tư mệnh Táo Phủ thần quân

Bản gia Thổ Địa Long mạch tôn thần

Bản gia Ngũ phương ngũ thổ phúc đức chính thần

Mỗi gia đình có riêng một thổ công, và vị thổ công của mỗi nhà hàng năm đều được thay thế vào ngày 23 tháng chạp (còn gọi là ngày ông Táo lên trời), ngày

lễ Táo quân). Vào ngày này các gia đình sửa lễ, cúng ông Công rồi đốt bài vị cũ, thay bài vị mới.

c. Mũ Thổ công

Mũ thổ công là một cỗ gồm ba chiếc, một mũ đàn bà, hai mũ đàn ông. Mũ đàn ông có hai cánh chuồn vút lên, mũ đàn bà không có cánh chuồn. Khi thờ một cỗ mũ ba chiếc là thờ đủ mũ dành cho cả ba vị thần. còn thờ một mũ đó là mũ Thổ công. Cỗ mũ hoặc một chiếc mũ đặt trên bệ đều làm bằng giấy. Mỗi chiếc mũ kèm theo một chiếc áo và một đôi hia. Dưới mũ đặt 100 vàng thoi.

Đặc biệt, mũ, áo, hia của Thổ công mỗi năm một màu, màu này phải hợp với ngũ hành: mỗi năm có một hành riêng. Mỗi hành có một màu nhất định (Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ).

Năm có hành Kim như Quý Mão: mũ cúng màu vàng

Năm có hành Mộc: mũ màu trắng

Năm có hành Thủy: mũ màu xanh

Năm có hành Hỏa: mũ màu đỏ

Năm có hành Thổ: mũ màu đen

Cũng như bài vị Thổ công, hàng năm mũ cũng được đem hóa vào ngày Tết Táo quân và được thay cỗ mũ khác để thờ cho đến tết Táo quân năm sau.

d. Cúng Thổ công

Cúng thổ công vào ngày giỗ tết, sóc vọng. Tùy theo gia chủ lễ cúng Thổ công có thể cúng chay, hoặc cúng mặn. Trong những ngày sóc vọng, ngày mồng một, ngày rằm, các gia đình thường cúng chay, đồ lễ gồm giấy vàng, giấy bạc, trầu nước, hoa quả. Tuy vậy, cũng có người cúng mặn có thêm các đồ: rượu, xôi, gà, chân giò...

Những khi làm lễ cúng cáo gia tiên, bao giờ cũng cúng Thổ công. Khấn cầu sự phù hộ của Thổ công cũng giống như khấn gia tiên. Mặc dù, gọi là cúng Thổ công, nhưng khi cúng phải khấn đủ bài vị thần linh ghi trong bài vị.

d. Tết Thổ công

Thổ công là vị thần có nhiệm vụ ghi chép mọi việc tốt xấu xảy ra trong mỗi gia đình. Lễ cúng Thổ công quan trọng nhất là Tết táo quân vào ngày 23 tháng Chạp, còn gọi là Tết ông Công. Trong ngày lễ này, sau khi cúng giỗ xong, Thổ công lên châu thượng để để báo cáo những điều tai nghe, mắt thấy ở trần thế mà mình đã ghi chép được. Còn các gia đình sẽ hóa vàng, mũ, áo, hia, của năm trước và con cá chép để làm “ngựa” cho ông Công cưỡi, tro được phóng sinh ra sông, hoặc ao hồ sau lễ cúng. Con cá được phóng sinh hóa rồng sẽ đưa ông Công lên trời báo cáo với Ngọc Hoàng.

e. Văn khấn Thổ công

Văn khấn Thổ công sau đây được dùng cho cả năm, tùy theo cúng vào lúc nào mà ngày tháng cho phù hợp:

Nước Đại Việt năm... tháng... ngày...

*Tin chủ là... toàn gia cư trú tại xã... huyện...
tỉnh... trăm bái.*

*Kính cẩn dâng lên rượu, nước, bạc vàng, đèn
hương, hoa quả, cỗ bàn phẩm vật cùng mọi đồ lễ.*

Cùng mời:

Bản gia Thổ tại vị ở trước

Thổ địa tại vị ở trước

Thổ kỳ tại vị ở trước

Giáng lâm chứng giám

*Câu xin phù hộ gia chủ từ già đến trẻ hạnh
phúc, bình an không bệnh không tật.*

Thượng hưởng

2. THẦN TÀI

Thần tài là vị thần mang tài lộc cho gia đình, mỗi khi làm việc gì, gia chủ thường cầu khấn Thần tài. Người xưa thờ Thần tài ở xó xỉnh xuất phát từ điển tích: có một lái buôn tên là Âu Minh khi qua hồ Thanh Tháo, Thủy Thần cho một nô tỳ tên là Như Nguyệt.

Âu Minh đưa Như Nguyệt về nuôi trong nhà làm ăn ngày càng trở nên phát đạt. Sau đó nhân một ngày tết vì lý do nào đó, Âu Minh đánh Như Nguyệt. Như Nguyệt quá sợ hãi chui vào đống rác và biến mất. Từ đó Âu Minh làm ăn thua lỗ, sa sút, chẳng mấy chốc trở nên nghèo xác nghèo xơ.

Hóa ra, Như Nguyệt chính là Thần Tài hiện hình và mọi người lập bàn để thờ. Từ đó, ta có tục kiêng hót rác trong ba ngày đầu năm là vậy. Vì sợ hót rác là hót luôn cả thần tài trong đó, thì việc làm ăn sẽ không phát đạt. Việc thờ Thần Tài nơi xó xỉnh là do vậy.

a. Bàn thờ Thần Tài

Bàn thờ Thần Tài chỉ được lập ở những nơi xó xỉnh, góc nhà, chứ không phải nơi sạch đẹp, trang trọng như bàn thờ Tổ Tiên hay bàn thờ Thổ Công.

Bàn thờ Thần Tài là một chiếc khảm nhỏ, sơn son thếp vàng, hoặc là chiếc thùng gỗ dán giấy đỏ xung quanh. Phía trong khảm dán bài vị của Thần Tài, được viết trên giấy đỏ, mực viết bằng kim nhũ với nội dung:

Ngũ phương ngũ thổ long thần

Tiền hậu địa chủ tài thần

Hai bên bài vị có câu đối:

Thổ năng sinh bạc ngọc

Địa khả xuất hoàng kim

Có nghĩa là

Đất hay sinh ngọc trắng

Đất khá có vàng dòng

Nội dung câu đối có thể thay đổi nhưng bao giờ cũng phải có một đôi. Trước bài vị là bát hương, có hai cây đèn nhỏ. Trong khám đặt mấy cốc nước, chén rượu, một mâm bông để bày hoa quả phẩm vật khi cúng lễ. Có gia đình khắc lên khám mấy chữ đại tự và hai bên có đôi câu đối nội dung ca tụng sự giúp đỡ của Thần Tài và sự cầu mong của gia chủ.

b. Cúng Thần Tài

Người xưa cúng Thần tài quanh năm vào bất kỳ lúc nào thấy cần cầu xin, không chỉ vào dịp giỗ tế, sóc vọng. Ngày thường, người ta cúng Thần tài đơn giản, chỉ có trầu nước và trái cây... Còn trong các dịp giỗ tết, sóc vọng, cúng Thần Tài bằng cỗ mặn. Thông thường chỉ thắp hương thờ Thần Tài vào buổi chiều hàng ngày.

Văn khấn Thần Tài giống văn khấn Thổ Công, chỉ thay phần cung thỉnh bằng “Thần Tài vị tiên”.

3. Thánh sư

Thánh sư còn gọi là Tiên sư hay Nghệ sư, tức là ông Tổ một nghề nào đó, người đã khai phá ra nghề

đó truyền lại cho các thế hệ sau. Mỗi nghề ở làng quê Việt Nam đều có một vị Thánh sư. Họ chỉ là con người bình thường, nhưng được nhân dân rất tôn thờ vì họ đã tạo ra nghề và truyền dạy cho dân chúng. Những người cùng một nghề, hay cùng buôn một thứ hợp nhau lại thành phường hội, lập miếu thờ Thánh sư.

Các phường viên đóng góp tiền để cúng giỗ. Những phường to có tài sản riêng, ruộng vườn đều lấy hoa lợi dùng trong việc thờ cúng Thánh sư. Trong dịp cúng lễ giỗ phường, người ta còn tổ chức nhiều trò vui.

a. Bàn thờ Thánh sư

Bàn thờ tổ tiên được lập ngay chính giữa nhà, một bên là bàn thờ Thổ công, còn bên kia là bàn thờ Thánh sư. Bàn thờ Thánh sư cũng đơn giản như bàn thờ Thổ công, nhưng cần nhất là phải có bài vị, bức chân dung vẽ hoặc pho tượng Thánh sư, bên ngoài cũng treo y môn phủ kín.

Bàn thờ Thánh sư là một hương án kê sát tường hậu của gian nhà. Trong cùng chính giữa hương án đặt một chiếc bệ, trên bàn kê bài vị của Thánh sư gồm tên họ, nghề nghiệp sáng tạo của Thánh sư. Có khi bài vị được thay bằng bức vẽ chân dung hoặc tượng của Thánh sư. Phường còn thuê họa sĩ vẽ và phát cho các phường viên bức chân dung này. Trước

bài vị là một chiếc bàn nhỏ có kê dài rượu, có nắp đậy giống bàn thờ Táo quân. Trước bàn thờ nhỏ đặt bình hương hoặc một đỉnh trầm, hai bên có đèn nến ống hương, mâm bồng.

Người Việt rất quý trọng Thánh sư, nên ngoài việc thờ Thánh sư tại miếu chung của phường, các gia đình phường viên cũng lập bàn thờ Thánh sư tại gia đình mình.

b. Cúng Thánh sư

Trong những ngày sóc vọng, giỗ tết, khi cúng gia tiên, gia chủ đồng thời cúng cả Thánh sư với đồ lễ tương tự như cúng Thổ công. Nhưng ngày cúng Thánh sư quan trọng nhất trong năm là ngày kỵ nhật của Thánh sư. Ngày đó được cúng giỗ chung tại miếu phường, và các gia đình phường viên cũng tổ chức cúng lễ riêng để tỏ lòng thương nhớ ông tổ nghề của mình. Những người hành nghề, mỗi khi gặp khó khăn đều làm lễ kêu khấn Thánh sư để được phù hộ gặp may.

Văn khấn Thánh sư cũng giống như văn khấn cúng Thổ công, chỉ thay đổi phần “cung thỉnh Thổ công” thành “cung thỉnh Thánh sư” theo đúng bài vị của từng nghề.

4. TIỀN CHỦ

Tiền chủ là chủ của một ngôi nhà trước tiên, ở ngôi nhà này cho đến khi chết. Theo quan niệm của người

xưa, ngôi nhà có sự thay đổi chủ theo thời gian. Nhưng tại cõi âm, người tiền chủ vẫn nhớ ngôi nhà xưa của mình nên vẫn thỉnh thoảng đi lại thăm nom và coi sóc những chủ sau. Vì lẽ đó, các chủ ở sau không muốn bị vong hồn người tiền chủ quấy rối nên lập bàn thờ tiền chủ.

Bàn thờ tiền chủ là một cây hương xây ở ngoài sân. Cây hương gồm có một cột trụ cao khoảng 1 mét trở lên, mé trên xây rộng ra như một mặt bàn thờ, có thành ở đằng sau và hai bên. Trên bàn thờ đặt một bình hương, không có bài vị vì không ai biết tên tiền chủ nên khi cúng chỉ cần khấn bản gia tiên chủ là được.

Người ta cúng tiền chủ vào những ngày rằm, mồng một, ngày giỗ tết hoặc khi trong nhà gặp chuyện không hay để cầu sự bình an.

II. CÁC LỄ TIẾT TRONG NĂM

Tết Nguyên Đán là tiết lễ đầu tiên của năm bắt đầu từ lúc giao thừa với lễ trừ tịch. Nguyên là bắt đầu. Đán là buổi sớm mai. Tết Nguyên Đán tức là tết bắt đầu năm mới với tất cả mọi cảnh vật đều mới mẻ đón xuân sang. Trong ngày Tết, người ta cầu chúc cho nhau những điều tốt đẹp: Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh. Người nông dân thì cầu phong đăng, hòa cốc; các nho sinh thì cầu đỗ đạt, hiển vinh; người giàu cầu bách niên, giai lão; còn vợ chồng cầu gia đình đầm ấm.

Ngày xưa, trước ngày Tết, người ta thường dọn dẹp, lau rửa bàn thờ, trang hoàng nhà cửa để đón năm mới. Vào chiều 30 Tết, nhà nào cũng trồng cây nêu, nấu nước ngũ vị hương rảy lên bàn thờ và trong bếp để tẩy uế. Đồng thời, họ sửa lễ cúng tất niên, chuẩn bị đón rước tổ tiên. người xưa thờ cúng tổ tiên bằng những tự khí đẹp, dâng cúng những đồ ăn thức uống như lúc tổ tiên còn sống. Các lễ vật được sắm sửa đầy đủ: vàng, hương, trầm, nến, mâm ngũ quả

tươi tốt đủ màu... Trong dịp Tết, bàn thờ được thắp hương suốt đêm ngày vì con cháu tin rằng, những ngày này, hương hồn của tổ tiên lúc nào cũng hiện diện trên bàn thờ...

1. TẾT ÔNG TÁO

Trong ngày hai mươi ba tháng Chạp, ngày Táo quân châu trời, gia đình nào cũng sửa lễ tiễn ông Táo lên trời. Bàn thờ Táo quân được định vị khác nhau, tùy địa phương, có nơi kê cạnh bàn thờ tổ tiên, có nơi đặt bệ thờ ngay trong bếp, có nơi lại thờ ông Táo ở vách giữa phía sau nhà. Lễ cúng được cử hành chu đáo, kính cẩn và lễ vật là mâm cỗ mặn. Sau khi lễ xong thì hóa vàng, hóa luôn cả cỗ mũ năm trước. Ở miền Nam, ông Táo được dâng cặp giò (hia – mã).

Nói tới ông Táo – vua bếp, cũng là nói tới lửa. Về thời cổ, Lửa và Nước là phương tiện tẩy sạch, thanh khiết hóa. Một bà hai ông đầu dầu vào lửa là hình ảnh đầu tiên của “nghĩ lễ thanh khiết”. Ngoài ra, dân ta còn tin rằng, ngoài các vị thần hữu danh và vô danh, còn có các thần thời gian, gọi là Đại vương hành khiển với mười hai vị. Ngày các vị cũ ra đi và các vị mới xuống nhân gian trùng với ngày ông Táo lên trời (23/12) và trở về mặt đất (30/12) âm lịch.

Mẫu văn khấn:

Hôm nay, ngày 23 tháng chạp năm....

Tín chủ con là..

Người thôn... xã... huyện... tỉnh...

Cùng toàn thể gia đình kính bái.

Trước linh tọa của Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân

Kính cẩn thưa rằng:

Nay cuối mùa đông

Tử quý theo vòng

Hăm ba tháng chạp

Sửa lễ kính dâng

Hoa quả đèn hương

Xiêm lai áo mũ

Phông theo lễ cũ

Ngài là vị chủ

Ngũ tự gia thần

Soi xét lòng trần

Táo quân chứng giám

Trong năm sai phạm

Các tội lỗi lầm

Cúi xin tôn thần

Gia ân châm chước

Ban lộc ban phúc

Phù hộ toàn gia

Trai gái trẻ già

An ninh khang thái

Cẩn cáo

Nếu cúng cá chép sống thì sau khi làm lễ xong, gia chủ đem cá ra sông, hồ thả với niềm tin: cá sẽ chở ông Táo về trời

2. LỄ TIỀN ÔNG VẢI

Người ta thường làm lễ cúng ông Vải (gia tiên được gọi chung là ông Vải) gia tiên vào ngày 25 tháng Chạp. Người ta quan niệm rằng, làm lễ tiễn ông Vải quá sớm sẽ mang tiếng với các bậc gia tiên. Người xưa nghĩ rằng, ông Vải về cuối năm cũng muốn “đi chơi ít bữa” cho con cháu dọn dẹp thu xếp, bày biện lại bàn thờ sạch sẽ, mình về ngự thì sẽ tốt hơn. Trong việc dọn dẹp bàn thờ, người ta muốn bỏ những chân hương cũ đi, để thay bát hương mới trong dịp chào đón năm mới. Những chân hương này phải đem đốt nơi thanh sạch, tro mang đổ xuống sông. Sau khi lau sạch bát hương, người ta thay tro mới.

3. LỄ TẤT NIÊN

Vào ngày 30 tháng Chạp, tất cả mọi việc trong gia đình phải hoàn tất để chuẩn bị tiễn năm cũ, đón năm mới. Theo quan niệm của người Việt, Tết là dịp con cháu nhớ tới tổ tiên, và họ cũng tin vào sự phù hộ của các cụ. Trong dịp này, các gia đình thường làm lễ rước các cụ. Có hai cách rước: cách thứ nhất là con cháu chỉ làm cỗ dâng cúng gia tiên vào trưa ngày 30 Tết, khấn vái mời các cụ về dự hưởng tại nhà. Cách thứ hai là chiều ngày 30, gia chủ cùng người thân trong gia đình ra mộ, sửa sang, dọn sạch và thắp hương khấn mời tổ tiên về nhà cùng con cháu đón Tết. Sau khi rước các cụ về, cúng cỗ xong cả nhà quây quần ăn tất niên vui vẻ.

Trong mấy ngày Tết, trên bàn thờ luôn luôn có sự hiện diện của tổ tiên. Để giữ cho hương khói bị tắt, từ chiều ba mươi Tết, người ta thường dùng hương vòng hoặc hương sào. Hương vòng là một cuộn hương được thắp suốt đêm tới sáng, còn hương sào là một cây hương thật to, có thể thắp được suốt ngày đêm mới hết.

Văn khấn gia tiên trong ngày này như sau:

Hôm nay!

Ngày... tháng... năm...

Tại: thôn... xã... huyện... tỉnh...

Tín chủ con là... vâng lệnh mẹ và các chú, cùng với chị ruột, anh rể và các em trai gái dâu rể, con cháu nội ngoại toàn gia kính bái.

Nay nhân ngày....

Kính cẩn sắm một lễ gồm... gọi là lễ mọn lòng thành, kính dâng lên:

Đông trù tư mệnh táo phủ thần quân, bản gia tiên sư, bản viên thổ công, liệt vị tôn thần.

Trước linh vị của...

...

Và các vị tổ bá, tổ thúc, tổ cô, cùng các vong linh phụ thờ theo tiên tổ.

Kính cẩn thưa rằng: Năm cũ sắp hết, ngày Tết tới gần, chuẩn bị mừng xuân.

Kính cáo: thổ, địa, chư vị linh thần

Kính mời: Vong linh tiên tổ về với gia đình để cháu con phụng sự.

Cẩn cáo

Sau khi rước các cụ về nhà, đợi cháy hết tuần hương, cỗ cúng được hạ xuống, cả nhà quần tụ xung quanh mâm cơm tất niên vui vẻ và trịnh trọng. Điều quan trọng là mọi thành viên trong gia đình kể cả những người đi xa, đều có mặt để hàn huyên mọi

chuyện vui buồn xảy ra trong năm, hơn nữa, bàn cách giúp đỡ nhau trong việc làm ăn sắp tới...

Cũng vào tối Ba mươi Tết, một số trẻ em nghèo họp nhau thành từng nhóm đi chúc Tết, mặc dù lúc này chưa tới Tết. Mỗi nhóm có một ống tre đựng tiền. Xưa tiền trinh, tiền xu đều làm bằng đồng. Tối trước công mỗi nhà, các em lác ống tiền và đồng thanh hát bài xúc sắc xúc sê. Nhà chủ lắng nghe. Bà ca vừa dứt, người ta mở cổng, tặng các em ít tiền xu, có nhà còn tặng cả mít và bánh chưng, vì tục tin rằng, các em mang sự may mắn đến.

4. LỄ TRỪ TỊCH

Trừ tịch là giờ phút cuối cùng của năm cũ sắp bước qua năm mới, lúc hết giờ Hợi đêm 30 chuyển sang giờ Tý ngày mồng một tháng Giêng năm sau. Ý nghĩa của lễ này là đem bỏ hết những điều xấu của năm sắp qua để đón những cái mới mẻ tốt đẹp của năm mới sắp tới.

Tục xưa tin rằng, mỗi năm có một vị Hành khiển coi việc nhân gian, xem xét mọi việc hay dở của từng người, từng gia đình, từng thôn xã cho đến từng quốc gia để định công, luận tội, tâu lên Thượng đế. Có mười hai vị hành khiển luân phiên kể từ năm Tý đến năm Hợi, hết lượt lại quay trở lại. Lễ trừ tịch là để tiễn vị thần năm cũ, đón vị thần năm mới đến cai quản.

5. LỄ GIAO THỪA

Giao thừa là khoảnh khắc giao nhau giữa năm cũ và mới, là thời điểm thiêng liêng nhất của một năm. Và lễ giao thừa cũng là lễ quan trọng nhất trong dịp Tết Nguyên đán. Người ta phải cúng lễ cả ở ngoài trời và trong nhà. Sắp đến giờ lễ, gia đình phải chuẩn bị lễ vật để đúng đến 12 giờ đêm tiến hành lễ.

Bàn thờ giao thừa thiết lập ở ngoài trời với những vật phẩm thủ lợn hoặc con gà, bánh chưng, mứt kẹo, trầu cau, hoa quả ... và bao giờ cũng phải có vàng hương, rượu, có nhà thờ thêm cỗ mũ của vị Đại vương hành khiển. Lễ vật được chuẩn bị trên hương án trước giờ trừ tịch. Đúng thời điểm giao thừa, gia chủ thắp đèn, đốt pháo rồi khấn.

Văn khấn trong lễ giao thừa:

Nam mô a di đà Phật (3 lần)

Lạy chín phương trời, mười phương đất

Lạy chư Phật mười phương,

Lạy đương niên thiên quan ... năm...

Lạy Đông phương Thanh đế,

Bắc phương Hắc đế,

Nam phương Hồng đế

Tây phương Bạch đế.

*Lạy Đông trù tư mệnh, Táo phủ thần quân, Long
mạch, Thổ thần, cấp thổ chủ vị thần tài mở bái.*

Tín chủ con tên là ...

Cùng với toàn gia (vợ, con,, cháu,...)

*Ngụ tại thôn..., xã..., huyện..., tỉnh..., nước Việt
Nam.*

Lòng thành sắm lễ

Hương, đấng, trà, quả.

Tiền vàng cánh sớ

Phẩm vật chi nghi

Nhân phút thiêng liêng giao thừa đã tới

Pháo nổ vang lừng đón tiết đầu xuân

*Cầu mong vạn lượng canh tân Tam dương hai
thái cung trần lễ nghi*

Nguyện tôn thần phù trì bảo hộ

Cầu an linh Tiên tổ lưu ân

Ban cho con cháu hạ trần

Anh linh khang thái, muôn phần tốt tươi

Thieu quang chiếu rọi sáng ngời

Đầu năm chí cuối mọi người đều an

Có được sức khỏe lâu bền

*Tu tà, tích đức được nên danh phần
Bốn mùa thu, hạ, đông, xuân
Làm ăn phát đạt bớt phần nguy nan
Những điều tai vạ trái ngang
Ởn trời phù hộ tiêu tan tức thì
Điều lành mang đến, điều dữ bỏ đi
Dám xin sám hối bù trừ cho con
Một lòng theo đạo sắt son
Sống trên dương thế để còn tu tâm
Nam mô a di đà Phật (3 lần).*

Sau khi làm lễ dâng hương ngoài trời xong thì gia chủ vào nhà làm lễ dâng hương tổ tiên.

Lời khấn:

*Việt Nam... tháng... ngày... Trừ tịch năm... Tự
tôn là ... thừa mệnh thân phụ cùng vợ là ... và các
con cháu trai gái sửa soạn cỗ bàn, trầu rượu, hoa quả,
kính dâng lên:*

Chư vị tổ tiên trong nhà

*Ông nội là “hiệu” phủ quân. Bà nội là ... công
Chánh thất.*

Cha là... hiệu phủ quân. Mẹ là... công Chánh thất.

Kính thưa rằng:

Nay theo vật luận, tống cụt nghin tân, giờ tý đầu xuân, mưa móc thấm nhuần, đón mừng Nguyên đán.

Cháu con tưởng niệm, nội ngoại tổ tiên, kính cẩn dâng lên, lễ nghi vật phẩm.

Cúi xin chứng giám, biểu lộ lòng thành, thỉnh các tiên linh, cùng về âm hưởng.

Tôn linh tại thượng, phù hộ độ trì, năm mới mọi bề, bình an khang thái.

Cẩn cáo.

Sau khi cúng giao thừa xong, các gia chủ cúng khấn Thổ công, lễ vật cúng Thổ công đã được giới thiệu ở phần trước.

6. MẤY TỤC LỆ TRONG ĐÊM TRỪ TỊCH

Sau khi làm lễ giao thừa, người Việt Nam thường kéo nhau đi lễ các đình chùa, miếu, điện để xin Phật, Thần phù hộ độ trì cho bản thân và gia đình. Nhiều người xin lộc bằng cách đốt một nắm hương hoặc một cây hương lớn, đứng khấn vái trước ban thờ, rồi mang về vài ba nén hương, gọi là hương lộc để cắm vào bình hương bàn thờ Tổ tiên hoặc bàn thờ Thổ công ở nhà. Ngọn lửa tượng trưng cho sự phát đạt, người ta cho rằng lấy lửa từ các nơi thờ tự mang về tức là mong

Phật Thánh phù hộ cho năm mới được thịnh vượng, tốt lộc quanh năm.

Cũng có nhiều người lễ xong, xin lộc ở vườn chùa mang về đất dưới mái nhà gian giữa trước bàn thờ gia tiên, gọi là hái lộc. Tục hái lộc ra đời từ truyền thuyết vua Hùng nhân chuyến đi chơi xuân, hái cành lộc mang về cho con cháu với mục đích mang điều tốt lành cho dòng dõi. Nhưng người ta thường hái lộc ở cây đa đầu làng, vì đa là loại cây sống lâu, tượng trưng cho tuổi thọ và đa còn có nghĩa là nhiều – nhiều con, nhiều tiền. Mọi người thường chọn cành cây hướng về phía Đông, lá sạch, không sâu, cành đẹp, có búp mới thật tốt. Trước khi hái, người ta còn phải đếm số lá trên cành, nếu số lá chẵn thì đi buôn, để con không tốt, nhưng đi hỏi vợ thì lại tốt (vì chẵn là đủ đôi). Xin lá xong thì niệm chú: “Xin lộc lấy may!” rồi mới ngắt. Người đi hái lộc nhất thiết không được cho lộc vì như thế sẽ bị mất lộc.

7. LỄ CHÍNH ĐÁN

Sang ngày mồng một Tết, các gia đình lại bày cỗ cúng gia tiên tại bàn thờ gia tiên, gọi là lễ Chính đán. Lễ phẩm gồm tất cả những thứ đã chuẩn bị từ trong tết. Chính đán là lễ cúng long trọng nhất mở đầu cho cả năm nên được các gia đình rất chú trọng.

Ngày xưa, cúng gia tiên xong, các gia đình lại đến

nhà thờ Tổ làm lễ tế Tổ. Các bậc hào trưởng, hương lý ra đình làm lễ tế Thần. Những người cùng một họ (chỉ riêng đàn ông), sau khi lễ tổ tiên các nhà trong chi họ mình rồi đến lễ tổ tiên các nhà chi trên và chi dưới, đồng thời chúc Tết. Họ lớn thì anh em trong gia đình cất đặt nhau đi lễ hết chỉ trong ngày mồng một Tết. Người đi lễ Tết phải lễ trước bàn thờ gia tiên bốn lạy ba vái, chúc mừng năm mới gia chủ, rồi mới ngồi nói chuyện, uống nước ăn trầu.

Cũng trong ngày này, nhiều gia đình lên đình, chùa, đền, miếu đi lễ với các lễ phẩm chỉ là oản, chuối, hương, hoa chứ không bày cỗ mặn. Mẫu văn khấn như sau:

Hôm nay là ngày ..., tháng..., năm... Con (hoặc cháu) là ... nguyên quán tại Hiện ở tại...

Nay nhân dịp đầu năm, xin dọn dẹp từ đường, sửa soạn lễ nghi, thỉnh tổ tiên liệt vị, kính cẩn thưa rằng:

Nay theo tuế luật

Mồng một đầu xuân

Mưa móc thấm nhuần

Đón mừng nguyên đán

Cháu con tưởng niệm

Nội ngoại tổ tiên

Kính cẩn dâng lên

*Lễ nghi vật phẩm
Cúi xin chứng giám
Biểu lộ lòng thành
Thỉnh cáo tiên linh
Cùng về âm hưởng
Tôn linh tại thượng
Phù hộ độ trì
Năm mới mọi bề
Yên vui khang thái.*

Cẩn cáo

8. LỄ CÚNG ĐƯA

Với quan niệm “Âm dương nhị đồng nhất lý”, nghĩa là đã có mời thì phải có đưa, vì cúng vào chiều ba mươi Tết với mong muốn mời Tổ tiên về ăn Tết, thì lễ cúng vào ngày mồng ba là để tiễn các cụ trở lại thế giới bên kia. Lễ phẩm giống như món đã lễ trong các ngày Tết, chỉ thêm đĩa xôi, con gà và thay mới hương hoa, trầu cau. Trong lời khấn, gia chủ cần chú ý ba điều: cảm tạ tổ tiên đã về với con cháu, nay tiễn đưa, mong các vị phù hộ con cháu, con cháu có điều gì khiếm khuyết xin các vị tha thứ. Cúng đưa xong là làm lễ hoá vàng. Vàng mã làm bằng giấy tượng trưng cho đồ dùng của người đã khuất lúc sinh thời. Người

hoá vàng ở giữa sân hoặc ở một nơi góc vườn sạch sẽ, thấp hương biện lễ rồi châm lửa đốt cho đến lúc tất cả đều cháy là xong.

9. LỄ KHAI HẠ

Tết Nguyên đán kết thúc bằng lễ Khai hạ cũng đồng thời làm lễ hạ nêu, được cử hành vào ngày mồng bảy Tết. Theo sách “Chiêm tuế sự thư”, tháng đầu năm, mồng một là ngày con gà, mồng hai là ngày con chó, mồng ba là ngày con lợn, mồng bốn là ngày con dê, mồng năm là ngày con trâu, mồng sáu là ngày con ngựa, mồng bảy là ngày con người, mồng tám là ngày của lúa. Đây vốn là lối bói: nghiệm đầu tháng Giêng, tám ngày ấy, hễ ngày nào tạnh ráo thì giống thuộc về ngày ấy cả năm được tốt. Cho nên đến ngày mồng bảy, thấy trời sáng sủa, không mưa gió, người ta cho rằng cả năm con người sẽ được mạnh khỏe, do đó tổ chức ăn mừng. Sau này dù trời mưa, cứ mồng bảy là tổ chức tiệc ăn mừng. Lễ vật dâng cúng là cỗ mặn với đầy đủ các món. Đây là bữa ăn Tết cuối cùng nên con cháu thường tụ tập đông đủ.

10. TỤC ĂN TẾT LẠI

Hơn hai thế kỷ nay, nhiều địa phương có tập tục ăn Tết lại. Ra giêng (trước hay sau Rằm) người ta gói tiếp đợt bánh chưng khác để cho người thân chưa kịp về Tết hay để mời khách đợt xuất và cũng là để

gia đình ăn Tết lại.

11. CÚNG NGÀY SÓC, NGÀY VỌNG

Ngày mồng Một hàng tháng là ngày Sóc, ngày rằm là Vọng. Trong những ngày này, các gia đình đều sửa lễ cúng Tổ tiên, Thổ công, Thánh sư, Tiên chủ, Thần tài tại bàn thờ gia đình. Có thể cúng mặn (trừ cúng Phật) hoặc chỉ cúng thễ hương hoa, trầu rượu.

Tại chùa có cúng Phật, mọi người lễ Phật với đồ lễ gồm hương hoa, oản chuối. Riêng ở miếu, đền và đình, người ta sửa lễ oản chuối, trầu rượu hoặc lễ mặn để lễ thần.

Theo lệ thường, muốn cúng lễ điều gì, trước hết phải cúng Táo quân (đệ nhất gia chi chủ) để xin phép ngài cho các vị được cúng lễ có thể tới phối hưởng.

Trong những ngày này, lễ vật rất giản dị, chỉ cần hương, đèn, trầu, tiền vàng, không cần phải có lễ mặn vào ngày này.

Văn khấn:

Cứ theo tế luật, mồng Một đến ngày, kính bày lễ sóc (hoặc lễ vọng đêm rằm, đến tận phong đăng, ánh trăng vàng vặc...)

... Tuân theo lệ tục, bát nước nén nhang, kính cầu lay vâng, Tôn thần Tiên tổ.

Cúi trông phù hộ, cứu khổ trừ tai, tiên lộc dâng tài, gái trai hiếu thảo.

Vợ chồng hoà hảo, vận đáo hanh thông, sắc sắc không không, âm dữ tương đồng, dốc lòng cầu khẩn.

Cúi xin soi tận, ý khấu tâm thành, muôn đội tôn linh, phục duy! Thượng hưởng.

12. DÂNG HƯƠNG TẠI GIA

Người Việt có tục dâng hương, lễ bái tại gia các vị Gia thần và Gia tiên vào các dịp tuần, tiết. Mỗi tuần tiết dâng hương tại gia đều có những điểm khác nhau nhất định, từ phẩm vật dâng cúng đến một số nghi thức và văn khấn, song vẫn có những nguyên tắc chung. Dâng hương cáo lễ Gia thần trước, Gia tiên sau.

Các vật phẩm dâng hương có thể là lễ chay hoặc lễ mặn (các gia đình thờ Phật thì chỉ dâng lễ chay). Trong các ngày này, các gia đình thường có các đồ lễ rượu dâng không thể thiếu: hương, đèn, chè, quả, rượu, nước trong, trầu cau và tiền vàng. Riêng đèn (nến) thường là một cặp, được đặt cả hai bên bàn thờ, cao hơn các vật phẩm khác. Chúng tượng trưng cho hai vầng nhật nguyệt và được thắp sáng suốt buổi lễ. Lễ vật trên bàn thờ có thể là chung nhưng nếu có nhiều bát hương thì bát nào cũng phải thắp hương cả, và thắp theo số lẻ (vì số lẻ thuộc thế giới

âm). Khi cháy gần hết tuần hương, gia chủ lại thắp thêm một tuần nữa rồi xin phép tổ tiên hoá vàng. Tiền vàng khi đã hoá thành tro thì rảy vào đó một chén rượu cúng.

Mọi kỳ dâng hương đều có vái và lễ. Vái thì các ngón tay đan vào nhau, còn lễ thì hai bàn tay áp vào nhau và đều đặt ở vị trí ngang trước ngực. Nghi lễ này đòi hỏi người làm lễ phải thành tâm. Vái lễ chỉ được thực hiện sau khi các lễ vật đã được đặt lên bàn thờ, đèn đã được thắp sáng, hương đã được châm lửa. Người làm lễ sau khi đã châm lửa, kính cẩn dùng hai tay dâng các nén hương ở vị trí ngang trán, vái ba vái rồi mới cắm hương vào bát hương. Vái ba vái xong thì đọc văn khấn (mỗi dịp tuần tiết đều có nội dung khác nhau). Khấn xong lễ bốn lễ và thêm ba vái.

13. THỜ CÚNG THẦN SAO

Khi nhiều người trong gia đình bị ốm đau quặt quẹo, đã chạy chữa trong thời gian dài nhưng vẫn không khỏi. Sau khi xem số biết rằng tại cung Tử của bố mẹ có các sao dữ, ví như sao Bạch Hổ gây ảnh hưởng tới sức khỏe của con cái. Vì vậy, muốn con cái được bình yên khoẻ mạnh cha mẹ phải thờ cúng các vị Thần sao, như là thần Bạch Hổ. Sau khi đã bày đủ nghi lễ, cha (hoặc mẹ) kẹp một nén hương vái bốn

phương trời rồi quay trở về hướng cúng sao.

Lời khấn:

Nam mô a di đà Phật (3 lần) kính lạy chín phương trời, mười phương đất, chư Phật mười phương. kính lạy đương niên thiên quan...

Con tên là ... tuổi ... ngụ tại số nhà ... phố ... quận ... huyện ... tỉnh ...

Năm nay giờ chiếu mệnh ... hạn thấu ...

Thành tâm thiết lễ. Giải hạn nhân tinh. Lòng thành cúi lạy: Trung thiên tinh chủ. Bắc cự tử vi. Đại đế ngọc bệ hạ giáng trần soi xét. Cầu cha mẹ khương tinh trường thọ, Phật Thánh hiển phù hộ cháu con.

Trong nhà đều hạnh phúc đặng long, lớn nhỏ thấy đều hoan lạc.

Nguyện thi quân hạ thần chiến tạc

Giải hạn - bệnh tật trừ – thanh

Dứt tà hung, khiến gặp điều lành

Hô đệ tử lòng thành khấn tấu

Nam mô a di đà Phật (3 lần)

Nam mô thiên tai giáng sát trường Bồ Tát (13 lần)

Nam mô chủ tinh quân chủ hạn thần (21 lần).

14. DÂNG SAO GIẢI HẠN

Người Việt xưa tin rằng, vào một số tuổi nhất định, người ta thường gặp vận hạn (những chuyện không may). Quan niệm này hoàn toàn không chỉ là quan niệm thuần túy mê tín, xét theo khía cạnh khác, những năm tuổi này cũng tương quan với những chu kỳ biến đổi (có nhiều khả năng bất lợi) về sinh học của con người. Muốn làm giảm nhẹ điều này, họ thường cúng giải sao (dâng sao giải hạn) vào đầu năm hoặc hàng tháng. Lễ dâng sao giải hạn có thể thực hiện tại chùa hay ngay tại nhà. Nghi thức tiến hành như sau:

a. Sao Thái Dương:

Những người 5, 14, 23, 32, 41, 50, 59, 77, 88 và 95 tuổi là gặp sao Thái Dương chiếu. Sao này tốt với nam, không tốt đối với nữ. Hàng tháng, dùng bài vị màu vàng để làm lễ giải sao này vào ngày 27. Sắm hương hoa, tiền vàng, bài vị mũ màu vàng, 12 ngọn nến và 36 đồng tiền hướng về phương Tây làm lễ giải sao.

Lời khấn:

Nam mô a di đà Phật (ba lần)

Nam mô Hữu thiên chí tôn Kim quyết Ngọc Hoàng Thượng đế

*Kính lạy đức Trung thiện tinh chúa Bắc Cực tử vi
Trang sinh đại đế.*

*Kính lạy đức Tả Nam tào lục ty duyên thọ tinh
quân*

*Kính lạy đức Hữu Bắc đầu cầu hàm giải ách tinh
quân.*

*Kính lạy đức Nhật cung Thái Dương Thiên tử tinh
quân.*

*Kính lạy đức Thượng thanh bản mạch nguyên
Thần chân quân.*

Hôm nay là ngày 27 tháng ... năm ...

Chúng con là ... tuổi ... địa chỉ ...

*Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ...
làm lễ giải hạn sao Thái Dương chiếu mạng.*

*Cúi mong chư vị chấp kỳ bạc lễ, phù hộ độ trì, giải
trừ vận hạn, ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự
lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, an Khang,
thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm
bái lạy.*

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ 3 lạy).

*Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, nhất tâm
bái lạy .*

b. Sao Thái Âm

Những người 8, 17, 26, 35, 44, 53, 62, 71, 80 98, tuổi là gặp sao Thái Âm chiếu mạng. Thái âm là sao tốt nhưng không tốt lắm đối với nữ. Hàng tháng vào ngày 26, dùng bài vị màu vàng để làm lễ giải sao này. Sắm hương hoa, tiền vàng, mũ vàng, 7 ngọn nến và 36 đồng tiền hướng về chính Tây làm lễ giải sao.

Lời khấn:

*Nam mô a di đà Phật (ba lần) kính lạy Đức Huệ
Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng Thượng đế.*

*Kính lạy Đức Thượng thanh bản mạng nguyên
thần chân quân.*

Hôm nay là ngày 26 tháng ... năm ...

Chính con là ... tuổi ... địa chỉ ...

*Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ...
làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mạng, cúi xin chư
vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn, ban
phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh mọi
sự dữ, gia nội bình yên, anh khang, thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm
bái lạy.*

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ 3 lạy).

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền vàng.

c. Sao Mộc Đứ

Những người 9, 18, 27, 36, 45, 54, 63, 72, 81, 90 và 99 tuổi là gặp sao Mộc Đứ chiếu mạng. Mộc Đứ là sao tốt, nhưng không tốt cho những người vượng hoả. Hàng tháng vào ngày 25, dùng bài vị màu xanh để làm lễ giải sao này. Sắm hương hoa, tiền vàng, mũ xanh, nến 20 cây và 36 đồng tiền hướng về chính Tây là lễ để giải.

Lời khấn:

*Nam mô a di đà Phật (ba lần) kính lạy đứ Huệ
Thiện chí tôn Kim Quyét Ngọc Hoàng Thượng đế.*

Kính lạy Đông phương giáp ất Mộc Đứ tinh quân

*Kính lạy đứ Thượng thanh bản mạng nguyên
thần chân quân.*

Hôm nay là ngày 25 tháng ... năm ...

Chính con là ... tuổi ... địa chỉ ...

*Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ...
làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mạng, cúi xin chú
vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn, ban
phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh mọi
sự dữ, gia nội bình yên, anh khang, thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm
bái lạy.*

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ ba lạy).

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền vàng.

d. Sao Vân Hán

Những người 6, 15, 24, 33, 42, 51, 60, 69, 78, 87 và 96 tuổi là gặp sao Vân Hán chiếu mạng. Vân Hán là tai tinh (sao xấu) chủ về ốm đau bệnh tật. Hàng tháng vào ngày 29 dùng bài vị màu đỏ để làm lễ giải sao này. Sắm hương hoa, tiền, vàng, mũ đỏ, 15 câu nến và 36 đồng tiền, hướng về phía Tây để làm lễ giải sao.

Lời khấn:

Nam mô a di đà Phật (ba lần)

Kính lạy đức Hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng Thượng đế.

Kính lạy đức Nam Phương Bình Định Hoà đức thần chân quân

Kính lạy đức Thượng thanh bản mạng nguyên thần chân quân.

Hôm nay là ngày 29 tháng ... năm ...

Chính con là ... tuổi ... địa chỉ ...

Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ... làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mạng, cúi xin chư vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn, ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh mọi

sự dữ, gia nội bình yên, anh khang, thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ ba lạy).

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền vàng.

d. Sao Thổ Tú

Những người 2, 11, 20, 29, 38, 47, 56, 65, 74, 83 và 92 tuổi là gặp sao Thổ Tú chiếu mạng. Đây là sao xấu, chủ về tai vạ kiện tụng, xấu đối với cả nam nữ và gia trạch. Ngày 19 hàng tháng, dùng bài vị màu vàng làm lễ giải sao này. Sắm hương hoa, tiền vàng, mũ vàng, 5 cây nến và 36 đồng tiền hướng về chính Tây để làm lễ giải sao.

Lời khấn:

Nam mô a di đà Phật (ba lần)

*Kính lạy đức Hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng Thượng đế.*

*Kính lạy đức Trung Ương Mậu Kỷ Thổ Đức tinh
quân*

*Kính lạy đức Thượng thanh bản mạng nguyên
thần chân quân.*

Hôm nay là ngày 19 tháng ... năm ...

Chính con là ... tuổi ... địa chỉ ...

Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ... làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mạng, cúi xin chư vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn, ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, anh Khang, thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ ba lạy).

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền vàng.

e. Sao Thái Bạch

Những người 4, 13, 22, 31, 40, 49, 58, 67, 76, 85 và 94 tuổi là gặp phải sao Thái Bạch chiếu mạng. Sao này xấu, chủ về tiền của, khẩu thiệt, xấu cả nam và nữ nhưng nam đỡ hơn. Ngày 15 hàng tháng, dùng bài vị màu trắng, sắm lễ hương hoa, tiền vàng, mũ trắng, 8 ngọn nến và 36 đồng tiền hướng về chính Tây làm lễ giải sao.

Lời khấn:

Nam mô a di đà Phật (ba lần)

Kính lạy đức Hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng Thượng đế.

Kính lạy đức Tây phương Canh Tân Kim đức Thái bạch tinh quân.

Kính lạy đức Thượng thanh bản mạng nguyên thân chân quân.

Hôm nay là ngày 15 tháng ... năm ...

Chính con là ... tuổi ... địa chỉ ...

Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ... làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mạng, cúi xin chư vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn, ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, anh Khang, thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ ba lạy).

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền vàng.

g. Sao Thủy Diệu

Những người 3, 12, 21, 30, 39, 48, 57, 66, 75, 84 và 93 tuổi là gặp sao Thủy Diệu chiếu mạng. Thủy Diệu là sao Phúc Lộc nhưng xấu với nữ và chủ về tai hạn, tang chế. Ngày 21 hàng tháng dùng bài vị màu đen, sắm sửa hương hoa, tiền vàng, mũ đen, 7 ngọn nến và 36 đồng tiền hướng về chính Tây làm lễ giải sao.

Lời khẩn:

Nam mô a di đà Phật (ba lần)

Kính lạy đức Hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc

Hoàng Thượng đế.

Kính lạy đức Bắc phương nhân Quý Thủy Đức tinh quân

Kính lạy đức Thượng thanh bản mạng nguyên thân chân quân.

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Chính con là ... tuổi ... địa chỉ ...

Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ... làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mạng, cúi xin chư vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn, ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, anh khang, thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ ba lạy).

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền vàng.

h. Sao La Hầu

Những người 1, 10, 19, 28, 37, 46, 55, 64, 73, 82, và 91 tuổi là gặp sao La Hầu chiếu mạng. La Hầu là sao xấu, chủ về khẩu thiệt. Nam xấu hơn nữ. Ngày mồng tám hàng tháng dùng bài vị màu vàng sắm sửa hương hoa, tiền vàng, mũ màu vàng, 9 ngọn nến và 36 đồng tiền, hướng chính Bắc làm lễ giải sao.

Lời khẩn:

Nam mô a di đà Phật (ba lần)

*Kính lạy đức Hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng Thượng đế.*

*Kính lạy đức Thiên cung Thần Thủ La Hầu tinh
quân.*

*Kính lạy đức Bắc phương nhân Quý Thủy Đức
tinh quân*

*Kính lạy đức Thượng thanh bản mạng nguyên
thân chân quân.*

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Chính con là ... tuổi ... địa chỉ ...

*Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ...
làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mạng, cúi xin
chư vị chấp kỳ bực lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn,
ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh
mọi sự dữ, gia nội bình yên, anh khang, thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm
bái lạy.*

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ ba lạy).

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền vàng.

i. Sao Kế Đô

Những người 7, 16, 25, 34, 43, 52, 61, 79, 88 và 97 tuổi gặp phải sao Kế Đô chiếu mạng. Đây là Hung tinh xấu nhất về xuân hạ, nhưng xuất ngoại đi xa gặp điều tốt hơn, nữ xấu hơn nam. Ngày mùng 8 hàng tháng dùng bài vị màu vàng, sắm sửa hương hoa, tiền vàng, mũ màu vàng, 9 ngọn nến và 36 đồng tiền, hướng về chính Bắc làm lễ giải sao.

Lời khấn:

Nam mô a di đà Phật (ba lần)

Kính lạy đức Hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng Thượng đế.

Kính lạy đức Địa Cung Thần Vỹ Kế Đô tinh quân.

Kính lạy đức Bắc phương nhân Quý Thủy Đức tinh quân

Kính lạy đức Thượng thanh bản mạng nguyên thân chân quân.

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Chính con là ... tuổi ... địa chỉ ...

Thành tâm sắm hương hoa lễ vật thiết lập tại ... làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mạng, cúi xin chư vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn, ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh mọi

sự dũ, gia nội bình yên, anh khang, thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ ba lạy).

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền vàng.

15. LỄ THƯỢNG THỌ

Đây là một hình thức báo hiếu và là dịp vui mừng của cả gia đình.

Gia đình nào khá giả và đông con cháu thường tổ chức lễ mừng thọ cho mẹ. Có cha mẹ già bảy tám mươi tuổi, trong ngày này, gia đình làm lễ gà xôi, hoặc tam sinh lợn bò, đem ra đình lễ thần gọi là bái tạ thần huu, nghĩa là tạ ơn thánh thần đã phù hộ cha mẹ sống lâu. Đến giờ lễ, cha, (hoặc mẹ) mặc quần điều, áo tía ngồi trên, con cháu tế tự lễ bái. Con cái dâng lễ, mỗi người một chén rượu mừng thọ, hoặc là quả đào gọi là bàn đào chúc thọ.

Con cháu lễ bái xong rồi, mời làng xóm, bạn bè đến ăn mừng. Khách đến đem đồ lễ vật đến mừng và chứng kiến sự hạnh phúc của hai cụ, sự hiếu thảo của con cháu. Hai bên nhà có treo những câu đối, những bức đại tự để mừng hai cụ.

Trong ngày này, khi làm lễ, người con trưởng sẽ

khấn:

Lời yết cáo tổ tiên

Hôm nay!

Ngày ... tháng Năm ... tại thôn ... xã ... huyện ... tỉnh ...

Hậu duệ tôn là (tên người đứng lễ).

Quy trước linh vị (đọc linh vị của thuỷ tổ, tiên tổ được liệt thờ trong nhà thờ họ).

Kính cẩn lạy tâu rằng:

Cúi nghì: Tuổi tác tự Trời Phật ban cho

Hình hài nhờ Tổ Tiên mới có

Nay: toàn dân hớn hở đón xuân sang

*Tín chủ mừng vui là lễ thọ **

Yết cáo chư vị thần linh

Kính lạy miếu đường tiên tổ

Xin rộng mở lòng nhân

Nguyện vun trồng đức độ

(*) Nếu người đứng lễ là bản thân người được khánh thọ thì dùng chữ “làm lễ thọ”. Nếu con trưởng hay cháu đích tôn đứng lễ thì dùng chữ “dâng lễ thọ”.

Mong sao ngày tháng mãi bền lâu
Ước được góc cạnh thêm củng cố
Tưởng niệm công đức ngày xưa
Gọi chút khói hương lễ nhỏ
Ngửng trông chứng giám tác thành
Cúi xin phù trì bảo hộ
Mong Tiên sinh khơi rộng mạch trường sinh
Cho hậu duệ leo lên thêm Thượng thọ
Trên Thiên tào tăng niên kỷ lâu dài, như rùa hạc vô
cường
Dưới hải ốc tươi phúc lộc dồi dào, như suối nguồn
bất hủ.
Khấn đầu cúi lạy thần linh tiên tổ.

Thượng hưởng.

16. CÚNG ĐẦY THÁNG

Khi đưa trẻ đầy cũ thì cha mẹ tổ chức cúng đầy cũ, tới khi chúng đầy tháng thì cha mẹ tổ chức cúng đầy tháng. Cúng đầy tháng, ngoài việc cúng và đồ lễ tương tự như cúng đầy cũ, còn có cúng Tổ công và cúng gia tiên. Những gia đình khá giả còn làm một bữa tiệc thịnh soạn mời họ hàng bạn bè đến dự.

Gia đình sửa soạn nghi lễ và phẩm vật rồi tiến

hành buổi lễ. Lời khấn:

Duy! Niên hiệu Tỉnh ... huyện Xã Thôn

Tín chủ là phu thê ..., đồng gia

Kính cáo:

*Nhân ngày ... tháng Năm nay (hoặc năm
ngoái), vợ chồng chúng con sinh con trai (hoặc gái)
đầu (hoặc thứ) đặt tên là ...*

Đến nay vừa chẵn tháng.

*kính cẩn sắm lễ vật cỗ chay (hoặc mâm cỗ mặn),
hương đàn, trầu rượu, hoa quả, khấn với:*

Đệ nhất Thiên tử đại tiên chủ

Đệ nhị Thiên đế đại tiên chủ

Đệ Tam Tiên mụ đại tiên chủ

Thập nhị bộ tiên nương

Tam thập lục cung chư vị tương nương án hạ

*Cúi mong chư vị tôn linh chứng giám, phù hộ cho
cháu bé được thân mệnh bình yên cường tráng. Kính
nhờ vào đạo đức các vị Tiên bà phù trợ ...*

Cẩn cáo.

17. CÚNG ĐẦY NĂM

Cúng đầy năm còn gọi là cúng đầy tuổi hoặc lễ
thôi nôi. Trong buổi cúng đầy năm, nhiều nhà làm

cỗ bàn rất linh đình, khăn trải trước bàn thờ gia tiên và mời khách khứa đông hơn cả cúng đầy tháng.

Lời khấn:

Hôm nay là ngày ... tháng Năm Nay con giữ việc phụng thờ tên là Tuổi ... sinh tại xã Huyện Tỉnh Cùng toàn gia, trước bàn thờ gia tiên cúi đầu bái lễ.

Kính dâng lễ bạc: trầu rượu, trà nước, vàng hương, hoa quả cùng phẩm vật, lòng thành nhân dịp sinh hạ cháu trai (gái), kính mời hương hồn nội ngoại gia tiên, kỵ cụ, ông bà, cha mẹ, cô dì, chú bác, anh chị em chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin gia tiên phù hộ độ trì cho cháu ... hay ăn chóng lớn và toàn gia khang kiện.

Cẩn cáo.

III. CÁC NGHI THỨC LỄ KHI LÀM NHÀ

Làm nhà là một trong những việc rất trọng đại trong đời của người Việt Nam, liên quan tới sinh mệnh của những người sẽ sống trong ngôi nhà đó. Bởi vậy, người ta rất chú trọng tới các nghi thức, các bước phải làm lễ cúng. Ngoài việc chọn hướng nhà sao cho hợp tuổi gia chủ, còn chú ý tới lễ động thổ, lên tầng, cất nóc. Thậm chí còn có người chú ý tới các cung số khi làm cửa, làm cầu thang sao cho rơi vào cung tốt như cung “sinh” chứ không rơi vào cung “tử”.

Chọn đất làm nhà cũng nhất chọn hướng nhà là tối quan trọng trong việc xây cất. Tuy nhiên, trước khi làm nhà, người ta phải xem tuổi để biết tuổi có lợi cho việc xây cất và có hợp với hướng định xây hay không. Nếu không phải đợi năm khác. Đất phải chọn nơi cao ráo, để có thể tận dụng được cái khí của đất trời.

Cùng với nơi đất tốt, hướng nhà phải hợp với lẽ thuận nghịch của âm dương. Hướng Nam thường

được người ta cho là tốt nhất, nhưng cũng còn phải tùy vào địa thế căn nhà và tuổi của chủ nhà. Khi chọn hướng nhà phải tránh góc ao, đao đình hoặc một con đường đâm thẳng nhà để tránh những ảnh hưởng không tốt về phong thủy.

1. LỄ ĐỘNG THỔ

Sau khi chọn ngày hợp với tuổi gia chủ, người ta làm lễ động thổ (cúng thần đất) để xin được làm nhà trên mảnh đất đó. Trong lễ động thổ ngày xưa phải cúng tam sinh. Ngày nay đơn giản hơn, nhưng phải có con gà, đĩa xôi, hương hoa. Sau khi làm lễ, gia chủ là người cầm cuốc bỏ những nhát cuốc đầu tiên, trình với thổ thần xin được động thổ, tiếp sau đó mới cho thợ đào móng.

Lời khấn:

Kính lạy Đông trù tư mệnh

Táo phủ Thần quân

Long mạch thổ thần – cấp thổ

Chủ vị thần tài – thông minh, chính trực

Chí thần chí linh

Xưa, thần vâng mệnh thiên đình

Đông trù chấp trường chấp hành nghiêm trang

Thay trời giáng phúc trừ ương

Xem xét thiện ác một phương không lầm
Thiền chủ lễ bạc thành tâm
Chùng nào đậ́c lễ chặ̉ng làm chặ̉ng sai
Vun trồng hoè, quế xanh tươi
Trẻ già mạnh khỏe, người người an Khang
Trót lăm xin xá, xin thương
Để cho con được mở đường thành tâm
Bốn màu xuân, hạ, thu, đông
Làm ăn phú quý, bớt phân nguy nan.

Nay nhân ngày ... tháng ... năm ... giờ ...

Tín chủ con tên là Cùng vợ (chồng), con trai
(con gái) Cháu

Ngụ tại thôn Xã Huyện Tỉnh (hoặc số
nhà Phố Phường quận Thành phố.....)

Thành tâm kính dâng lễ vật gồm: hương đăng ...
cung thỉnh chư vị đồng lai hiến hương. Cháp kỳ lễ
bạc, phù hộ độ trì cho chúng con.

Cẩn cáo.

Khi xây nhà, người ta làm lễ cất nóc, chữ gọi là
Thượng lương. Nóc đối với ngôi nhà quan trọng, vì
không có nóc không thành nhà. Khi làm lễ, chủ nhà
nhờ người xem ngày, chọn giờ để sau này gặp may

mấn, bình an. Đúng ngày giờ đã chọn, người ta bắc đôn chính của nóc nhà lên đỉnh sườn nhà. Một miếng vải đỏ có đề ngày tháng cử lễ và mấy chữ “Khuông Thái công tại thử” nghĩa là “Ông Khuông Thái công ở đây” được trao vào chiếc đôn chính này. Cũng có nhà thay miếng vải đỏ bằng một lá bùa bát quái để trừ tà ma. Cùng với đó, người ta còn làm lễ mời thầy pháp tới cúng và làm lễ cáo gia tiên. Lễ xong có đốt pháo, tiếng pháo vừa thể hiện sự vui vẻ, vừa đuổi tà ma.

2. LÀM CỔNG NGÕ

Người xưa rất coi trọng việc xây dựng cổng ngõ, coi cổng ngõ là bộ mặt của ngôi nhà. Trong khi làm nhà, dân ta thường theo phương pháp của tổ sư tổ mộc Lô Ban, người đã áp dụng thuyết tám vật đồng thể của phương Đông.

Người ta quan niệm cổng ngõ hư thủng, trộm cướp có thể dòm ngó; vách cửa lệch lạc tức tâm người không chính; cửa cao hơn nhà, con người sẽ có tâm kiêu ngạo, nạn tuyệt hậu do đó mà ra. Người ta cũng không bao giờ làm cổng ngõ đâm thẳng vào gian giữa nhà chính, cổng thường được làm cạnh dãy nhà phụ và cổng phải xứng với nhà.

3. CÚNG TRẦN TRẠCH

Người xưa cho rằng khi sức khỏe cũng những người trong gia đình hoặc việc làm ăn không tốt có

thể do nhà cửa bị động, hoặc vì hướng nhà, hướng ngõ không hợp với tuổi gia chủ, hoặc có một con đường đâm thẳng vào gian nhà chính, hoặc mạch đất phía dưới ngôi nhà bị đào bới. Muốn khắc phục những điều không tốt trên, gia chủ phải xoay lại hướng nhà và làm lễ trấn trạch. Có trường hợp người ta lại cho rằng bếp có động, bới nơi ở của Táo quân chưa được giữ gìn sạch sẽ.

4. ĂN MỪNG NHÀ MỚI

Khi làm xong nhà mới, chủ nhà sẽ chọn ngày lành tháng tốt tới ở. Sau đó làm lễ, có cỗ bàn thịnh soạn mời bà con họ hàng, bạn bè đến ăn mừng nhà mới (lễ tân gia) và cáo gia tiên.

Lễ Tân gia thường được tổ chức long trọng hơn lễ cất nóc. Những người được mời đến dự thường mang lễ vật tới mừng như câu đối, các bức đại tự, trầu cau...

Lời khấn cáo yết Táo quân thổ thần:

Hôm nay, ngày ..., tháng, năm

Tại thôn, xã, huyện ..., tỉnh

Tín chủ con là:

*Trước án tạo Đông trù tư mệnh Táo phủ thân
quân*

Kính cẩn tâu rằng:

Ngài giữ ngôi Tam thai

*Nắm quyền tạo hoá
Trừ tai cứu hoạ
Bảo vệ dân lành
Nay bản gia hoàn tất công trình
Chọn ngày lành gia đình nhóm lửa
Nhân lễ khánh hạ
Kính cẩn tâu trình
Cầu xin gia đình
An ninh khang thái
Làm ăn tiến tới
Tài lộc dồi dào
Cửa rộng nhà cao
Ngoài êm trong ấm
Vợ chồng hoà thuận
Con cháu sum vầy
Cúi nhờ ân cao đức dày
Đoái thương phù trì bảo hộ.*

Cẩn cáo.

IV. TỤC CƯỚI HỎI

A. CƯỚI HỎI

Từ xưa, cha mẹ đã có vai trò rất quan trọng trong việc dựng vợ gả chồng cho con cái. Sau khi nhờ được người mối lái, tìm được người vừa ý để dựng vợ gả chồng cho con, gia đình hai bên trai gái sẽ quyết định tổ chức hôn lễ cho con. Người ta thường phải chuẩn bị sáu lễ cho việc cưới hỏi xin, nhưng trên thực tế, người Việt thường thu gọn vào ba lễ: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi và lễ cưới. Đối với những gia đình nghèo, có khi còn bỏ cả lễ chạm ngõ.

1. CHẠM NGÕ

Sau khi hai nhà đã thoả thuận việc cưới gả, người mối sẽ hẹn ngày với bên nhà gái để đưa người chủ hôn hoặc cha mẹ nhà trai và chú rể đem lễ vật trầu cau đến nhà gái xin đính ước.

Khi đã xác định được ngày tốt (tức là ngày âm dương bất tương thì vợ chồng sau này mới gặp điều tốt lành), nhà trai sắm một lễ mọn cúng tổ tiên để

báo về công việc hệ trọng này. Nhà nghèo chỉ có bát nước, nén hương. Nhà khá giả thì làm gà, thổi xôi. Sau đó nhà trai sửa một lễ mang sang nhà gái gồm: một coi trầu cánh phượng, cau bỏ tư bẻ cánh tiên, mít sen, trà lạng đựng trong quả sơn son thiếp vàng.

Đoàn người đi sang nhà gái gồm bà mối, bà mẹ, bà dì, bà cô của chú rể. Các cô gái chưa chồng ở trong họ thường đội các mâm quả hoặc bưng khay trầu đi trước, sau đó là nam giới và chú rể. Lễ được chia làm hai phần. Phần nhiều được đặt lên bàn thờ và cha của cô dâu sẽ khăn vái tổ tiên về ngày mà con cháu họ sắp lập gia đình. Phần còn lại sẽ đưa về nhà ông cậu của cô gái để lễ gia tiên bên ngoại. Trước khi nhà trai về, nhà gái thường sửa một phần lễ để biếu lại nhà trai, gọi là lại quả.

2. ĂN HỎI

Đây là lễ trọng thể, mang tính chất chính thức trước khi cưới và phải chọn ngày tốt. Sáng sớm nhà trai làm lễ cáo gia tiên. Sau đó người mối đưa cha mẹ nhà trai, chú rể và những người họ hàng thân thuộc đem lễ vật trầu cau, chè mít, bánh cốm hay bánh su xê đến nhà gái để nhà gái làm lễ cáo gia tiên. Sau đó nhà gái đem các vật phẩm này chia phần cho các bạn hữu, họ hàng thân thuộc. Sau lễ hỏi là việc báo hỷ và chia trầu. Mỗi lễ đem chia gồm một lá trầu, một quả cau, chục hạt mít sen, một ấm trà, bánh

cốm. Những thứ này được phong trong giấy hồng, gấp thành hình hộp vuông, mỗi chiều khoảng 5 – 6 cm, cao độ 2 cm. Trên hộp vuông, người ta dùng giấy bạc trang kim cắt hình chữ hỷ dán lên trên.

Ở miền Nam thường có tục nhà trai trình trước hai họ những món sính lễ quan trọng như hoa tai, nhẫn ... ngay trong lễ ăn hỏi để được nhà gái chấp nhận và ưng thuận sự hứa hôn.

Trong lễ ăn hỏi, hai họ cũng xem ngày và định ngày cưới cho đôi trẻ. Đây là một ngày hệ trọng của đời người nên phải xem ngày giờ cẩn thận. Ngày xưa, người ta chọn ngày cưới là ngày bất tương, thiên hỷ, thiên đức, nguyệt đức, v.v.. Giờ cưới luôn luôn phải là giờ Hoàng đạo. Sau lễ hỏi, thông qua bà mối, nhà trai sẽ biết nhà gái thách những gì.

3. LỄ XIN DÂU

Trước giờ đón dâu, nhà trai có mấy người mang một coi trâu, một be rượu đến xin dâu, báo trước giờ mà đoàn đón dâu sẽ đến để nhà gái chuẩn bị đón tiếp. Coi trâu be rượu này, nhà gái để lên bàn thờ cáo tổ tiên, rồi hạ xuống đón quan khách đưa dâu. Đại diện đưa lễ này của nhà trai có thể là mẹ chồng hoặc một người cô, thím, trong họ.

Khi đoàn đón dâu đến, họ nhà gái mời nhà trai vào nhà, nhà trai cho đặt đồ lễ lên bàn thờ. Các ph

rẻ bung lễ vật đứng dàn hàng ngang trước mặt các phù dâu và trao những mâm quả hoặc quả tráp lễ vật. Các cô này sẽ đem lễ vật đặt lên bàn thờ có thứ tự ở trước bàn thờ gia tiên.

Lúc này, nhà gái kiểm điểm lại đồ thách cưới (một phần đã được đưa đến từ mấy hôm trước). Đồ lễ đủ, nhà gái cho thắp hương để chú rể và cô dâu cùng lễ gia tiên. Hương thắp phải do bố (hoặc anh trai, em trai) cô dâu thắp. Nếu là anh trai hay em trai cô dâu thắp, nhà trai phải tặng một món tiền gọi là tiền thắp hương.

Văn lễ:

“Hôm nay, ngày..., tháng..., năm..., giờ... Gia chủ là người thôn..., xã..., huyện..., tỉnh (hoặc ngụ tại số nhà ...phường...quận...thành phố...) nước Việt Nam. Có con trai (hoặc con gái) tên là... kết duyên cùng ...con gái (hoặc con trai) của ông bà... người thôn ... Xã...huyện...tỉnh....

Nay thủ tục hôn lễ đã thành. Xin kính dâng lễ vật gồm: hương đăng trầu quả... gọi là theo phong tục lễ nghi thành hôn và hợp cẩn.

Trước linh tọa, Ngũ tự gia thần chư tôn linh vị.

Trước linh vị liệt gia tiên chư chân linh, xin kính cẩn khấn cầu:

*Phúc tổ di lai, sinh trai có vợ (hoặc nhà gái thì
khấn: “sinh gái gả chồng”).*

*Lễ mọn kính dâng, duyên lành gặp gỡ giai lão trăm
năm, vững bền hai họ.*

Nghi thất nghi gia, có con có của.

Cầm sắt giao hoà, trông nhờ phúc tổ.

Cẩn cáo”

4. RƯỚC DÂU

Ngày xưa, người ta thường rước dâu vào ban đêm theo đúng giờ hoàng đạo đã chọn. Nhà trai thường nhờ một cụ già hiền lành, vợ chồng song toàn, đông con nhiều cháu, cầm một bó hương hay một đỉnh trầm đi trước, tục gọi là Tư hồng. Kế đến là người dẫn lễ vật như mâm cau, bánh mứt, lợn, rượu... Chú rể khăn áo chỉnh tề cùng với những người trong họ đi rước dâu. Tục lệ của nhiều địa phương là chỉ có bố chồng đi đón.

Khi đoàn đón râu đến ngõ nhà gái, cụ già cầm hương cùng đi với một người đội lễ, thường là một quả đựng trầu cau và rượu vào trước. Mâm lễ ấy được đặt lên bàn thờ, cụ già thắp hương vái, nhà gái vái trả lễ rồi một vị đứng đầu họ nhà gái, cùng ra đón đoàn xin dâu vào. Ngay sau đó, cô dâu cùng chú rể đến lạy trước bàn thờ gia tiên, xin tổ tiên

đồng ý cho cô dâu cùng chú rể đem hộp trầu đi mời mọi người trong họ. Trước khi về nhà chồng, cô dâu đi lạy ông bà, cha mẹ mình. Thông thường lúc đó, cha mẹ cô dâu cho một vật gì đó như hoa tai, nhẫn cưới hoặc ít quan tiền (nếu là nhà giàu) hoặc cái quạt, gương soi (nếu là nhà nghèo) để làm kỷ niệm. Sau đó dâu rể đi lễ nhà thờ tổ họ nội và họ ngoại của cô dâu.

Tiếp đó chủ hôn nhà trai nói với chủ hôn nhà gái để cô dâu chú rể mừng tuổi ông bà, cha mẹ vợ. Ngày xưa, chú rể phải làm lễ bốn lễ ba vái, nhưng sau theo quy định của triều Nguyễn chỉ lễ ba vái. Tục lệ này sau được bãi bỏ ở nhiều nơi. Sau đó, người chủ hôn đích thân hoặc uỷ thác cho một vị lớn tuổi khác đi chào tất cả họ hàng có mặt trong đám cưới. Lúc này ông bà, cha mẹ vợ sẽ có vài lời bảo ban dạy dỗ đôi vợ chồng trẻ và ban cho chú rể một đồ vật gì quý giá. Các vị trong họ như chú bác cũng có tiền mừng cho đôi trẻ rồi mới bước vào tiệc cưới.

Khi tiệc xong, chủ hôn nhà trai sẽ nói với chủ hôn nhà gái là đã đến giờ tốt, xin phép được rước dâu. Sau đó đoàn đón dâu lên đường về nhà trai. Trước cửa nhà trai thường đặt một lò than hoa hồng để cô dâu bước qua đó để đốt vía (những người vía dữ đã gặp trên đường). Nhiều nơi ở quê còn có tục chãng

dây. Khi gặp dây chằng, cụ già đi đầu đoàn đón dâu cho trẻ con máy dòng kềm để chúng gỡ dây đi vì sợ gặp phải chuyện “giữa đường đứt gánh”. Theo sau cô dâu là những người đội những hòm đựng đồ dùng riêng của cô dâu.

Ngày xưa, còn tục đốt pháo nên đến ngõ nhà trai, pháo nổ ròn rã. Người ta thường chọn loại pháo tốt, hơi khô, buộc từng hai bánh một với nhau để nổ cho giòn, tránh pháo tịt vì sợ điều không may. Khi về đến nhà trai, ở ngoài cửa đã có sẵn người cầm coi trâu chực sẵn để đón mời quan khách nhà gái. Lúc này, mẹ chồng cầm bình vôi lánh mặt đi chỗ khác để cô dâu bước vào nhà. Có nơi cho rằng, ngày xưa bình vôi là biểu hiện của tài sản, nên không bao giờ để bình vôi sút miệng, thường quẹt thêm vôi lên miệng bình vì tin rằng bình vôi càng dày, của cải trong nhà càng nhiều. Mẹ chồng cầm bình đi vì muốn nắm quyền hành trong nhà, không cho con dâu được quyền điều hành trong nhà. Ở các địa phương như Nghệ An, Hà Tĩnh, mẹ chồng có tục ra cất nón cho cô dâu. Cô dâu vào đến cổng, múc nước rửa mặt đựng trong một cái nồi đồng. Sau đó mẹ chồng dắt con dâu vào nhà, đặt quan tiền và cái quạt lên bàn thờ rồi lễ gia tiên: bốn lạy ba vái.

Lễ xong, mẹ chồng cùng cô dâu bước vào buồng. Trong buồng có sẵn một đôi chiếu mới trải úp vào

nhau. Người trái chiếu phải là người ăn nên làm ra, con đàn cháu đống. Nếu mẹ chồng đủ điều kiện như trên thì bà sẽ trái chiếu, dọn giường cho cô dâu chú rể. Nghiêng một lát, sau đó cô dâu chú rể vào lạy gia tiên, đi lễ các nhà thờ của đôi bên cha mẹ chồng và làm lễ tơ hồng. Xong xuôi, cô dâu chú rể vào mừng tuổi ông bà, cha mẹ chồng, cầm hộp trà đi mời khắp trong họ.

Nghi lễ đưa dâu đến đây là xong. Có gia đình nhà trai mời những người nhà gái đi đưa dâu ở lại ăn uống rồi mới ra về. Có khi nhà trai phải tiễn đưa họ nhà gái ra về đến tận nhà gái, những người này nói cho bố mẹ nhà gái biết việc đưa dâu đã chu đáo rồi mới giải tán. Nếu trong số họ có ai tạt ngang bỏ về trước thì sẽ cho là điềm không hay, là không đi đến nơi về đến chốn. Khi nhà trai đưa họ hàng nhà gái về xong xuôi rồi thì mở tiệc ăn mừng.

5. DÂU RỂ LÀM LỄ GIA TIÊN

Mọi việc trong gia đình từ việc hiếu đến việc hỉ, từ việc vui đến việc buồn, con cháu trong nhà đều phải cúng cáo gia tiên. Trong ngày lễ thành hôn cho con cháu, ngoài gia trưởng phải khấn vái tổ tiên thì cô dâu chú rể cũng phải cúng lễ tổ tiên. Trước khi sang nhà gái đón dâu, chú rể phải làm lễ ở nhà mình. Khi sang nhà gái đón dâu, cả cô dâu và chú

rẻ lại phải xin phép hai họ cho cúng lễ tổ tiên nhà vợ tại chính nhà bố mẹ vợ, và cả tại nhà thờ họ bên vợ (nếu có). Về phía cô dâu, khi về nhà chồng, việc đầu tiên là phải lễ trước bàn thờ tổ tiên nhà chồng. Sau đó, họ nhà chồng đưa cô dâu đi lễ nhà thờ trong hai họ nội ngoại nhà chồng. Việc làm lễ trước bàn thờ hai họ là để cô dâu chú rể trình diện với tổ tiên, và là dịp tổ tiên nhận mặt chàng rể, cô dâu.

6. LỄ TƯ HỒNG

Người ta cho rằng vợ chồng lấy được nhau là có ông Nguyệt Lão định trước, cho nên phải tạ ơn ông ấy và cầu ông phù hộ được sống với nhau trọn đời. Vì thế, sau khi đón dâu về, gia đình chú rể bày hương án ra sân, bày lễ gồm xôi, gà, trâu, rượu làm lễ tế Tư hồng. Chủ hôn vào lễ trước, rồi hai vợ chồng vào lễ sau. Văn tế Tư hồng mỗi nơi mỗi khác, nhưng nội dung chính là ca tụng công đức ông Tư bà Nguyệt xe mối duyên lành cho đôi trẻ và mong ông bà phù hộ cho cô dâu chú rể ăn ở với nhau trọn tình nghĩa đến đầu bạc răng long, sinh được con đàn cháu đống. Phong tục này không phổ biến, chỉ có ở một số địa phương.

7. LỄ HỢP CẢN

Khi cô dâu chú rể vào phòng, ông cụ cầm hương dẫn đoàn đón dâu của nhà trai trải chiếu cho cô dâu

chú rể. Chiếu phải trải phẳng, kiêng trải lệch. Sau đó cụng rót hai chén rượu mời cô dâu chú rể uống, rồi ý tứ lui ra ngoài khép cửa buồng lại. Cô dâu chú rể sẽ ăn cùng nhau bữa cơm đầu tiên.

Tối hôm đó, khi nhập phòng, người chồng lấy cơi trầu tể Tơ hồng trao một miếng cho vợ, rót một chén rượu, mỗi người uống một nửa gọi là lễ hợp cẩn.

8. LỄ LẠI MẶT

Sáng hôm sau ngày cưới hoặc có khi sau hai ngày, đôi vợ chồng trẻ sẽ trở về nhà gái mang theo lễ vật để tạ gia tiên. Nếu nhà nghèo thì chỉ cần ba lá trầu, ba quả cau, một nậm rượu. Nhà giàu thì có thêm mít sen, bánh kẹo, lợn quay, xôi gấc,... Lễ này gọi là lễ lại mặt. Lễ xong, nhà gái sẽ đem chia, biếu cho những người thân trong họ. Hôm đó, bố mẹ vợ làm một mâm cơm để dâu rể cùng ăn.

B. MỘT VÀI TỤC KHÁC TRONG CƯỚI XIN

1. CƯỚI CHẠY TANG

Tục này thường được sử dụng trong những trường hợp bất đắc dĩ bởi luật pháp xưa cấm nhà trai và nhà gái khi có tang, kể từ tang cơ niên (tang một năm) không được làm lễ cưới gả. Vì vậy, hai họ có thể tổ chức cưới chạy tang. Người chết chưa phát tang, chưa khâm liệm thì họ nhà trai mang lễ sang

nhà gái xin cưới. Đám cưới được tiến hành khẩn trương trong vòng một hoặc hai ngày. Có thể không cần ngày tốt, nhưng phải là giờ hoàng đạo. Cô dâu về nhà chồng mấy tiếng thì gia đình bắt đầu phát tang và cô dâu sẽ chịu tang. Sau đám cưới chạy tang, cô dâu chú rể không được “quan hệ” với nhau trong vòng 100 ngày.

2. Ở RỂ

Những gia đình chỉ sinh con gái, cha mẹ thường có ý lựa chọn chàng trai hiền lành, khoẻ mạnh, chăm chỉ và phải là con thứ (vì không có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên) cho ở rể. Nhà gái bán tin gả con và gây dựng cho chàng rể ấy để nương tựa lúc về già, hương khói lúc nằm xuống. Vì vậy, nhiều khi nhà gái không đòi hỏi chú rể chi phí về đám cưới. Cưới xong, chú rể đến ở nhà vợ và trở thành thành viên chính thức trong gia đình.

3. TÁI GIÁ

Theo phong tục, cha mẹ chỉ gả con một lần. Lần sau, cha mẹ sẽ không tham gia. Có hai trường hợp người phụ nữ tái giá: chồng chết hoặc do ly hôn.

Khi hai vợ chồng chưa có con với nhau thì là do “traï chê traï bỏ, gái chê gái ðền”. Nếu “gái chê”, nhà traï thường bắt nhà gái phải ðền số tiền gáp hai ba

lần nhà trai bỏ ra để tổ chức đám cưới, sêu tết... Nếu vợ chồng đã có con mà bỏ nhau thì con và mọi thứ của cải đều thuộc về người chồng, trừ đồ nữ trang nhà gái sắm cho cô dâu. Người con gọi người mẹ bị cha bỏ là “xuất mẫu”. Nếu sau này đôi vợ chồng đã ly hôn lại làm lành với nhau thì không gọi là tái giá, nhưng trước khi trở về sống chung phải làm lễ tạ gia tiên nhà chồng và cha mẹ chồng.

Nếu chồng chết, phải chờ ba năm đoạn tang, người phụ nữ mới được tái giá. Người mẹ goá lấy chồng khác gọi là “goá mẫu”. Trước khi tái giá, người phụ nữ phải lo liệu cho người chồng cũ được “mồ yên mả đẹp”, làm lễ tạ chồng cũ, khấn cầu chồng cũ phù hộ. Nếu cha mẹ chồng vẫn còn thì phải đem trầu, rượu đến lễ tạ và xin phép được đi bước nữa. Nếu có con thì nó vẫn thuộc nhà nội, người mẹ muốn mang đi phải xin phép cha mẹ hoặc chú bác của chồng.

4. NHỮNG TRƯỜNG HỢP HÔN NHÂN VÔ HIỆU LỰC

Có 9 trường hợp sau đây thì dù hôn lễ đã được cử hành nhưng vẫn bị coi là vô hiệu lực:

- Mạo hôn (tráo hôn).
- Đem vợ, đem nàng hầu cầm cho người ta làm vợ, làm nàng hầu; hoặc đem vợ, đem nàng hầu giả

làm chị em gả cho người khác.

- Dem vợ lẽ làm vợ cả, hoặc có vợ cả rồi lại cưới vợ cả nữa.

- Trong lúc có đại tang cử hành hôn lễ.

- Bà con họ hàng lấy nhau.

- Có chức quyền rồi dùng quyền hành ép người ta phải lấy mình.

- Lấy đàn bà có tội đi trốn.

- Thầy tu lấy vợ.

- Một phụ nữ lấy hai chồng.

V. MỘT SỐ TẬP TỤC ĐỐI VỚI TRẺ SƠ SINH VÀ TRẺ NHỎ

1. ĐÓN TRẺ SƠ SINH

Trẻ vừa sinh ra, muốn đón về nhà phải chọn người đón. Người đón trẻ mang về nhà phải nhanh nhẹn, tháo vát, khéo léo, sống thoải mái, dễ dãi thì sau này trẻ sẽ thông minh và nhanh nhẹn.

Tục xưa quy định, khi đón trẻ sơ sinh về nhà phải quệt nhọ nôi vào trán trẻ, hoặc mang theo dao, chiếc dũa, tỏ ý rằng con trẻ đã được đánh dấu rõ ràng, ma quỷ không dễ gì bắt đi.

2. ĐỐT VÍA

Người xưa tin rằng, trẻ sơ sinh gặp người vía dữ cũng như gặp vía ma quỷ, con trẻ có thể bị ốm đau. Trẻ sơ sinh đang ở trong buồng mẹ, gặp phải người vía dữ vào thăm, trẻ khóc mãi không thôi nên phải dùng chiếc tờ cũ (loại áo đan bằng lá cọ để đi mưa), chổi cũ, đốt vía cho trẻ, nó sẽ thôi không khóc.

Ngoài việc gặp phải người vía dữ, có thể chạm phải

vía ma quỷ, bị bắt mất vía, sinh ra ốm đau. Cần phải trừ, yểm bùa mới khỏi.

3. TỤC LÀM CON NUÔI

Một số trẻ sinh ra, gặp tuổi xung khắc với bố mẹ, sống với bố mẹ thường ốm đau quặt quẹo, nên bố mẹ để tìm kiếm một người nào đó hợp tuổi con mình để cho làm con nuôi. Thường người ta kiếm những gia đình đông con, để đứa bé dựa vào những đứa kia cho mau lớn.

Thực ra, việc làm con nuôi chỉ mang tính tượng trưng vì cha mẹ để đều chi mọi chi phí cho việc nuôi nấng, có khi còn mượn riêng một vú nuôi cho đứa trẻ đó, giúp mẹ nuôi.

4. CÚNG BÀ MỤ

Người Việt ta quan niệm rằng, đứa bé ra đời được là do mười hai bà mụ đã dày công nặn nên. Vì vậy, theo tục cũ, khi đứa trẻ chào đời được 3 ngày, hoặc đầy tháng tuổi, gia đình tắm rửa cho trẻ, rồi sắm một bữa tiệc gọi là đoàn du phạn (bữa cơm tròn trặn) để cúng bà mụ.

Tiệc cúng bà mụ có thể làm vào lúc ngày sinh thứ ba hoặc đầy tháng, chẵn trăm ngày hoặc đầy năm tuổi. Đó cũng là dịp cúng cáo gia tiên và mừng đứa trẻ ra đời.

Lễ vật cúng bà mụ gồm: 12 đôi hài, 12 miếng trầu, các thứ bánh trái đủ chia đều cho 12 người để dâng 12 bà mụ.

Văn khấn cúng bà mụ xem ở phần cúng đầy tháng.

5. TRẺ KHÓ NUÔI PHẢI LÀM GÌ?

Trẻ khó nuôi là những trẻ hay đau ốm, bệnh tật quặt quẹo, ăn hay trở hay khóc liên miên cả ngày lẫn đêm. Vì chúng sinh vào những giờ không hợp là giờ Quan sát hoặc giờ Kim xà Thất tỏa. Do đó phải cúng đổi giờ cho chúng.

Ngoài cúng đổi giờ, còn làm một số việc như: bôi nhọ nổi lên trán trẻ để tránh tà ma ám ảnh (đóng dấu). Những đứa trẻ đêm đến là khóc gọi là khóc dạ đề, nên phải mượn hàng xóm chiếc cọc chuông lợn ném xuống gầm giường. Có khi đứa trẻ ngủ li bì khó thức giấc thì xin vài sợi tóc mai của người khác họ, phẩy vào miệng đứa trẻ cho thức giấc.

Trẻ ăn hay trở, lấy ngón lá trầu không hay cọng chiếu dán vào trán trẻ, sẽ thôi trở. Trẻ bị lỗi rốn, mượn người ăn mày cầm gậy chạm vào rốn. Trẻ mắc sài mòn, mang con ra kéo lê xung quanh mổ mả mới, để bỏ bệnh sài lại nơi này. Đây là những quan niệm của người xưa khi mà trình độ hiểu biết còn thấp. Ngày nay, khoa học phát triển, khi trẻ có biểu hiện đau ốm, bệnh tật cần phải đưa ngay đến các cơ sở y tế để

khám chữa kịp thời, tránh những hậu quả đáng tiếc.

6. LÀM CON CỦA PHẬT, THÁNH

Những đứa trẻ khi sinh gặp phải giờ xấu, sợ khó nuôi, người xưa thường làm cúng giải trừ tà ma ám ảnh. Có những cặp hiếm hoi muộn mằn đường con cái, cũng sợ khó nuôi nên họ làm lễ cho vào chùa làm con của Phật, dân gian gọi là bán khoán, để tà ma phải kiêng sợ.

Cách làm: Viết tên đứa bé vào tờ khoán, làm lễ đóng dấu son của nhà thờ họ. Đứa trẻ bán vào cửa chùa thì lấy họ Mẫu. Nếu bán vào cửa Thánh thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo thì trẻ được mang họ Trần, thay họ của bố đẻ. Tờ khoán làm thành hai bản. Một bản để ở bàn thờ Phật, Thánh, một bản gia đình mang về nhà giữ.

Việc cử hành lễ làm con của Phật, của Thánh được tiến hành sau khi trẻ sơ sinh được 100 ngày tuổi. Vì quan niệm người xưa cho rằng phải đợi cho đứa bé hết ô uế lúc mới sinh. Khi trẻ lên khoảng 10 tuổi sẽ làm lễ chuộc về. Không được để quá tuổi ở đó.

* Văn khấn bán khoán – Văn khoán:

Phúc tinh vô lượng thiện tôn

*Kim cá Việt Nam quốc!... tỉnh.... Huyện.... Y vu...
tự cư*

Phụng

*Phật Thánh hiến cúng... Thiên, tiến lễ khất mọi
đồng tử, lập khoán văn kỳ bình an diên thọ sự. Kim
thần mai dư... thê... đồng phu thê đẳng. Hỷ kiến ư....
Hiên... nguyệt.... Nhật.... Thời, sinh hoạch nam (nữ)
từ niên phương tuế. Lự kỳ hình xung, tướng khắc,
quỷ mị vi ương. Tất bằng.*

*Thánh đức dĩ khuông phù. Hạt ký duyên sinh vu
tính mạng. Vị thử ý dục thọ tràng. Đầu vu;*

Phật Thánh tọa hạ mai quy. Cung duy

*Nam mô thập phương vô lượng thường trụ tam bảo
Kim Liên tọa hạ.*

*Nam mô đại từ đại bi, linh cảm Quán Thế Âm Bồ
Tát. Hồng liên tọa hạ.*

Bản tạ thập bát long thân già lam chúa tế vị tiền.

*Vọng vi thánh tộc chi môn; nguyện vi Minh linh
chi tử. Kim thất cử tính danh vi ... Cấm trừ chỉ quan
sát sự. Thân phục vọng:*

*Đức đại không phi - ân hoàng hảo hựu. Vận thân
thông lực, tiểu trừ tà quỷ vu tha phương; khứ chúng
hung đồ tốc phó doanh châu vi ngoại cảnh. Tự tư
hường họa, bất đắc vãng lai. Nhược ngoan tà đẳng
chúng bất tuân pháp luật chiếu lý thi hành. Tức mai
chủ.... cử tấu:*

Thánh tiên y luật trị tội. Tu chí khoán giã

Hữu khoán ngưỡng

Tư thiên thiên lực sĩ

Hữu vạn vạn hùng binh

Trung sai ngũ hổ đại tướng quân

Đẳng quan, chuẩn thủ

*Lễ: Nhất phó phụ mẫu sở dinh dưỡng dục chí...
tuế thực khoán, tái mại bách tuế như nghi vi chiếu
dụng già.*

Nhị viên chứng kiến:

*Tà dương viên nương hành khiển, chí đức Tôn
thần. Hữu thương cảnh thành hoàng, bản thổ đại
vương từ hạ vị hằng.*

*Tuế thứ... niên... nguyệt... nhật thời lập khoán.
Thích Ca như Lai chỉ giáo đệ tử thân phụng hành”.*

Cách hành văn của văn khoán có vài bản khác nhau đôi chút nhưng nội dung là một: Tên tuổi cha mẹ, địa chỉ, năm tháng ngày giờ, sinh con trai hay gái. Hôm nay làm lễ thật giao ước xin trẻ nhỏ tên là... làm con cái Phật Thánh và xin đổi tên họ thành... Nhờ ơn chư vị phù hộ độ trì cho trẻ mạnh khỏe, thông minh. Đến bao nhiêu tuổi xin chuộc lại. Nếu thần các quý nào xâm phạm đến mại tử (con

bán) thì Phật Thánh chiếu theo pháp luật trị tội.

Chứng minh lễ khoán có

- Thần Thành hoàng Thổ địa làm chứng.

Lễ bán khoán tổ chức vào ngày... tháng... năm

Vị chủ lễ tên là... thực hiện.

Số bán khoán được đốt sau khi hành lễ. Mọi chủ (người bán con) giữ văn khoán. Nơi làm lễ được giữ văn tự (nếu có). Đến khi làm lễ chuộc lại, lễ sấm như lúc bán và đốt văn tự cùng tờ khoán.

Trường hợp bán trọn đời thì hàng tháng hoặc ngày lễ có lễ vật và khăn vải.

7. TỤC CHO TRẺ UỐNG TÀN HƯƠNG VỚI NƯỚC CÚNG

Đây là một tập tục phản khoa học, rất có hại cho sức khỏe con người mà người xưa khi chưa hiểu biết về khoa học đã làm. Chúng tôi giới thiệu cho bạn đọc để biết và tránh những điều không nên làm.

Người xưa cho rằng, khi trẻ bị ốm, bố mẹ sau khi đã chạy chữa thuốc men không khỏi (thuốc của các lang băm) thì cho là đứa trẻ đã bị Thánh thần quỷ phạt hoặc ma quỷ ám ảnh. Do vậy, cần phải cầu cúng, xem bói để biết đứa trẻ bị vị thần nào quỷ phạt, ma quỷ nào ám ảnh.

Xem bói, thầy bói toán sẽ cho biết nguyên nhân

của trẻ đau ốm, bố mẹ phải đến các đền tạ tội cho trẻ, hoặc xin bùa phép trừ tà ma. Cúng bái xong, người cho chúng uống nước hòa với tàn hương để cúng cho đứa trẻ đau ốm và cũng xin bùa dẫu tại các đền điện mang về cho đứa trẻ đeo. Trẻ có đeo bùa, tà ma phải sợ mà xa lánh.

8. ĐẶT TÊN CHO CON

Trẻ mới sinh, người xưa chưa vội đặt tên ngay mà cứ gọi thằng cu, thằng cò (con trai), cái đĩ, cái hăm (con gái). Dụng ý đặt tên xấu để tránh tà ma để ý quấy phá.

Khi đặt tên con, thường dùng những tên có liên quan với tên bố mẹ, anh chị em nó. Ví dụ: tên cha là Hưng, tên con là Hoàng; chị là Hương em là Huyền, Hải, Hà... Những tên này là tên tục.

Con trai đến tuổi ghi vào sổ đình, thường bỏ tên xấu xí, đặt tên có ý nghĩa. Riêng con gái vẫn giữ cho đến khi lấy chồng thì được gọi theo tên chồng.

Khi đặt tên chính thức cho con, người ta tuyệt đối tránh tên những vị thần làng mình và làng bên cạnh. Tránh tên ông tổ họ nội, họ ngoại và ông tổ những họ trong làng, tránh tên cha mẹ, ông bà của bạn mình. Tránh tên vua, chúa. Điều này khác hẳn với quan niệm của người phương Tây, khi yêu quý ai thì có thể đặt tên người ấy cho con mình.

- Nếu bạn mong con mình “thành Rồng” thì có thể đặt tên con là: “Bằng Cử, Long Tường, Tác Bằng, Thế Tân, Nhân Phụng, Tuấn Kiệt, Vi Dân, Định Bang, An Quốc, Diệu Thi.

Nếu muốn con sau này trở thành người học uyên bác thì có thể đặt là: Ngạn Bác, Chung Văn, Chung Thư, Văn Uyên, Văn Lâm, Đoàn Học...

- Nếu muốn con mình trở thành một nhân tài, có thể đặt là: Sĩ Tuấn, Phong Nghĩa, Bân, Hoa, Anh, Kiệt, Lan, Mai, Huy, Lương, Dao, Phương, Phi...

- Nếu hy vọng con trở thành người giàu có thì nên đặt là Phúc, Lộc, Phú, Dư, Thịnh, Bảo, Tài...

- Nếu mong con khỏe mạnh, trường thọ thì đặt: Thọ, Niên, Hoa Linh...

Có hàng nghìn hàng vạn chữ Hán khác nhau với những ý nghĩa vô cùng phong phú, bố mẹ có thể phát huy khả năng tưởng tượng mới mẻ của mình để đặt cho con mình một cái tên đẹp. Tên của mỗi người rất quan trọng. Nó không chỉ dùng để gọi mà còn là một ý nghĩa nhân văn, ý nghĩa thẩm mỹ đối với người nghe. Cái tên sẽ theo con người suốt cả cuộc đời. Vì vậy việc đặt tên cũng cần được chú ý và xem xét.

9. VÀO HỌ

Dứa trẻ đã được đặt tên chính thức, bố mẹ trẻ phải

chọn ngày lành tháng tốt làm lễ cáo gia tiên để ghi tên con vào gia phả. Sau đó mang đồ lễ và dẫn đứa bé tới nhà trưởng tộc để ghi tên con vào tộc bạ.

Khi bố mẹ trẻ mang đồ lễ tới, tộc trưởng đặt lễ đó lên bàn họ làm lễ khấn tổ họ rồi mới ghi tên đứa trẻ vào sổ.

10. CON CẦU TỰ

Cầu tự là một tập tục có từ lâu đời. Đây là một yếu tố tâm lý nhằm giữ ổn định gia đình và hy vọng tương lai tốt đẹp.

Người xưa rất coi trọng con trai. Có con trai không chỉ thêm sức lao động cho gia đình mà còn là để nối dõi tông đường, dòng họ. Gia đình nào không có con trai coi như tuyệt tự. Bởi vậy những cặp vợ chồng không sinh được con trai thường đi cầu tự. Cầu tự tức là đi cầu Thần, Phật xin cho để con trai để thừa tự, nối dõi tông đường.

Các đền, chùa ở nước ta như chùa Hương, Yên Tử... vào các dịp lễ hội, các cặp vợ chồng muộn mằn con, hoặc không sinh được con trai... thường đến sính lễ cầu tự.

Sau khi lễ bái thành kính, cầu Trời khấn Phật cho sinh hạ quý tử. Những ai muộn sinh con trai thì xoa tay vào hòn núi Cậu, muốn có con gái thì xoa tay vào núi Cô. Người xưa tin rằng Trời, Phật sẽ cho các cậu,

các cô ấy theo người cầu về. Cho nên khi ra về, người cầu tự phải có phần lễ cho cậu (cho cô). Phần lễ gồm: quà bánh, bát đũa trên mâm cơm đồ mã và thêm cả suất tiền đi đường, vé tàu xe cho cậu, cô.

Vì vậy, những đứa trẻ cầu tự, dù nghịch ngợm, làm điều sai trái, cha mẹ thường không đánh mắng như những đứa trẻ khác mà chỉ khuyên bảo nhẹ nhàng, vì sợ cô, cậu giận sẽ không ở với nữa.

11. HÓT VÍA

Có những đứa trẻ đột nhiên bị vấp ngã làm mất vía, khiến đứa trẻ trở nên ngớ ngẩn, hay lúc ngủ hay giật mình. Vì vậy, khi đứa trẻ bị ngã, gia đình hót vía của đứa trẻ trả về cho nó.

- Cách làm: Dùng 1 quả trứng luộc, cắt làm 7 hoặc 9 miếng. Tùy theo con trai hay con gái (gái 7, trai 9) nắm 7 hay 9 nắm cơm nhỏ; mang tới chỗ đứa trẻ bị ngã, hú gọi vía nó, tráo cơm và trứng 7 hoặc 9 lượt. Sau đó mang cơm và trứng đó về cho đứa trẻ bị ngã ăn. Nếu trẻ còn bé chưa nhai cơm được, bố mẹ trẻ nhai mớm cho nó. Người xưa tin rằng, trẻ mất vía sau khi được ăn cơm và trứng này sẽ lấy được vía và trở lại bình thường.

12. TỤC ĐÓNG DẤU VÀO ÁO.

Người xưa tin rằng, trẻ sinh ra thường bị ma quỷ

bám theo ám hại. Vì thế hàng năm vào các dịp lễ hội ở chùa như Phủ Giầy (Nam Định), chùa Hương, chùa Thầy (Hà Tây), đền Kiếp Bạc thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (Hải Dương), Yên Tử, (Quảng Ninh)... những gia đình có con trẻ đi trẩy hội mang theo vải đến chùa, làm lễ đóng dấu nhà chùa vào vải, mang về may áo cho con. Họ tin rằng, trên áo của con có dấu nhà chùa, tà ma sợ uy Thần, Phật, mà phải xa lánh đứa trẻ, không dám bám theo ám hại. Khi giặt áo đóng dấu phải giặt riêng.

13. LỄ KHAI TÂM

Gia đình nào có con đi học ngày đầu tiên, phải chọn ngày tốt, sắm lễ, tắm rửa, cắt tóc sạch sẽ, cho trẻ ăn mặc chỉnh tề, rồi làm lễ cáo gia tiên. Sau khi người cha khấn lễ tại bàn thờ, thì đứa trẻ cũng phải lễ bốn lễ, ba vái để xin tổ tiên phù hộ cho được thông minh, học hành tiến bộ.

Sau khi lễ ở nhà, người cha ăn mặc chỉnh tề, dẫn đứa bé đến nhà thầy đồ xin nhập học. Có gia đình khi mang trẻ tới đồng thời đội một mâm lễ gồm trà, rượu, trầu cau, đĩa xôi, con gà đến lễ. Thầy đồ làm lễ Thánh (Đức Khổng Tử) tại bàn thờ riêng hoặc miếu thờ rồi cúng cáo với gia tiên việc nhận thêm môn sinh. Sau đó đứa trẻ mới được học bài đầu tiên với thầy đồ.

Ngày nay, trẻ được học ở trường, lớp nên việc học

tập không có các nghi thức rườm rà như ngày xưa. Đứa trẻ có một môi trường thuận lợi để hòa nhập, lớn lên và phát triển.

14. NHỮNG ĐIỀU KIÈNG KỶ ĐỐI VỚI TRẺ SƠ SINH

- Khách đến thăm trẻ, không được khen bé đẹp, mập hay nặng cân. Khen như vậy bị coi là quở, làm cho trẻ suy sút, đau ốm.

- Không đưa con qua cửa sổ cho người khác bông bế. Sợ sau lớn lên nó sẽ làm nghề trộm cắp.

- Khi người lạ vào nhà, trẻ khóc liên hồi, không nín tức là gặp phải vía dữ của người lạ. Người nhà trẻ phải đốt vía bằng cách lén ném đóm cháy trước mặt người lạ, hoặc khi người lạ đi rồi khua đóm bên cạnh trẻ.

- Nếu trẻ khóc liên miên và dữ dội, người xưa cho là đau bả, phải mượn người nhỏ bả trên đầu người mẹ của trẻ, khi đang ôm con ép vào bụng, tức là giạt những sợi tóc quấn lại với nhau thành từng mớ trên đầu người mẹ.

- Mỗi khi con hắt hơi thì chúc “sống lâu trăm tuổi” để cầu phúc cho con sống khỏe mạnh, chóng lớn.

- Con lớn chậm, yếu ớt, thì bế nó chui qua áo quan người già bậc thượng thọ lúc đưa đám.

IX. TANG MA

1. LÂM CHUNG

a. Tự sửa soạn ngày chết

Người già thường chuẩn bị tinh thần để đón nhận cái chết. Ngoài ra, các cụ còn lo lắng sửa soạn cỗ hậu sự.

Quan trọng hơn cả, các cụ còn đi xem lấy đất hoặc nhờ thầy địa lý đi tìm giùm ngôi đất để sau này linh hồn mình được thư thái, con cháu được hơn người. Sau đó, nhà giàu thì cho xây sinh phần, đào sẵn huyệt theo đúng sự chỉ dẫn của thầy địa lý. Xây sinh phần cũng như sắm cỗ thọ, bao giờ cũng xây đôi, sắm đôi, dành cho cả cụ ông lẫn cụ bà. Những cỗ thọ đã sắm sẵn thường được kê dưới gầm bàn thờ để chờ khi dùng đến.

b. Giờ hấp hối

Sinh, lão, bệnh, tử là những điều tất phải có trong một đời người. Tuy nhiên, từ xưa đến nay, ngay từ giờ hấp hối của một con người sắp phải vĩnh viễn ra

khỏi cõi đời đã làm cho không khí trong gia đình trở nên trầm lắng, buồn. Con cháu xa gần được báo tin vội vã trở về, tuy đông đủ nhưng đều im lặng trong nỗi buồn.

Ngày xưa, người nào già yếu tới khi biết mình không sống được, hoặc là người nhà nhận thấy tình trạng người bệnh sắp tới lúc qua đời, thì phải lo dời chỗ nằm tới căn nhà giữa, đặt ngoảnh đầu về phương Đông để được sinh khí. Nếu người sắp chết còn tỉnh táo thì con cháu phải hỏi xem có cần dặn gì không. Những lời nói rất quan trọng này của người sắp qua đời được ghi trong một quyển gọi là “Di ngôn”, “Di chúc”. Một vài người biết rằng mình không còn sống được bao lâu, khi còn tỉnh táo đã tự tay viết những lời dặn dò, dạy bảo trong cuốn này.

Theo tục lệ xưa, con cháu hỏi xem người sắp trút hơi thở cuối cùng có tự đặt lấy tên thụy, còn gọi là tên hèm tức là tên sau này dùng để khấn khi cúng cơm, nên còn được gọi là tên cúng cơm. Nếu người sắp qua đời ở trong tình trạng mê man, không tự đặt tên cúng cơm cho mình thì con cháu tìm đặt tên rồi báo lại cho người ấy biết khi lúc hồi sinh ngấn ngủ. Cũng trong giờ phút này, con cháu phải lo thay quần áo cũ đang mặc đi. Ngày nay, thường thường người ta làm việc này vào lúc sắp tắt lịm, trong đó có việc lau lại cơ thể người chết bằng rượu hay bằng cồn.

Con cháu sau đó phải thay nhau ngồi bên cạnh người bệnh, để chờ phút lâm chung, ghi nhớ đúng giờ trút hơi thở cuối cùng và thông báo cho mọi người cùng hay. Trong trường hợp người bệnh lịm đi, thì người nhà phải lấy bông đặt trước lỗ mũi, nếu thấy bông không động đậy nữa, thì phải cầm một chiếc đũa đặt ngang miệng người chết để “cài hàm” cho hai hàm răng khỏi nghiến vào nhau. Cổ lễ ghi rõ là không nên để người quá cố nhắm mắt trên tay người khác phái (nam, nữ) theo quan niệm nam nữ cách biệt thời xưa.

Người canh phải nhớ đúng giờ người bệnh lúc qua đời, để ghi nhớ, nhưng theo một số tín ngưỡng để còn nhờ thầy tử xem ngày bảm giờ, để biết người qua đời có chết vào giờ lành hay phải ngày trùng tang, do bị quý tinh ám gây hại. Nếu gặp ngày giờ xấu thì thân nhân phải nhờ thầy làm bùa hay có những pháp thuật để tống xuất thân trùng, đánh đuổi quý tinh. Lá bùa sẽ được dán trên áo quan, và cho vào những con ốc chôn ở bốn phía của ngôi mộ.

c. Công việc sơ khởi

- Thuy hiệu

Trước hết là việc đặt tên thuy, tên hiệu. Những tên này được đặt ra dựa theo đức tính của người chết lúc sinh thời (hoặc chính người ấy đặt hoặc chấp nhận lúc còn tỉnh). Dưới triều Nguyễn, việc đặt tên thuy

cho người có phẩm hàm được quy định theo quy chế riêng.

- *Chúc khoáng*

Theo dõi để biết chắc chắn lúc tắt thở, thân nhân lấy một chút bông gòn đặt trên lỗ mũi, khi bông không còn chuyển động, đó là lúc chết hẳn. Lúc đó, thân nhân thường vuốt mắt cho người chết để cặp mắt nhắm hẳn lại và xếp chân tay ngay ngắn.

- *Khiết xỉ*

Lấy một chiếc đũa đặt ngang miệng người chết để “cài hàm” cho hé ra để tiện làm lễ phạn hàm.

- *Hạ tịch*

Trải chiếu xuống đất, đưa người chết nằm xuống chiếu ấy một lát rồi đưa trở lại lên giường. Tục lệ hàm ý theo quan niệm cổ “chết trở về cõi đất” (nhân sinh ư thổ, diệc hoàn ư thổ) hoặc để lấy đủ khí âm dương cho người quá cố.

- *Phục hồn*

Theo tín ngưỡng xưa, cổ tục còn bày ra việc phục hồn. Lấy áo của người chết treo lên nóc nhà phía trước hướng về phía Bắc gọi tên tục người chết ba lần, rồi trèo xuống lối nóc nhà phía sau, đem áo ấy vào đắp lên bụng người chết để hy vọng hồn người chết trở về sống lại.

- *Thiết hồn*

Lấy bảy thước (thước ta) lụa trắng đặt trên ngực người chết trước khi tắt thở (đón hơi thở người chết vào đấy). Khi đã chết hẳn, đem lụa này kết thành hình dạng thân người có đầu, mình, chân tay. Kết xong đặt lại trên thân hình người chết. Lúc nhập quan thì hồn bạch được đặt trước linh sàng, linh toạ để tượng trưng người quá cố. Ngày nay, để thay cho hồn bạch, người ta thường dùng một bức chân dung của người quá cố.

- *Mộc dục*

Mộc dục là tắm rửa cho người chết bằng nước sạch, thơm. Thời xưa thường dùng nước ngũ vị hương. Nghi thức này làm trong màn kín. Thường là con trai tắm rửa cho cha, con gái tắm rửa cho mẹ.

Dùng khăn thấm nước thơm lau sạch mặt mũi, chân tay, mình mẩy, chải đầu buộc tóc gọn ghẽ: cắt sạch móng chân và móng tay; gói các sợi tóc rụng và vụn móng này vào một bọc để vào áo quan cùng với người chết.

- *Thay quần áo*

Tắm rửa xong là thay quần áo cho người chết; tục xưa định rõ gồm những thứ như: khăn chít đầu, bông nhét lỗ tai, khăn phủ mặt bằng vải trắng có dải buộc sau, bao tay bằng vải lụa cùng với quần áo mới trang

trọng, giày tất,...

Khi thay quần áo xong, phải để chân tay ngay ngắn sát nhau. Người Việt thường lấy dây vải buộc hai ngón tay cái và hai ngón chân cái vào nhau cho gọn, tay xếp thẳng trên bụng.

Người chết có quan tước thường được vận đủ triều phục. Có nhà dùng những quần áo tốt đẹp nhất vẫn mặc lúc sinh thời. Có nơi kiêng không mặc áo kép, chỉ mặc áo đơn, cắt bỏ hết khuy, mặc vạt cái vào trong, vạt con khép chõm bên ngoài, trái hấn với lối mặc của người sống.

Những ông già 70 tuổi trở lên chết thường được mặc quần điều áo lam, chít khăn nhiễu tím, nhất là những cụ 80, 90... có khi cũng mặc áo vóc điều.

- *Phạn hàm*

Lấy gạo nếp vo kỹ và 3 đồng tiền chùi cho sáng bỏ chung vào một đĩa. Những nhà giàu sang thời cổ có khi dùng 3 đồng tiền vàng và 9 hột ngọc trai. Tang chủ đứng bên phải lấy đũa cài răng ra, bỏ gạo và tiền vào miệng người chết làm ba lần: lần đầu vào mép bên phải, kế đến mép bên trái và sau cùng là chính giữa miệng. Mỗi lần bỏ 3 hạt gạo và 1 đồng tiền (nhằm tránh cho người chết sang thế giới bên kia mà trong miệng không có cái gì ăn). Bỏ đũa gài miệng, buộc hàm dưới lên sát hàm trên cho khỏi trễ

xuống. Từ lúc này con cháu mới được khóc to.

Người Việt còn có lệ đem một bát cơm, trên để một quả trứng luộc bóc sạch vỏ, có cắm đôi đũa tre. phía cuối được vót cho tre quăn lại thành hình cái hoa. Tất cả cùng đặt với bài vị phía trên đầu người chết, hoặc trên áo quan sau khi nhập quan.

2. CHUẨN BỊ TANG LỄ

a. Chủ tang, chủ phụ

Trước hết là lập chủ tang và chủ phụ, chủ tang thường là con trai trưởng; nếu con trưởng đã chết thì con trai đầu lòng của người thừa tự, hoặc người đàn ông thừa kế chính thức của người chết là chủ tang. Cha còn mà con cái tang mẹ hoặc tang vợ con thì người cha làm chủ tang, còn ông thì ông làm chủ tang, chủ phụ là vợ người chết hoặc vợ tang chủ (nếu vợ người chết không còn). Tang chủ làm chủ lễ tang mọi nghi thức, chủ phụ lo việc chi phí.

b. Tướng lễ, hộ tang, tư thư, tư hoá

Kế đến là việc lập tướng lễ, hộ tang, tư thư, tư hoá. Tướng lễ là người sắp đặt, chỉ huy và sắp đặt mọi nghi lễ. Chọn người thông thạo cách xếp đặt mọi công việc. Hộ tang là phụ tá cho tướng lễ, lo việc tiếp tân, tiếp khách. Người này thường được lựa chọn trong số thân nhân có tuổi, đứng đắn, lịch thiệp, hiểu biết

lễ nghi. Tư thư phụ trách việc cáo phó, ghi chép các đồ lễ phúng của quan khách, viết văn tế. Tư hoá là người ghi chép những việc chi tiêu trong đám tang.

c. Cáo phó

Người tư thư phải lo việc cáo phó, thường viết tay rồi cho người mang đến từng nhà thân thích, vì ngày xưa chưa có báo ngày đăng cáo phó. Đối với các bậc tôn trưởng và bạn hữu ở xa người ta phải gửi cáo phó riêng sai người mang đi.

Nội dung cáo phó phải ghi rõ sự việc: tên tuổi người qua đời, cùng đặc điểm và ngày giờ cử hành tang lễ. Danh xưng của thân nhân người chết khi xưa cũng được quy định rõ, thí dụ như cha chết thì con xưng là “cô tử”, mẹ chết thì xưng là “ni tử”, cha mẹ đều chết thì xưng là “cô ai tử”.

d. Trị quan

Việc chuẩn bị áo quan được gọi là trị quan. Áo quan hay quan tài còn có tên là cỗ thọ đường, cỗ hậu sự, sãng, hòm. Khi xưa, người ta làm cỗ quan tài bằng cách ghép thành đứng góc vuông, ván càng dày càng tốt. Ván đã dày, thành lại ghép vuông đứng rất vững chắc, có thể chịu đựng được lâu ở dưới đất sâu. Về chiều dài thì “giường bốn thước hai, quan tài bốn thước bảy” nghĩa là chiều dài chỉ vừa đủ người nằm. Thước nói ở đây vẫn là thước ta dùng ngày xưa. Còn

bề ngang bao giờ cũng làm hẹp đúng sát hai vai là dụng ý ép giữ không để cho xác trương to chảy nước bốc hơi ra. Người chết có hai vai rộng thì người ta phải buộc gọn lại ngay sau khi tắt thở và phân nhiều xác phải thắt đại đai nơi trên xương hông, để cho ruột hư thối không chảy ra. Quan tài thường sơn gấn rất kỹ, dưới lót bông nẻ, giấy bản, trà búp khô, để nước có chảy ra cũng thấm hết vào.. Người ta gấn nắp quan tài bằng sơn sống luyện với đất sét khô tán nhỏ, với bột nếp quấy nhựa xoan, rất kín và để năm bảy ngày, thậm chí có nhà quan trong đóng cát ở ngoài vườn vài ba tháng mới làm đám đem chôn.

Gỗ tốt nhất dùng làm quan tài là vàng tâm, rồi đến giổi là hai thứ gỗ có đặc tính thích hợp với sơn vì gỗ có nhiều dầu, giữ cho sơn bền tốt không bong, tróc. Quan tài đã làm bằng vàng tâm hay giổi là để sơn, thường là sơn son, hai đầu chũ thợ và nẹp lan đăng thép vàng thép bạc, ít khi sơn cánh gián và sơn then. Thứ gỗ đặc biệt quý nhất để làm quan tài là ngọc am mà người miền Bắc gọi là pơ - mu, chỉ vài nơi có. Ở miền Nam, người ta rất ít dùng quan tài sơn, mà dùng gỗ trai, gỗ sao.

đ. Đồ bở khuyệt

Đồ bở khuyệt (đồ để chèn hòm), ngày xưa có bán sẵn làm bằng giấy nhỏ xếp thành tập dày năm, mười cm khâu bện lại bằng dây gai, cắt xén thành từng

miếng dài rộng lớn nhỏ tùy theo nơi để gói đầu, để chèn hai bên mang tai, trên dưới và hai bên bắp đùi, cổ chân...

Vải dùng để gói bọc thì hài gồm có: tiểu liệm, đại liệm. tạ quan (vải lót quan tài). Các nhà bình dân thường dùng bằng vải mộc, nhà hào phú, quan lại thường dùng toàn nhiễu lụa.

3. TIẾN HÀNH LỄ TANG

a. Lễ Phạt mộc

Người xưa cho rằng trong chiếc áo quan, đều có “quỷ tinh” lẫn khuất để ám hại người chết và gieo tai họa cho tang gia. Vì thế, trước khi làm lễ “nhập quan”, người ta phải trừ khử hết lũ ma quái đó đi. Lễ Phạt mộc được xúc tiến để làm công việc trừ khử này bằng cách thức là chém vào áo quan ba nhát.

Người ta nhờ một thầy cúng cầm một nắm hương đang cháy, đọc phù chú, thư phù trên một con dao, rồi dùng con dao này giơ lên chém khẽ ba nhát vào đầu, cuối và cạnh ở bên trong cổ áo quan. Vừa chém, thầy cúng vừa “niệm chú” đại ý câu chú là tống khứ các loài thần trùng, quỷ tinh, ma quái và các loại tà ma khác không cho quấy nhiễu người chết và làm hại người sống ở bất cứ tuổi nào hay đi về hướng nào. Thầy cúng có lúc niệm chú khẽ trong họng, lại có lúc quát tháo như dọa nạt, thị uy. Người này cũng dùng

những nén hương để làm phép trong lòng cổ áo quan.

Tục lệ cho rằng, với lễ Phật mộc, thần trùng và ma quỷ sẽ sợ hãi chạy ra khỏi áo quan, ngoài ra còn có mục đích đuổi các mộc tinh vẫn thường ẩn nấp trong cây gỗ từ khi ở trong rừng cho đến khi cây gỗ bị hạ rồi xẻ đóng áo quan, vẫn còn lẫn quất trong áo quan.

Khi lễ này kết thúc, người nhà còn ném những nắm gạo muôi ra đường để tống tiễn hết mọi loài ma quỷ. Ngày nay, người ta cho đây là chuyện mê tín, nên không còn mấy ai tin tưởng, duy trì.

b. Đại liệm, tiểu liệm

Làm bằng vải trắng hoặc lụa. Tiểu liệm gồm một miếng vải dài 14 thước ta (mỗi thước bằng 40 cm), có 3 đoạn vải ngang, mỗi đoạn 6 thước ta đặt thẳng góc với miếng vải chính.

Đại liệm cũng có chiều dài tương tự, đầu xé làm 3 dải, dải ngang gồm 5 đoạn. Các đoạn ngang này phải sắp cho vừa với thân người để buộc lại khi liệm, từ mảnh thứ nhất ngang đầu và mảnh cuối cùng ngang bàn chân người chết.

c. Khâm

Làm chôn liệm người chết, mỗi chôn 5 khổ (mỗi khổ bằng 40 cm), vải dài 12 thước. Đại liệm với một

chăn, tiểu liệt với một chăn.

d. Tạ quan

Phải sắm sửa đầy đủ đồ lót trong quan tài. Vải lót quan tài may 8 khổ vải, dài 12 thước; gối lót đầu, hai gối lót hai bên tai, một tấm đệm đầu, hai tấm đệm chân, hai tấm che mặt. Tất cả làm bằng giấy bồi trong nhồi bấc.

d. Liệm xác

Khi chọn được giờ tốt, tang chủ quỳ xuống khóc, người chấp sự quỳ theo và khấn: “Được ngày giờ, xin làm lễ liệm. Cẩn cáo”. Tang chủ sụp lạy và đứng lên.

Cởi bỏ dải buộc hàm, chỉ đầu, phủ mặt bằng một vuông vải hay vóc nhiều màu đen lót hàng màu hồng có dải buộc ra đằng sau gáy, lồng bao tay, đi bít tất và giày. Phải kiêng không để cho nước mắt khóc của con cháu rỏ vào thi hài, sợ sau này con cháu trong nhà sẽ khó làm ăn.

Đồ khâm liệm đặt theo thứ tự trước sau trên chiếu: địa liệm, chăn đại liệm, tiểu liệm, sau hết là chăn tiểu liệm, trên cùng là các đồ lót, đệm đầu và tay chân. Người chết được đưa xuống đặt ngay ngắn trên chăn tiểu liệm. Lót đầu, tai, mình, chân tay cho ngay gọn, xong gấp chăn bên trái trước, bên phải sau rồi gấp dưới chân lên và trên đầu xuống. Sau đó dùng vải tiểu liệm buộc lại theo chiều dọc và chiều ngang.

Xong tiểu liệm đến đại liệm cũng tương tự như vậy. Cuối cùng là đặt người chết lên vải tạ quan chờ nhập quan.

e. Lễ nhập quan

Được làm ngay sau khi liệm xong. Thân nhân có mặt đứng theo thứ tự xa gần, trên dưới quanh quan tài. Cổ tục định cho con trai đứng bên trái, con gái bên phải người chết. Nâng người chết lên bằng bốn góc tấm vải tạ quan, và đặt nhẹ nhàng vào áo quan. Chỗ trống trong áo quan được dòn đầy bằng quần áo cũ hoặc giấy. Xong xuôi thì gấp sau. Sau cùng bôi sơn trên thành quan tài và đập nắp, đóng cá cho chắc. Theo tục lệ xưa, quan tài bao giờ cũng được sơn đỏ, được đặt giữa nhà, đầu quay ra ngoài. Tục ta còn bỏ lịch hoặc các giấy tờ có dấu của vua vào áo quan; có nơi bỏ cỗ bài tổ tôm, hoặc tàu lá gồi.

Trên quan tài để một bát cơm với một quả trứng luộc đặt giữa hai chiếc đũa bông cắm đứng thẳng. Bát cơm tượng trưng cho sự đầy đặn, lòng hiếu thảo. Quả trứng, (sau này sẽ là con gà) là dấu tích của việc thờ thần mặt trời.

Con cháu trai rơm ngồi hai bên linh cữu, trai bên trái, gái bên phải. Tục đặt quan tài đầu quay ra phía ngoài có ý nghĩa: người đến phúng điếu sẽ lạy ở đằng đầu chứ không phải lễ lạy ở phía dưới chân.

g. Thiết linh sàng, linh toạ

Thiết linh sàng là kê giường nằm cho vong hồn người chết. Nhà giàu sang thường bày vẽ kê giường ở phía đông linh cữu, đủ cả màn chắn gối.

Linh toạ là bàn thờ, bao giờ cũng đặt ở phía trước linh cữu. Trên linh toạ về phía trong nơi giữa đặt bài vị đề chức tước, họ, tên húy, tên thụy, tên hiệu. Thí dụ: cha thì viết: Bản xã tiên chỉ Tú tài cố phụ Trần Quý công, húy ... thụy Phủ quân chi linh vị. Mẹ thì viết Cố mẫu Lê quý thị húy Nhụ nhân chi linh vị.

Bài vị làm bằng nan tre, bẻ khung phất giấy con chùng bốn mươi cm, để đứng được vững không đổ, đặt đằng trước hồn bạch; nhà nghèo khó dán một mảnh giấy trắng dài viết một dòng chữ lên trên một nan tre, cắm vào một khúc chuối cây để cho khỏi đổ. Bát hương để trước với ba đài rượu phía ngoài, hai bên là đèn nến, ống hương, tươm tất hơn thì có mâm ngũ quả và đồ tam sự hay ngũ sự. Phía trước bên trên tường treo bốn chữ viết trên vải trắng căng ngang, cha mất thì viết *Hồ sơn vân ám*, mẹ mất thì viết *Dĩ linh vân mê*. Hai bên là đôi liễn cũng bằng vải trắng, viết lời con thờ cha mẹ.

Lập linh sàng phải có cuộc tế. Con cháu quý lễ ở phía trước và cũng có văn tế.

Văn tế:

Năm ..., tháng ..., ngày ... có (hoặc là ai) từ ... vì nay tặt linh sàng kính dâng coi trầu, nậm rượu cáo vu cơ phụ (hoặc mẫu) ... chức tước gì ... họ gì ... phủ quân (hoặc phụ quân) vị tiên viết:

Than ôi!

Thân phụ (hoặc mẫu) đi đâu, bỏ nơi nhà cửa, cây lãng, gió lau, đau đớn nhẽ một phút hơi tàn tên còn người mất, xót xa thay đôi đường chia rẽ.

Thế mới biết thay đổi cơ trời, mệnh mông trần thế, chút tình con cháu đại, chỉ thấy chưng phảng phát hồn mây, đền công bẻ ái nguồn ân, gọi là thiết linh sàng một lễ, tế cho phải phép tuân theo thói tục đặt bày, mất cũng như còn, đau đớn tác lòng lữ trẻ.

h. Thiết minh tinh

Minh tinh là một lá cờ lụa đỏ buộc trên một cành tre treo phía đông linh tọa. Cổ lễ định rõ kích thước như sau: quan Tam phẩm trở lên thì minh tinh dài 9 thước ta; ngũ phẩm trở lên, 8 thước. Lục phẩm trở xuống, 7 thước. Chữ viết trên minh tinh màu trắng. Trên cùng ghi: “Cố phụ (cha) hoặc cố mẫu (mẹ) kế đến là quan tước, thụy hiệu ... sau cùng là “... chi linh cữu”. Tục xưa còn sắp đặt số chữ trên minh tinh sao cho tổng số là 3, 7, 11, 15, 19, 23, 27... nếu người chết là đàn ông. Và tổng số chữ là 4, 8, 12, 16, 20, 24,

28 ... nếu người chết là đàn bà. Tức là đếm bằng bốn chữ: “quý”, “khốc”, “linh”, “thính”. sao cho chữ cuối cùng của mình tình trùng vào chữ “linh” (đàn ông) hoặc chữ “thính” (đàn bà) mà tránh chữ “quý” chữ “khốc”.

i. Lễ chúc thực

Khi linh cữu được quàn trong nhà thì ban đêm khi thân nhân túc trực quanh linh cữu cha (mẹ) con cái làm lễ này để tỏ lòng thương tiếc. Lời khấn trước linh cữu có thể không cần khuôn mẫu.

... Thiết nghĩ! Nhân sinh tại thế,
Họa mấy người sống tám chín mươi
Đôi ba mươi năm cũng kể một đời
Song vận số, biết làm sao tránh được,
Nhớ hồn thuở trước, trong buổi xuân xanh.
Ơn cha mẹ đạo cả sinh thành, đêm ngày dạy dỗ,
Đường ăn, nôi ở, việc cửa việc nhà,
Lại lo bèn nghi thất nghi gia,
Cho sum họp trúc mai thấy đoá,
Cương thường đạo cả, lòng những lo hiếu thảo
đền ơn,
Nếp kiệm cần hằng giữ sớm hôm,

May nói được gia đường cơ chỉ,
Ba lo bảy nghĩa, vất vả trăm bề,
Cho vẹn toàn đường lối nọ kia,
Tuy khó nhọc chưa cam hả dạ
Bỗng đâu gió cầm phút về cành mai,
Hoa lìa cây rụng cánh rơi bời,
Yến lìa tổ kêu xuân vò vò,
Tưởng hôn trường thọ, dùi con em khuyên nhủ
nên người.
Ai ngờ rằng trắng lặn, sao đời, hôn đã biết về
nơi Tây Trúc,
Từ nay lạy ai chăm sóc, ngô trúc tường đào,
Từ nay quanh bóng ra vào, cõi Nam cảnh Bắc,
Ngày chầy sáu khắc, đêm vắng năm canh,
Tưởng phát phơ thoáng hiện trước màn,
Tưởng thấp thoáng bóng hình trên khói,
Hiên mai bóng rọi, vào ngăn ra ngõ,
Hết đợi thôi chờ, nắng nồng lạnh giá,
Ai hay số mệnh!
Thuốc trường sinh, cầu vương mẫu, chưa trao,

*Bút Chú tử, trách Nam Tào sớm định,
Bùi ngùi cảm cảnh, tuôn rơi hàng nước mắt
dầm dầm,*

*Nhớ nơi ăn chốn ở buông năm,
Như cắt ruột, xót lòng con trên trần thế,
Mấy dòngh kể lẽ. Chiều hôn về than thở nguồn cơn,
Cầu anh linh phù hộ cháu con
Cầu Thân Phật độ trì cho vong hồn siêu thoát...*

j. Lễ Triều tổ

Tục xưa coi người đã chết nhưng còn quàn trong nhà như người hãy còn sống, vẫn còn có bốn phần với tổ tiên. Mỗi ngày con cháu, thân nhân phải rước hồn bạch hoặc hình ảnh người quá cố đến bàn thờ gia tiên làm lễ một lần.

Trước ngày đưa đám, cũng phải rước vong hồn người quá cố đến từ đường làm lễ yết cáo tổ tiên, như là để cho tổ tiên biết ngày hôm sau sẽ an táng.

k. Triều Tịch diện

Triều: buổi sáng; tịch: buổi tối. Trong trường hợp có thiết linh sàng, thì tục xưa cho rằng, thân nhân phải làm lễ mỗi buổi sáng, buổi tối, y như lúc người quá cố còn sống. Sáng rước hồn bạch ra linh tạo, lạy khăn, nước, gương ..., sắp xếp màn, gối, ...; trưa cúng

cơm; tối rước vào linh sàng buồng màn, đắp chăn,... cho đến ngày an táng.

Trong lúc rước hồn bạch ra linh tạo hoặc vào linh sàng đều có nghi lễ, gần tương tự như lễ “thành phục”, và cũng có văn tế riêng.

Năm ..., tháng ..., ngày ... Cô tử (mẹ, ai tử) vi lễ triều diện (hoặc tịch diện) cần sửa trâu rượu (hoặc cô thì viết là cụ soạn) mọi vật lòng thành, dâng lên cố phụ (hoặc cố mẫu) phủ quân (hoặc nhụ nhân) linh toạ rằng:

Than ôi ! Thân phụ (hoặc mẫu) đi đâu, côi trần vắng mặt;

Sớm tối thăm nom, tìm đâu thấy giọng cười tiếng nói.

Ngày đêm kêu, còn đâu là vật lạ miếng ngon;

Cha ôi! (hoặc mẹ ôi) Nay đã sáng rồi (hoặc đã tối rồi) là tuần triều diện (hoặc tịch diện) gọi là chay nhạt bữa thường, chứng cho chút tình lữ trẻ!

1. Kèn giải

Lúc linh cữu còn quàn tại nhà, gia chủ thường mời phường kèn trống, cổ nhạc đến để cử tang nhạc trong những lúc hành lễ.

Phường nhạc phải đứng túc trực bên cạnh linh cữu. Khi có khách tới viếng phải thổi kèn và nổi

trống cho khách làm lễ. Phường nhạc này dân gian gọi là phường nhạc hiếu. Nhạc hiếu trong tang lễ là các điệu lòn khóc lòn thảm, lòn ai, già nan,... nhằm chia buồn, nhằm kể lể xót xa thương tiếc, nói hộ nỗi niềm tình cảm của người đến viếng và tạo nên không khí trang nghiêm. Phường nhạc hiếu thường có những bài riêng, thay con khóc cha mẹ, vợ khóc chồng, cháu khóc ông bà, anh chị em khóc nhau ... Dân gian có câu: “Sống dầu đèn, chết kèn trống” là nghĩa như vậy.

Lời khấn:

Than ôi! Cây thung sương thấm (mẹ đổi cô Huyền)

Non Hồ mây che (mẹ đổi non Dì) Trời vậy, chẳng phải làm mà cứ làm

Mệnh vậy, chẳng muốn đến mà cứ đến,

Trên thêm Ban y chưa mùa, tham dài đạo hiếu còn khuy,

Trước giường thôi diệt đã mang, ngán nỗi ông xanh sao khiến.

Quần quăn sâu tràng chín khúc

Ba ba hạt luy đôi hàng

Nay nhân: Tang phục chế xong

Tuân theo thường lễ,

Kính dâng phỉ bạc chi nghi

Thức biểu di tuân chi nghĩa,

Cẩn cáo.

m. Lễ Thành phục

Theo lễ xưa, khi thân nhân chết được 4 ngày mới làm lễ thành phục (mặc đồ tang phục) vì lễ xưa cho rằng trong mấy ngày đầu tiên, chưa rõ coi là người đã chết. Sang ngày thứ tư, con cháu anh em mặc tang phục đứng hai bên quay vào linh cữu, đàn ông phía đông, đàn bà phía tây, theo thứ tự trên dưới để hành lễ. Con trai đội mũ nùn rơm quấn bẹ chuối, mặc áo xô gai, cầm gậy (cha gậy tre, mẹ gậy vông) con dâu cũng mặc xô gai, thắt lưng ra ngoài bằng dây bện bẹ chuối, áo sổ gấu hoặc không (tùy trường hợp còn cha hay còn mẹ) cũng như con gái ở trong nhà, khác con gái đã đi lấy chồng, áo có sổ gấu và không; đầu chít khăn tang. Con rể và anh em mặc áo thụng trắng, chị em quấn vạt khăn trắng với tóc. Thân thuộc đều mặc đồ trắng cả. Ngày nay nhiều nơi đã bỏ tục lệ chổng gậy và thường mặc đồ tang màu đen.

Hiện nay, tục thường cho mặc tang phục ngay. Nếu theo Phật giáo thì thân nhân mời các tăng ni đến tụng kinh. Nếu gia chủ theo Thiên Chúa giáo thì họ hàng thân nhân đều đọc kinh cho người quá cố, có khi suốt mấy ngày trước khi an táng.

n. Nằm đất

Đây là tục của miền Nam thuở trước (ở miền Bắc có tục con gái, con dâu lăn đường). Khi cha mẹ chết, con cháu có tang phải ăn chay nằm đất, nghĩa là ăn đạm bạc và phải xuống đất nằm để tỏ lòng báo hiếu và buồn khổ.

Lúc linh cữu còn quàn tại nhà, các con cháu phải nằm đất (không trải chiếu) ngay phía dưới và cạnh linh cữu khi ngủ, nhất là con trai và các cháu trai nội. Lúc linh cữu được di chuyển đi an táng, dọc đường, con cháu nằm phục xuống đất san sát nhau để khiêng linh cữu đi qua bên trên, cho dù đường đất có bẩn đến mấy cũng mặc.

Ngoài ra, các con trai phải đứng hầu quan tài, cạnh bàn thờ. Ngày nay, một số nơi vẫn còn giữ nghi thức này. Người ta giải thích việc này là như hầu người còn sống. Thực tế cũng có nghĩa là đứng canh chừng không cho chó, mèo, chuột lại gần vào ban đêm và cũng đứng đợi khách đến phúng viếng, lo trả lễ.

o. Phúng điếu

Khi đã có thân nhân qua đời, việc tiếp đón khách khứa đã được giao phó cho người hộ tang. Theo lễ xưa, khi chưa thành phục, nghĩa là chưa mặc tang phục, thì người chủ tang chưa được phép tiếp khách. Nếu khách tới phúng điếu muốn vào làm lễ, tang chủ

phải tiếp đón và lễ cáo trước vong hồn người chết. Khi khách làm lễ, tang chủ đứng bên bàn thờ hoặc linh cữu phải đáp lễ, vái lại khách một nửa số vái mà khách đã lễ người quá cố.

Về phân người đến phúng điếu, lễ xưa có quy định như sau:

Đang có trọng tang không nên đi phúng điếu.

Phúng điếu là sự thăm hỏi, giúp đỡ. Có giúp vàng ngọc gọi là lễ hàm; giúp chăn áo tằm liệm là lễ tụy; giúp tiền bạc gọi là lễ phụng; giúp xe ngựa cho đám tang gọi là lễ phúng; cúng hương đèn tửu quả là lễ điếu.

Theo Kinh Lễ “tri sinh giả điếu, tri tử giả ai” – nghĩa là chỉ quen người sống thì đến điếu mà không khóc; quen biết cả người chết thì có khóc.

Khách đến lễ, nếu linh cữu còn quàn tại nhà thì chỉ lạy hai lạy theo lễ với người sống. Nếu chôn cất xong rồi mới lạy bốn lạy trước bàn thờ.

Văn ai điếu người chết xưa có định 2 loại: lối văn và văn ca. Lối văn kể công đức và khen ngợi người chết, cũng gọi là hạnh thuật, hạnh trang. Theo lễ xưa, người dưới không được làm lối văn cho người trên. Thời xưa, lối văn thường do các bậc lão thành có quan tước làm theo lời yêu cầu của tang gia. Còn văn ca là bài ca nói lên nỗi thương xót người quá cố.

Người Việt thường có lệ phúng viếng bằng câu đối, trướng liễn. Người đi phúng điếu nếu còn cha mẹ thì trên đối trướng ở dòng lạc khoản, trước tên mình phải đề rõ “Thừa phụ mệnh” hoặc “Thừa mẫu mệnh” (nếu chỉ còn mẹ), ngụ ý việc phúng điếu đó đã được cha hay mẹ cho phép.

p. Chọn đất làm huyệt mộ

Ngày xưa, người ta rất cẩn thận trong vấn đề chọn đất vì họ cho rằng nó sẽ ảnh hưởng đến sự phát đạt, hưng thịnh của con cháu dòng họ về sau. Chính vì sự tin tưởng này mà trước khi an táng ông bà, cha mẹ, tang gia bao giờ cũng chọn ngôi huyệt rất cẩn thận và cũng chính vì vậy, những người khá giả thường xây sinh phần để khi nhắm mắt, con cháu đã sẵn có nơi chôn cất khỏi phải tìm kiếm.

Theo sách địa lý cổ, ngôi huyệt đúng đất gọi là “huyệt trường”, phải có “tiền án”, “hậu án”, “tả long”, “hữu hồ”, tức là có những mô đất cao thấp tượng trưng cho án huyệt, ao nước, tay long, tay hồ. Ngoài ra trước huyệt phải có “minh đường”, “thủy tụ”, phía sau phải có “long mạch thu thúc”, phía ngoài phải có “bàng sa triều củng”, cốt phải có “tụ khí tàng phong”. Những thầy địa lý xưa phân biệt ngôi huyệt tốt xấu theo các mô đất. Ở đâu “thượng nhất thốn vi sơn, hạ nhất thốn vi thủy”, nghĩa là đất cao hơn một tấc là núi, thấp hơn một tấc là nước.

Huyệt dùng cho việc “hung táng”, nghĩa là chôn người mới chết, tuy có lựa chọn nhưng cũng không kỹ lưỡng bằng khi chọn huyệt “cát táng”, khi cải táng. Ngôi huyệt lúc cải táng mới là ngôi huyệt vĩnh viễn.

Lễ cáo long thân thổ công trước khi đào huyệt:

Kính lạy Bản cảnh hậu thổ thần linh chư vị:

Xin kính cáo: Hôm nay là ngày ..., tháng, năm, tang chủ con là ... người xã, huyện, tỉnh ...

Nay có táng cố phụ (hay cố mẫu) là họ húy hiệu ... tiền tước là Thọ chung ngày ở khu đất này, kính dâng lễ vật, lễ nghi các thứ.

Thiết nghĩa: Đất có dữ lành, đều do họa phúc. Kết phát dựa vào âm đức. Cũng nhờ thần lực hiển linh. áy thực thường tình. Xiết bao cảm cách. Những mong mô yên mả đạp. Vây dâng lễ bạc lòng thành. Nhờ ơn đại đức. Thấu nỗi u tình. Khiến cho vong linh. Được yên nơi chín suối. Phù hộ dương trần con cháu nội ngoại bình yên.

Cẩn cáo.

4. LỄ AN TÁNG

a. Chuyển cữu và lễ yết tổ

Trước khi đem linh cữu đi an táng vài ba giờ hoặc nửa ngày, hoặc vào buổi sớm hoặc vào ban đêm, người ta làm lễ chuyển cữu, nghĩa là xoay linh cữu, nguyên

lễ là rước quan tài sang châu tổ miếu (hay nhà thờ gia tộc) nhưng nhà chật hẹp, không mấy người rước quan tài, chỉ có rước hồn bạch, nhà đại gia thì phóng áo mũ đại trào rước sang.

Thủ tục khiêng linh cữu và hồn bạch tới nhà thờ tổ gọi là lễ yết tổ, nhằm mục đích để người chết tới yết cáo tổ tiên. Khi rước linh cữu hoặc rước hồn bạch sang nhà thờ tổ, người trưởng tộc thắp hương khấn với tổ tiên để báo tin người chết tới yết tổ. Chủ tang và con của người chết vào làm lễ cáo yết thay người chết lễ bốn lạy không cầm gậy rồi lùi xuống một bước cầm gậy lên, lễ bốn lạy nữa (bốn lạy sau này là lạy cho bản thân mình). Xong lại rước hồn bạch, hay linh cữu về linh toạ.

Lễ yết tổ có trâu rượu. Nhà đại gia thường có ban nhạc lễ tư văn trợ tế.

Những nhà không có nhà thờ tổ tiên riêng biệt thì tang chủ thường dâng trâu rượu, lễ khấn gia tiên, và khiêng xoay linh cữu một vòng rồi lại đặt về nguyên chỗ cũ, với ý nghĩa như người chết có hành động đi yết tổ.

Chuyển cữu thì phải do chính con cháu trong nhà đích thân bắt tay vào khiêng.

b. Cáo thần đạo lộ

Vào ngày đưa đám, trước khi rước linh cữu lên

đường, người ta làm lễ cáo thần đạo lộ, để cho đám tang đi được thanh thản.

Cáo thần đạo lộ có lễ trâu rượu, oản quả hay lễ mặn tùy tâm thường có thêm vàng hương, một đĩa xôi, một thủ lợn hoặc chân giò hay con gà. Nhà giàu lập hương án nơi đầu ngõ tế một tuần rượu. Có thể cử người đại diện, tang chủ không phải đích thân hành lễ.

c. Phát dẫn

Còn gọi là “đưa đám”. Thông thường dân gian thường xem ngày giờ để chôn cất, nhiều khi để chậm lại một hai ngày. Sau khi người thân lạy khóc, người chấp sự hô: “Được ngày giờ, xin rước linh cữu lên đường”.

d. Nghi trượng đám tang

Nghi trượng một đám tang theo lễ xưa gồm nhiều thành phần như sau:

Phương tượng: 4 hình người cầm binh khí dẫn đường, đồ mã nan tre phát giấy bốn mặt, hình dung dữ tợn cầm khí giới chùy đồng. Có nhà mướn người vẽ mặt râu, xoa tóc, mặc áo phùng tuồng cầm gươm giáo tượng hình phương tượng, đi dẫn đầu.

Cờ Đan triệu: Trên viết hai chữ Trinh Thuận (đàn

bà) hoặc Trung Tín (đàn ông).

Thẻ kỳ: Là bức hoành bằng vải trắng đề 4 chữ “Hổ sơn vân ám” (nếu người quá cố là cha) hoặc “Đi Lĩn vân mễ” (nếu người quá cố là mẹ). Hai bên có dèm lồng ghi chức tước, danh hiệu người chết.

- *Minh khí*: Đồ mã theo tín ngưỡng thời xưa.

- *Minh tinh*: Là tấm lụa đỏ dài hơn 4 mét căng trong một cái khung làm như hình một chiếc thẻ môn tám cột bốn mái cong, đặt trên một chiếc án hai đòn dọc bốn người khiêng, cao ngất ngểu, chằng buộc công phu. Trên tấm lụa viết tên húy, tên hiệu, tên thụy của người mất, theo cách kể “quý, khốc, linh, thính” sao cho chữ cuối cùng không dính vào hàng chữ “quý, khốc” là được. Nếu chạm vào hàng chữ “quý” hay chữ “khốc” thì phải liệu xếp đặt bỏ đi hay thêm lên một hay hai chữ cho được gặp Linh hay Thính, bớt đi hay thêm chữ vẫn phải giữ cho lời văn được chỉnh. Minh tinh bao giờ cũng viết chữ trắng, không viết mực đen chữ viết rộng bề ngang, hẹp bề dài. Những người làm quan ta, trên minh tinh viết cả chức tước, phẩm hàm nên nhiều khi rất dài. Đối với người nghèo, nhiều khi chỉ dùng một tờ giấy điều, cắt 3 dải phía dưới, đề chữ trắng, buộc trên một cành tre lớn (cành phan) do một đứa trẻ mang đi đầu đám tang.

Hương án: Bày giá gương, độc bình, mâm ngũ quả và đồ tam sự; tiếp đó là mâm bày lợn quay xôi, hay bánh trái (ngụ ý thay cho lễ tam sinh).

Thực án: Trên có bày tam sinh (lợn, dê, gà quay), bánh trái.

Trướng đối của con cháu và bạn bè thân thuộc phúng viếng đều căng lên trục và đem đi rước, ở thôn quê, trướng đối thường là vải trắng chữ viết mực đen.

Linh xa đi sau, bốn người khiêng, tựa như long đình nhưng không sơn thiếp lộng lẫy, trong để hồn bạch với bát hương, bình hoa và đèn nến. Đằng trước là đồ minh khí (đồ mã đủ cả biển đèn làm theo kiểu bát bửu. Phường bát âm đi trước mặt. Đi liền kế hai đòan linh xa là biển đàn triệu phát giấy, đàn ông đề hai chữ “Trung Tín”, đàn bà đề “Trinh Thuận” hoặc “Trinh Tiết”.

Cờ công bố: Là ba mảnh vải trắng treo trên công nhân anh hùng đi trước, dùng làm hiệu cho những người khiêng linh cữu biết mà đi cho đều bước trước các khúc đường cao thấp, gồ ghề.

Sau cờ công bố là các nghi trượng như mũ áo đại triều, kiệu phong của người chết, cờ phát hiệu, tán, lọng, v.v.. kể đến là kèn trống, tang nhạc các loại.

Đại dư để linh cữu đi sau cùng. Nhà giàu thường

làm đồ mã tượng hình bát nhã lồng vào đòn khiêng và nhà táng che phủ quan tài. Những đồ mã này có nhiều con giống, nhiều hình người nhỏ bé nhồi bông đủ cả râu ria áo mũ,...

Thông thường, linh cữu chỉ cần 8 – 10 người khiêng gọi là đô tụy. Họ làm theo tiếng lệnh của người chấp hiệu nhịp nhàng, thông thả, từ việc bắt tay vào đòn khiêng đến việc lên tay, lên vai, rồi nhấc chân đi đứng, dừng lại, đổi vai ... nhất nhất đều nhịp nhàng. Dân gian có tục ngữ như cho thi hài người chết như được nằm yên. Cho nên khi di chuyển cần phải nhẹ nhàng, thậm chí có nơi cố khiêng dềng dềng, thể hiện sự lưu luyến với người đã khuất.

Con cháu đi theo linh cữu, con trai đều mũ gậy, người nào vắng thì mũ gậy quàng buộc trên đầu đòn, đưa đám cha thì chống gậy tre để tròn, đưa đám mẹ thì chống gậy vòng đẹo vuông.

d. Thành phần dự đám tang

Gồm có trước hết là người chủ tang và các thân nhân trong hàng ngũ phục có để tang người quá cố đi sau đại dư theo thứ tự trước sau. Sau đại dư có bạch mạc là một cái màn che (còn gọi là phương du). Thân nhân trong hàng ngũ phục đều đi trong bạch mạc.

Tục lệ Việt Nam “cha đưa mẹ đón”, nên nếu người

chết là mẹ, các con trai phải chống gậy đi giật lùi trước đại dư; nếu là cha thì chống gậy đi theo sau. Điều này ngụ ý cha nghiêm (nghiêm đường, nghiêm phụ) con chỉ biết lễ đẽo theo khóc, không dám lên phía trước đón ngăn lại trên đường vĩnh biệt như đối với mẹ hiền (gia từ, từ mẫu). Con dâu, con gái và những phụ nữ thân thuộc gần gũi đi dưới bạch mạc, căng vuông, trên đầu có diềm buông cao bốn vòm để che mưa nắng. Con dâu trưởng và con gái thường nằm ngang đường, thỉnh thoảng lăn vài vòng, gọi là lăn đường, đô tùy khiêng đại dư phải liệu tránh hoặc bước qua.

Quanh linh cữu có những người thân thích đi kèm đại dư hoặc ngồi hai bên linh cữu gọi là hộ tang. Có khi 4 góc đại dư buộc bốn sợi dây, có người gọi là chấp phát.

Sau thân nhân ngũ phục là các bậc tôn trưởng và họ hàng không tang, cuối cùng là quan khách, bằng hữu, cháu chất đi theo linh xa, không đi theo linh cữu.

Trong khi đám tang đi trên đường, còn có lệ rắc các thoi vàng giấy, giấy tiền dọc bên đường vì tin rằng ma quỷ bám quanh quan tài, nhờ tiền và vàng giấy tống tiễn chúng để nhẹ bớt dễ đi.

Các đám tang theo nghi lễ Phật giáo còn có đoàn

thể phật tử đi đưa, có các bà vải cầm phướn đi đường dục hai bên, đọc kinh niệm Phật gọi là đi hộ phúc, có sư mặc áo cà sa, tay gõ mõ, miệng tụng kinh cầu nguyện cho linh hồn được siêu sinh tịnh độ. Nếu người chết đã quy Phật thì các vải đội cầu bát nhã làm đường cho vong hồn đi sang Tây Thiên. Nhà sư và các vải cầm phướn, đội cầu bao giờ cũng đi trước linh xa dẫn dắt vong hồn đi. Các đám tang theo nghi lễ Thiên Chúa giáo cũng có các hội đoàn hàng xú đi theo đọc kinh cho linh hồn người quá cố.

e. Phường tuồng dẫn đường trị huyết

Tại vài đám tang, đi đầu không phải là hai phương tướng, mà có mấy kếp hát, mặc quân áo như lúc diễn tuồng - đó là phường tuồng dẫn đường trị huyết, gồm 5 người, 4 người đóng vai thiên tướng trấn giữ bốn góc Đông, Tây, Nam, Bắc, một người đóng vai “Thần Hồ” đội mũ đầu cọp.

Thần hồ và bốn thiên tướng đi đầu đám vừa đi vừa có những điệu bộ nhảy tiến và miệng ê a hát. Thần hồ và Thiên tướng dẫn đường đám tang để trừ ma quỷ. Thần và bốn Thiên tướng khi tới huyết đọc chú, dùng điệu bộ vẽ bùa ở ngay huyết và ngay xung quanh huyết.

Khi tới huyết, Thần hồ nhảy xuống lòng huyết, thám thính khắp tứ phía, có khi gầm thét, trong khi

bốn vị Thiên tướng múa, đọc chú và đi quanh huyệt. Sau khi đã vẽ bùa ếm khắp nơi, năm người đóng vai trị huyệt này đều phải vội vã bỏ ra về, và phải đi mỗi người một đường và theo con đường khác con đường lúc đi.

g. Nhà trạm và lễ Đê chủ

Nếu đưa linh cữu đi đường xa thì cần có những trạm trung đồ. Linh cữu dừng lại trạm này cho mọi người nghỉ ngơi và làm lễ tế điện. “Trung đồ” nghĩa là giữa quãng đường kể từ nhà đến huyệt mộ. Nhà giàu thường hay làm trạm này để cho việc đưa linh thêm phần trọng thể. Thường nhà trạm làm bằng chiếu tre, phủ vải, mái lợp cót, kết hoa treo đèn, hoành phi, đối liên, chậu cảnh.

Đám tang dừng lại đâu gọi là đình cữu và sẽ có một lễ là lễ Đê chủ. “Đê chủ” là để lại cho đúng Thân chủ, tức là bài vị ngày nay. Lễ tế này cũng có ban Tư văn hành lễ với đủ nghi thức thường lệ, sau một tuần rượu thì dâng cơm. (Tuy nhiên, người ta thường để chôn cất xong mới đề Thân chủ).

“Thần chủ” là một miếng gỗ mỏng cỡ vài ba phân hình chữ nhật, gắn trên một đế vuông.

Mời quan đê chủ thường kén người đỗ cao hơn nếu người chết có chân khoa bảng, kén người phẩm tước cao hơn nếu người chết đã làm quan.

Đề chủ rồi, quan phụng chủ bưng đặt lên linh xa thu vào hôn bạch và bài vị giấy được đem đốt đi. Tang chủ lạy tượng ơn quan đề chủ hai lạy một vái.

Văn tế:

Cáo vu hiền khảo mỗ (mẹ là hiền tử) vị tiên thân rằng:

Bóng thỏ mờ sương, chồi thung đọt tuyết (mẹ là chồi huyền)

Trời già độc địa, khôn đem tác cỏ đến bồi.

Giọt lệ chứa chan, cam chịu thân hôn biếng nhác

Nay sắp mộ yên mả đẹp, cõi trần hoàn khôn thấy hình dong,

Mượn sâu son đỏ mực đen, để thân chủ ghi tên họ.

Thôi từ nay:

Âm dương xa lánh cõi trần, muôn thuở tìm đâu thấy mặt.

Thụy hiệu sẽ về tý lý, trăm năm chứng giám tác lòng

Lễ đề Thần chủ xong, đám tang lại tiếp tục lên đường đi tới chỗ hạ huyệt.

h. Lễ hạ huyệt

Đến chỗ hạ huyệt lại có một trạm nữa để đặt linh

cửu khi dừng lại để tế hạ huyết. Trạm này gọi là trạm Tế huyết, nếu đã có trạm Tế huyết thì bao giờ cũng làm lễ tế Thần chủ tại đây.

Trước khi hạ huyết, người ta phải làm lễ cúng Thổ thần để xin phép được an táng người chết tại nơi đây. Lễ cúng Thổ thần cũng giống như lễ cúng “Đạo lộ thần” gồm có trâu, rượu, vàng, hương và đĩa xôi, thủ lợn hoặc chân giò, gà ... bày trên một án đặt theo chiều hướng thuận lợi.

Một người đại diện tang chủ làm lễ. Nhà nghèo thời coi trâu bầu rượu trong một chiếc khay đặt trên một nắm đất gần đấy, cũng đèn nhang khăn vải nhưng không tế. Đối với nhà giàu, cúng Thổ thần cũng như có văn khấn riêng. Muốn cho long trọng hơn, đôi khi người ta đọc văn tế.

Cúng Thổ thần xong, linh cửu mới được hạ huyết. Lúc đó, thầy địa lý dùng la bàn gióng hướng phúc lại cho đúng.

.. Người ta trải minh tinh lên trên linh cửu một lát rồi đem ra phương Bắc đốt, ở nhiều nơi, người ta thường chôn luôn theo kinh cửu. Thời xưa, khi đốt, người xưa hay chờ đợi tranh nhau xé “minh tinh” để đem về vụn như vụn bùa cho trẻ con đeo lấy “khước”, nếu người chết là bậc lão đại phúc hậu.

Trong lễ hạ huyết, có khi người ta còn đọc điều

văn. Để tỏ lòng thương kính trước khi lấp đất, thân nhân bằng hữu cùng nhau mỗi người ném xuống huyết một hòn đất. Đám tang của Phật tử khi hạ huyết có tưng ni tụng niệm. Sau khi huyết đã lấp rồi, các bà bạn cùng đi chùa với người quá cố mỗi người cầm một nắm hay một cây nhang, tụng kinh niệm Phật đi quanh mộ, rồi mỗi người cầm một hòn đất ném vào mộ gọi là “dong nhan”. Thời xưa, bát cơm cúng đặt trên nắp linh cữu được người ta tranh nhau cướp lấy đem cho trẻ ăn để tránh khỏi sài đẹn, đau yếu.

Sau khi huyết đã lấp thành mộ, những tràng hoa tươi bỏ lại mộ, còn những đồ phúng điệu khác được đem về nhà treo trên tường, ở trên và chung quanh bàn thờ.

5. CÁC NGHI THỨC SAU LỄ AN TÁNG

a. Tế Thành phần

Lấp huyết đắp mồ xong, kể từ lúc này trở đi thì mới lấy đạo thờ người chết, khác hẳn lúc linh cữu còn quàn trong nhà, phúng viếng chỉ lạy có hai lạy vì coi như người còn sống, bây giờ làm lễ phải bốn lạy một vái. Bà con bạn hữu đứng trước mộ vái từ biệt. Con cháu mỗi lần cúi đầu vái đáp lễ, không phải lạy.

Trong lễ Tế Thành phần, cùng với nghi thức như

các cuộc tế khác và con cháu phải lễ bốn lạy một vái.
Tế Thành phần xong thì con cháu ra về.

Văn tế:

*Năm, tháng Cô (hoặc ai) từ nay đã thành
phần mộ, kính dâng lễ bạc cáo cùng hiền khảo (hoặc
tỷ) ... phủ quân (hoặc nhụ nhân) trước mộ khóc mà
than rằng:*

*Mây bạc bay mù thôn dã, khôn lường tạo hoá khéo
xoay vần*

*Biển xanh đắp đổi ngàn dâu, dễ tỏ cơ trời khi khép
mở.*

Cõi trần ai, sống thác là thường

Song cơ biến, đổi thay cũng dờ

Người về cõi Phật ngàn nỗi duyên do

Con ở miền trần, chạnh lòng thương nhớ.

*Âm dương cách nẻo, bỗng chốc ngàn thu trong một
phút, nhìn qua đồng đất dạ rầu rầu,*

*Trời đất xa vời đã đành, ba thước định trăm năm,
chấm đến ân tình lòng bỏ ngõ.*

Rày nhân, mã đắp lưng trâu

Nền xây sườn ngựa

Gối quỳ dâng, kim bôi ba chén, luôn những ngậm

ngùi

Mắt trông thấy, thổ nhượng một gò, lo còn lỗ chỗ.

Thôi, thời thôi!

*Mộ phần nay đã đắp xong, xót thay âm dương cách
trở, đành ngóng trông ngọn cỏ biếc rồi xanh*

*Hương hồn xin hãy trở về, gọi là khuya sớm phụng
thờ, đành hướng vọng ngàn mây, than lại thổ.*

Than ôi! Xin hưởng.

b. Rước về

Lúc ra về, Thần chủ hoặc hồn bạch được rước lên xe. Một người trong hiếu chủ dẫn trước linh xa, còn những người khác theo sau. Đám tang đi một đường về một nẻo, theo thứ tự như lúc đi.

Tới nhà, con trưởng hay thừa trọng tôn bưng thân chủ từ linh xa vào đặt nơi ban thờ, con cháu làm lễ An vị (yên chỗ) bốn lạy một vái. Có nhà lại còn bày vẽ thêm lễ tế An vị, vẫn có ban Tư văn trợ tế. Bàn thờ thiết lập nơi trang trọng nhất ở trong nhà. Nếu nhà có bàn thờ gia tiên ở gian giữa thì phải lập bàn thờ vong ở gian bên, không được thờ chung. Phải đợi hết tang mới có thể rước sang hợp tự.

Lễ hồi linh (khẩn khi rước ảnh hoặc linh vị từ mộ về):

... Than ôi! Xót nghĩ phụ thân (hoặc mẫu thân)

Thân thi táng tất – Hồn phách đã yên

Xa nơi trần giới – Về chốn cữu nguyên

*Nay hồi linh, phụng nghênh thần chủ – rước về
linh điện*

*Để con cháu sớm hôm phụng sự – Tới hạn kỳ làm
lễ cáo thiên*

*Cha (hoặc mẹ) hỡi có thiêng! Từ nay phách định
hồn yên!*

Cẩn cáo.

c. Lễ Phẫn khốc

Khi linh xa về tới nhà, một người chấp sự đến bên quỳ xin rước Thần chủ hoặc hồn bạch vào linh toạ, các hộ lễ rước vào, rồi làm lễ Phẫn khốc. Trong lễ này, bản chúc đọc lục tế Đế chú được đem đốt đi. Có nhà không làm lễ Phẫn khốc, con cháu vào lễ bốn lạy.

Lời khấn:

*Than ôi! Thân phụ (hoặc mẫu) đi đâu bỏ rơi trần
thế.*

*Mồ yên mả đẹp, di hài đã tìm được chốn đất lành!
Hôm mai thăm viếng, chốn từ đường đâu dám trễ lòng,*

Công đức cao dày, trên linh tạo chứng cho bạc lễ.

d. Tế Ngu

“Ngu” có nghĩa là vui: Có 3 lần để an thân người quá cố: 1/ Ngày an táng tế lần đầu là sơ ngu, tổ chức ngay hôm đưa đám trở về. 2/ Qua ngày hôm sau tế thêm một lần nữa, gọi là tái ngu. 3/ Và tới ngày thứ ba gọi là tam ngu. Mục đích của tế ngu là để cho hồn phách người chết được yên ổn ở nơi suối vàng.

Tế Ngu nhiều chi tiết phức tạp hơn tế Thần. Chủ tế là con trưởng hay Thừa trọng tôn đứng hàng đầu (mỗi cử động đều phải theo người tướng lễ đi bên cạnh hướng dẫn). Con cháu xếp hàng hai bên, nam tả nữ hữu, con dâu, con gái, cháu gái ngồi xếp gối dưới đất (không bao giờ trải chiếu), dâu trưởng ngồi hàng đầu. Ban tư vấn cử người giọng tốt đọc văn tế.

Lời tế:

... Than ôi! Trên toà Nam cực (khóc mẹ đổi là bảo vu) lác đác sao thưa; Trước chốn Giao trì, tờ mờ mây khói.

Cơ tạo hoá làm chi ngang giữa thế, bóng khích câu khen khéo trên người; Chử cương thường nghĩ lại ngậm ngùi thay, tình hiếu điều chưa yên thoả dạ.

Ởn nuôi nắng áo dày cơm nặng, biển trời khôn xiết, mất công lao,

*Nghĩa sớm hôm áp lạnh quạt nồng, tơ tóc những
hiềm chưa báo trả.*

*Ngờ đâu! Nhà Thung (mẹ là Huyền) khuất núi,
trời mây cách trở muôn trùng;*

Chôi Tử mờ sương, âm dương xa vời đôi ngã.

*Trông xe hạc, lờ mờ ẩn bóng, cảm cảnh cuộc phù
sinh chưa mấy, gót tiên du, đã lánh gót trần ai,*

*Rồi khúc tâm, áy náy trong lòng, thương thay hồn
bất tử về đâu, cửa Phật độ biết nhờ ai hiện hoá.*

*Suôi vàng thăm thẳm, bóng phụ thân (hoặc mẫu
thân) một bước lia khơi.*

Giọt ngọc đầm đìa, đàn con cháu hai hàng lã chã.

*Lễ sơ ngu (hoặc tái ngu, tam ngu) theo tục cổ trình
bày;*

Nhà đơn bạc biết lấy gì đóng dả.

*Đành đã biết: đất nghĩa trời kinh, nào chỉ ba tuần
nghỉ tiết, đủ lễ báo đền;*

*Cũng gọi là : Lưng cơm chén nước, hoạ may chín
suôi anh linh, được về yên thoả.*

Ôi! Thương ôi! Thượng hưởng!

*Còn một điều đáng chú ý nữa là: khi làm lễ tế ngu
ở sơ ngu, tức là ngày lễ đầu sau khi an táng về, con*

cháu phải vào lễ Tổ, nơi thờ ông bà nội hoặc cụ nội để yết cáo với tổ tiên. Đây là một thủ tục có tính cách “đi phải thưa về phải trình” với người trên.

Lời khấn:

Hôm nay! Ngày ..., tháng ..., năm ... hậu duệ tôn là ... (vâng lệnh thân mẫu và các chú) cùng với chị gái, anh rể, các em trai gái dâu rể con cháu nội ngoại kính cáo tổ tiên:

Vì có: Hiền khảo (hay hiền ty) ... thọ chung ngày ... nay đã an táng xong, làm lễ hồi linh.

Kính theo lễ nghi phong tục, xin kính dâng lễ vật gồm ... gọi là lễ bạc lòng thành.

Kính cẩn quỳ trước linh vị của ; Hiền, cao, tăng tổ khảo tổ ty, liệt vị tiên linh. Trình thưa rằng:

Vật vốn thờ trời – Người sinh nhờ tổ. Xót nay phụ thân (hoặc mẫu thân). Theo tiên tổ – Sơ ngu vừa đặt tế diên, nghĩ trước nghĩ sau – vật mọn kính bày lễ số.

Ngửa trông chứng giám lòng thành:

Cúi nguyện phù trì bảo hộ.

Ngoài ba lần tế ngu, đến bữa ăn, các con cháu cũng có lễ cúng cơm dâng người đã khuất.

d. Ấp mộ và viếng mộ

Trong ba ngày sau khi chôn, vào mỗi buổi chiều,

con cái đem hơi trầu đến mộ thắp hương mà khóc lóc gọi là “ấp mộ”, có nghĩa là đem hơi nóng của tình thân gia đình làm cho mộ đỡ lạnh lùng. Đến ngày thứ ba, con cháu đắp sửa lại ngôi mộ cho tốt đẹp hoặc làm nhà mộ.

Ngày nay có làm cỗ bàn mời bà con thân thuộc. Lễ này gọi là cúng “mở cửa mả”.

Việc đi viếng mộ này không bắt buộc phải đi đông đủ con cháu tang gia, mà chỉ vài ba người cũng được, nhưng bao giờ cũng phải có trưởng nam hay thừa trọng tôn. Cũng từ đó, ngày nào cũng phải cúng cơm một hoặc hai buổi cho đến trăm ngày. Có nơi, người ta cúng cơm đủ có ba năm, cho đến hết tang.

6. CÁC NGÀY LỄ TRONG THỜI KỲ TANG CHẾ

a. Bàn thờ những người mới chết

Những người mới chết bao giờ cũng được lập bàn thờ riêng, ở ngay tại nhà thờ hoặc ở một gian nhà ngang. Bàn thờ chỉ gồm một bát hương, một bộ đài, rượu, lọ hoa và bài vị. Ngày nay, ngoài bài vị thường có thêm bức ảnh. Tại các bàn thờ này có treo đối trướng, hoặc của chính gia chủ, hoặc của người thân thuộc bạn bè phúng viếng.

b. Cúng bảy ngày

Kể từ ngày chết. Cứ bảy ngày lại có một lần cầu

siêu và cúng cơm. Tăng ni được mời tới nhà tụng kinh, hoặc cũng có thể xin làm lễ tụng kinh tại chùa.

Buổi tụng kinh sau bảy ngày đầu tiên gọi là Sơ thất, tuần thứ hai tiếp theo gọi là Nhị thất, rồi Tam thất ... tới lần thứ bảy gọi là Thất thất được coi là lần cuối cùng nên cũng gọi là Chung thất, hoặc Tứ cửu. Khi tụng kinh tại chùa, thì trong các ngày tuần từ Sơ thất tới Chung thất, người ta rước hồn bạch hoặc Thần chủ (nay là ảnh chân dung người chết) lên chùa. Đến Chung thất là tuần sau cùng, con cháu tang gia cúng tại nhà có tế lễ, còn mang lên chùa thì có làm chay để tụng kinh sám hối, có khi kéo dài đến ba ngày đêm để vong hồn người khuất được siêu thăng tịnh độ. Lại có nơi làm lễ “49 ngày”, lễ này kéo dài tới bảy ngày đêm liền. Phật giáo quan niệm rằng, tuần Chung thất này rất quan trọng, là đưa hương hồn người chết lên chùa để nương cửa Phật.

c. Làm chay Chung thất

Việc làm chay Chung thất cũng như đàn chay cúng vào dịp Tết Trung nguyên để cầu siêu độ cho tổ tiên. Đàn chay gồm có: Tam bảo đặt trên cùng, hoặc có khi là ba bình hương thay thế. Kế đến là Tượng Tam phủ (tượng Thiên phủ, Địa phủ và Thủy phủ). Ở giữa là tượng đức Thích Ca và hai bên tả hữu có tượng Thiên quan và Thành hoàng. Hai bên có Thập điện Diêm vương, ở giữa về phía dưới là địa ngục. Dưới

cùng là bàn thờ chúng sinh. Trước bàn thờ là bàn
mộng sơn dựng cao lên để chủ lễ làm dấu hiệu siêu
sinh cho hương hồn người chết.

Lễ làm chay có nghi thức sau: Lễ Phật để cầu sự
từ bi hỉ xả; Lễ Tam phủ để xin xoá bỏ mọi tội lỗi; Lễ
Cầu vong tức là lễ yêu cầu vong hồn người chết nhập
vào một người đồng để cho biết ý muốn của vong; Lễ
phá ngục để mở cửa ngục tha các tội nhân; Lễ giải
oan cắt đoạn để sửa chữa tội lỗi cũ và dứt bỏ dây oan
nghiệt; Lễ phóng đăng phóng sinh tức là thả đèn
và thả chim lên trời hoặc cá xuống sông. Lễ này để
chuộc tội cho vong; Lễ cúng cháo để bố thí cháo và
thức ăn cho chúng sinh.

Làm chay tại chùa có khi bày đàn làm chay ở nhà
nơi trung thiên. Làm chay đủ lễ thường phải bảy ngày
bảy đêm mới xong. Đàn tràng bày trên hết thờ Phật,
dưới là Thập điện Diêm Vương, rồi đến các thần
linh... Lễ cúng trên chay dưới mặn.

Xưa tục lệ tin rằng, có người chết phải “giờ xấu
chạm tuổi” thì có trùng. Người chết sẽ bị trùng tra
khảo, dẫn về nhà bắt người thân thích, cần làm chay
cúng lễ trừ trùng.

Văn tế tuần Chung thất (49 ngày)

*Hôm nay ngày, tháng Năm.... con (cháu) là
.... Dâng lễ bạc cáo cùng phụng thân (mẫu thân)*

Mà than rằng:

*Phụ thân (hay mẫu thân) đi đâu – Vội vàng chi
mấy! Trời cao soi thấy – Thảm thiết muôn phần.*

*Thương thay! Cõi đời giấc mộng – Hình ảnh phù
vân.*

*Sơ tối xoay vần – Tính vừa bốn chín – Thoi đưa
thấm thoát – Chung thất tới tuần – Gia đình sửa lễ
cúng dâng. Lễ nghi tỏ lòng hiếu kính.*

Cẩn cáo.

d. Lễ mát nhà và việc cúng cơm

Xưa kia người nghèo túng thiếu đến mấy, không làm lễ được ở nhà thì cũng phải đến tỉnh hay điện lễ xin thầy cúng cho bùa đem về dán ở nhà. “Lễ mát nhà” có mời thầy cúng hay thầy phù thủy tới bày đàn mũ mã cúng tống hung thần, ném gạo muối tiền và thỉnh bùa trấn trạch, yểm mả.

Bùa trấn trạch dán trên cổng trên nhà, cửa buồng để ngăn cấm tà ma. Bùa yểm mả để trừ trùng, cuốn gọn bỏ vào ống trể vát nhọn một đầu cấp phập xuống phía trước mộ chí.

Từ xưa, sau khi chôn cất, suốt trong một trăm ngày, nhà nghèo khó sớm hôm đầu tắt mặt tối cũng cố cúng cơm mỗi ngày hai bữa. Bữa ăn thường thế nào thì cúng như thế ấy. Việc “cúng cơm” hàng ngày

là một công việc có ý nghĩa về lòng hiếu thảo trong thời gian cư tang mà cho tới ngày nay, nhiều người vẫn còn tôn trọng. Việc cúng cơm mỗi ngày suốt thời kỳ để tang, hoặc một năm, hoặc ba năm tùy theo hoàn cảnh và quan niệm của gia đình. Cúng cơm mỗi ngày trong thời gian để tang, kể cả việc mời cơm với chén đũa để dành riêng trong mỗi bữa ăn của gia đình, có tính cách nhắc nhở bốn phận con cháu trong nhà thương kính đối với người đã khuất, là một tục lệ đặc biệt của người Việt.

d. Tuần Tốt khóc

Người chết được 100 ngày là đến tuần Tốt khóc. Kể từ tuần này trở đi, con cháu sẽ không còn khóc nữa, theo lệ xưa, cũng thôi không cúng cơm ngày hai bữa. Vào tuần này, con cháu cúng tế lần cuối cùng.

Tuần “Tốt khóc” còn gọi là tuần “Bách nhật” nghĩa là một trăm ngày như người ta thường gọi. Ngày xưa, có trường hợp vì một lý do nào đó mà linh cữu còn quàn lại ở đâu đó chưa chôn thì con cháu không được làm lễ “Tốt khóc” mà chỉ được cúng ngày hai bữa như “Triêu Tịch diện”. Buổi cúng trăm ngày cũng là buổi cuối cùng.

Trong tuần “Tốt khóc” cũng có tế lễ, và nghi thức cũng như các cuộc tế lễ khác. Sau đây là mẫu văn tế:

Ngày tháng thoi đưa, tới tuần Tốt khóc

*Cây lặng gió lay, khóc làm sao được
Cha (hoặc mẹ) từ khuất mặt, tưởng linh hồn như ở
linh sàng*

Con khó có lòng, thờ lúc chết như thờ lúc sống.

Cẩn cáo.

7. LỄ GIỖ TRONG TANG CHẾ

a. Tiểu tường

Ngày giỗ đầu tiên của người chết, đúng một năm sau. Con cháu còn để tang, sự đau đớn như còn ở trong tâm khảm của người sống.

Trong ngày tiểu tường khi cúng tế người chết, người sống mặc tang phục như ngày đưa ma, nhất là con cháu, để chứng tỏ với vong hồn người khuất nỗi nhớ thương chưa nguôi. Và con cháu, khi tế lễ cũng lại khóc như ngày đưa ma. Những nhà khá giả xưa, trong ngày Tiểu tường có mời phường kèn để thổi kèn thờ từ bữa thiên thường cho đến hết ngày giỗ cũng như trong ngày tang, con trai lúc khấn lễ, phải áo xô mũ chuỗi và dùng gậy để lễ, đáp lễ khách khứa lễ trước bàn thờ cha mẹ mình. Mũ gậy thường ngày vẫn để thờ người chết để chứng tỏ người chết có bao nhiêu con trai.

Trong dịp này, người sống thường sắm đủ mọi đồ dùng để đốt cho người chết. Trong lễ đốt mã, còn có

cả hình nhân. Người ta tin rằng, hình nhân bằng giấy đốt xuống cõi âm, sẽ trở thành kẻ hầu người hạ người khuất. Sự tin tưởng của con cháu ở nơi linh hồn ông cha bất diệt khiến người ta nghĩ đến việc đốt mã để trang bị cho người chết mọi thứ cần dùng cho “cuộc sống” thường nhật ở cõi âm.

b. Đại tường

Ngày Đại tường (giỗ hết) tức là ngày giỗ năm thứ hai ... kể từ khi người thân qua đời. Trong ngày này, con cháu vẫn ăn mặc tang phục sô gai để cúng giỗ và để đáp lễ khách tới lễ giỗ và lần mặc sô gai này là lần cuối cùng.

Lễ Đại tường cũng được cử hành long trọng, và trong những gia đình khá giả thường có cuộc tế vong. Lúc tế lễ, con cháu vẫn khóc. Ngày giỗ khiến con cháu nhớ lại lúc lâm chung của người khuất và biết bao kỷ niệm giữa người mất người còn.

Trong ngày giỗ hết, người ta cũng đốt mã cho người khuất và mã đốt năm trước là mã biểu – người chết nhận được đồ dùng của con cháu đốt trong những ngày Tiểu tường phải đem biểu các ác thần để tránh bị quấy nhiễu. Trước khi đốt mã, thường có cúng lễ ở ngay tại mộ người khuất; đồ mã cũng được đem đốt ở ngay trước mộ. Những gia đình khá giả có làm chay ngay tại mộ, mời tăng ni tới cúng và tụng kinh niệm

Phật trước khi đốt mã.

Cỗ bàn trong ngày giỗ hết rất linh đình.

Khách khứa được mời rất đông. Con cháu muốn mọi người chứng kiến lòng thành của mình qua cuộc cúng tế.

Những ngày giỗ năm sau chỉ là những ngày giỗ thường (kỵ nhật) và việc cúng lễ sẽ cử hành như những người đã qua đời trước. Bởi vậy, ngày giỗ hết là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả các ngày giỗ.

c. Văn tế Tiêu tường hoặc Đại tường:

Năm ..., tháng ..., ngày ... Cô tử (hoặc ai tử) ... cùng cả họ, vì nay đến ngày tiêu (hoặc đại) tường, kính dâng chay lạt, mọi lễ cáo chung Hiên khảo (hoặc Ty) (chức tước, họ) ... quý công tử ... thụy ... phủ quân (mẹ thì mỗ công chính hay trắc thất mỗ quý thị ... hiệu tử" hoặc "diệu nhụ nhân") trước linh tạo khóc mà than rằng: "Than ôi! Chồi Thung (hay Huyền) tuyết phủ, Núi Hổ (Dĩ) mây che, làm chi sớm độc địa hồi trời, hơn một ngày không ở, đành tử sinh có mạng, kém một ngày không đi.

Nhớ những lúc một nhà sum họp, cha (mẹ) trước con sau:

Bỗng vì đâu hai ngã chia đôi kẻ còn người khuất

*Than ôi! Công đức chưa đền, đau đớn nhẽ chưa
chan giọt lệ*

Âm dương xa cách, xót xa thay bồi rối ruột tâm

*Tính đốt tay, chưa khô hàng lệ, tính ngày vừa ba
trăm sáu một ngày giỗ đầu diện lễ.*

*(hoặc Đại tường thì là: Tính đốt ngón tay, đã ba
năm hai mươi lăm tháng, là tiết đại tường, chưa khô
hàng lệ, đã bảy trăm hai mươi một ngày, là tuần giỗ
đoạn).*

*Chạy lại dâng lên, dưới chín suôi. Cha (mẹ) già
chứng giám.*

*Khóc than kể lễ trước linh sàng con trẻ khẩn đầu
cúi xin lâm hưởng.*

Cẩn cáo.

d. Lễ trừ phục

Theo sách cũ, đại tang kéo dài trong thời gian ba năm, nhưng có nơi theo tục lệ thì thu lại còn có 27 tháng, được kết thúc bằng lễ Trừ phục, còn gọi là mãn tang hoặc hết khó, tức là không còn mặc tang phục nữa.

Trong tháng thứ 27, con cháu chọn ngày tốt, hợp với mọi sự bài trừ, thường là ngày trừ trừ để làm lễ Trừ phục, đem đốt hết quần áo tang, gậy chống, mũ

rơm, khăn xô. Một số địa phương có lệ làm lễ Trừ phục vào khoảng một tháng sau giỗ hết. Từ đó về sau hàng năm làm giỗ, còn gọi là cúng cơm hay cát kỵ, tùy địa phương.

d. Tế Đám

Sau Đại tường ba tháng, chọn ngày tốt Trừ phục gọi là Đám tế. Từ ngày này, thân nhân bỏ hết tang phục và coi như đã mãn tang. Lễ Tế Đám tuy gọi là ba tháng, nhưng chỉ là hơn hai tháng mà thôi, vì đến tháng thứ ba, tìm được ngày tốt thì làm lễ, chứ không bắt buộc phải tính đủ cả ba tháng chẵn.

Văn tế:

*Hôm nay ngày Tháng Năm Nay con là
.... Tại Xã Huyện Thành khẩn có: hương
hoa, trầu, rượu, cỗ bàn ... nhân ngày tế đám xin kính
mời hương hồn là ...*

*... Than ôi! Nhớ bóng phụ thân (mẫu thân); cách
miền trần thế.*

*Túi mắt nhà Thung (hoặc Huyền) mây khoá, thăm
thăm sâu phiền;*

Đau lòng núi Hổ (hoặc Di) sao mờ, đăm đìa ai lệ.

Kể năm đã quá đại tường

Tính tháng nay làm đám tế.

Tuy lễ hung biết cát, tang phục kết trừ

Song thân tử sự thân, hiếu tâm lưu để.

Lễ bạc, kính dâng gọi chút, há dám quên, cây cội nước nguồn

Suối vàng, như có thấu chãng, họa may tỏ, trời kinh đất nghĩa.

Cẩn cáo.

e. Lễ rước linh vị vào chính điện (bàn thờ chính)

Sau khi làm lễ tế đàn thì chép sẵn linh vị mới phủ giấy hay vải đỏ xong, thì đốt linh vị cũ đi cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương và chân dung đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới.

Văn tế:

*Hôm nay! Ngày Tháng Năm Tỉnh
Huyện Xã Thôn*

*Tín chủ là ... (nếu lễ gia thần) hoặc Hậu duệ tôn
là ... (nếu lễ gia tiên, tự xưng hô với vị được liệt thờ
cao nhất).*

*Quý trước linh vị của (đọc linh vị của Hiền ...) vị
thờ cao nhất, liệt vị chư tiên linh.*

Kính nghĩ:

Gót tiêu dao, mịt mù mù mịt, đâu hạc nội, đâu mây ngàn?

Côi trần thế, thay đổi đổi thay, nay nương dâu mai bãi bể.

Lại rụng về cội, phách tuy giáng, hồn lại được siêu thăng.

Nước chảy về nguồn, thác là quy, sinh chẳng qua tạm ký.

Nhân sinh do tổ, gốc phải vãng, phúc quả mới mong bền.

Hiếu tử sự thân, tế như tại, nhân tâm nào dám phế.

Rày nhân: Hiền khảo (hoặc tỷ) (đọc linh vị bố hoặc mẹ)

Thọ chung ngày ... tính đến nay đã:

Quý huy đại tường

Đến tuần đàm tế.

Quá hai năm trừ phục, cáo tiên linh;

Đủ ba tháng dư ai, theo cổ lệ.

Cầu gia thân chứng giám, cho từ đường, phảng phát linh hồn

Nguyệt tiên tổ phù trì, để trạch triệu, quy hồi phách

thế.

*Đến ngày giỗ chạp, con cháu nhớ tháng ngày, làm
lễ dâng hương*

*Nói gót tổ tiên, ông cha tiếp thế thừa, theo hàng phôi
tế.*

*Lễ bạc, kính dâng gọi chút, há dám quên, cây cội
nước nguồn.*

*Suối vàng như thâu cho chẳng, họa may tỏ, trời
kính đất nghĩa.*

Cẩn cáo.

g. Lễ Vu Lan Bồn

Lễ này do sự tích Phật giáo về tôn giả Mục Kiền Liên báo hiếu đời xưa, còn gọi là tết xá tội vong nhân.

Các tang gia cứ đến tết này có tục làm lễ cầu siêu thoát cho người chết, để báo đáp ơn huệ sinh dưỡng thương yêu của cha mẹ lúc sinh thời, mời các nhà sư đọc kinh luôn bảy đêm ngày.

Một biến thể của tín ngưỡng Phật giáo là phát sinh thêm tục đốt mã vào dịp này.

h. Đốt mã

Tục đốt mã có nguồn gốc từ Trung Hoa. Vào thuở xa xưa, khi có người thân quá cố, người ta chia đồ dùng để họ “mang theo” về cõi âm, đến ngày kỵ còn

dùng đồ bạch ngọc để cúng tế; sau đó thay bạch ngọc bằng tiền cho đỡ tốn. Nhưng tiền sau khi cúng bỏ đi cũng phí phạm, vì vậy, người ta thay tiền kim loại bằng tiền giấy, và vàng giấy thay cho các thỏi vàng thật. Ở nước ta từ lâu đã có tục đốt vàng mã, tùy theo các tuần cúng, lễ tiết và quan niệm của gia chủ mà mua sắm vàng mã tương ứng.

Ngày Rằm tháng Bảy đầu tiên sau Tiểu tường, làm lễ đốt mã cho vong. Nếu chết trước ngày Rằm tháng Bảy thì chưa đến Tiểu tường đã đốt mã vào ngày Trung nguyên năm ấy, thành ra hai mã. Mã đầu là mã biểu, dâng cho thần linh để chia cho các vong hồn khác, mã đốt kỳ sau mới thực để cho người chết. Nhiều nơi có tục đốt mã ngày giỗ đầu và ngày giỗ hết, không đốt ngày Trung nguyên.

Đồ mã làm bằng giấy, giống hệt như những đồ dùng hàng ngày như áo, quần, khăn, yếm, giày, dép, ô, nón, chăn, gối, rương, cháp, điều, hộp trà, ống nhỏ, nôi, niêu, mâm, bát ... thậm chí cả con mèo, con chó, con ngựa, con trâu. Có nhà mua sắm hình nhân làm người hầu hạ, giàu có làm những ngôi nhà bằng giấy dài rộng với đủ cả tử trà, sập khảm, trường kỷ bàn đọc, nhà xay giã,...

Nhìn chung, các gia đình đều đốt mã ở nhà, nhưng cũng có gia đình đốt mã ở chùa, lễ làm cầu siêu một vài ngày.

i. Cải táng

Chôn lúc mới chết gọi là hung táng còn ba bốn năm sau đem hài cốt táng ở nơi khác gọi là cải táng hay bốc mộ, cát táng, cải táng. Nhìn chung, người Việt vốn coi trọng đạo hiếu, luôn tin từ tổ tiên, ông bà, cha mẹ đến mình có mối tương quan, hài cốt tiên nhân yên lành ấm cúng cho con cháu mới mạnh khỏe, làm ăn phát đạt. Do đó, người ta tin rằng người có đại tang là gặp “vận áo xám”, thường gặp nhiều rủi ro, làm việc gì cũng không thuận lợi bởi lúc ấy, thi thể của cha mẹ đang bị rửa nát huỷ hoại, tất có cảm ứng liên hệ đến con cháu cùng huyết mạch. Điều này giải thích tại sao người xưa muốn tìm nơi đất tốt để mà ông bà cha mẹ “nằm” ở nơi quý địa, có thể kết phát để con cháu mạnh khỏe làm ăn phát đạt.

Muốn cải táng phải chọn ngày thích hợp, không xung khắc với tuổi người chết. Trước hôm cải táng phải làm lễ cáo vong và cáo gia tiên. Ngày cải táng làm lễ khấn Thổ thần nơi xin đào mả lên, và cúng Thổ thần nơi sắp đem chôn.

Sau khi đào đất, cậy nắp quan tài, người ta thu lượm từng cái xương không bỏ sót; để phòng những mẩu xương đốt ngón chân ngón tay khỏi lọt mất. Lúc liệm chân tay người chết thường được bao bằng những túi nái sợi tơ bền không chóng rách nát (ngày nay người ta thường dùng bít tất ni lông). Lúc bốc

mộ chỉ việc nhấc những túi ấy lên, nhật xương dễ dàng. Xương được rửa sạch, xếp gọn vào một cái tiểu sành, rảy nước ngũ hương, phủ giấy trang kim, đậy nắp tiểu, đem táng nơi khác, xa gần tùy đất đã chọn, không bao giờ lại táng luôn nơi cũ. Trong khi nhật, rửa, xếp xương phải kiêng cử, không để ánh mặt trời soi vào. Nhà giàu sang gói bọc xương bằng gấm vóc như liệm lúc chết, và ngoài tiểu lại có quách bằng gỗ quý sơn thiếp trang trọng. Việc thu nhật xếp xương vào tiểu gọi là sang tiểu.

Ngày cải táng, con cháu đội khăn tang, mặc áo trắng, nhiều nhà khóc thảm thiết. Cát táng xong, con cháu anh em thân thích về làm lễ cúng gia tiên.

Sau khi cải cát mới được rước bát hương và thần chủ sang thờ chung gian giữa với tổ tiên, nếu không muốn thì vẫn để thờ riêng như trước ở gian bên.

Khi hung táng mộ đắp hình chữ nhật, theo chiều đặt quan tài lúc hạ huyệt, khi cải táng đắp hình tròn nhỏ gọn hơn. Tuy nhiên, cũng có nhiều gia đình chỉ chôn (hung táng) một lần chứ không cải táng, vì tùy theo phong tục từng địa phương. Nhiều nhà còn chọn áo quan tốt, xây huyệt kiên cố gọi là “vạn niên phần”. Nhưng cũng có trường hợp người ta lại phải cải táng vì trong nhà có người đau bệnh nguy nan, xảy ra tai ương hoạn nạn, xem bói thấy động mả, hoặc vì tin theo thầy địa lý muốn cải táng nơi đất tốt cầu mong

con cháu được bình yên, thuận lợi.

Văn khấn:

Hôm nay!

*Ngày Tháng Năm Tỉnh , huyện ... xã ...
thôn*

Hiên khảo (hay Tỷ) mộ tiên

*Than rằng: Thương xót cha (hay mẹ) xưa, vắng xa
trần thế*

Thác về sông gửi, đất ba thước phải vùi chôn

Phách lạc hồn bay, hình trăm năm khó gìn để

*Lúc trước, việc nhà bói rồi, đặt để còn, chưa hợp
hướng phương*

*Tới nay, tìm đất tốt lành, sửa sang lại, cầu an hình
thế.*

Rày thân: Phần mộ đời xong, lễ Ngũ kinh tế

*Hồn thiêng xin thưởng, nguyện cầu vĩnh viễn âm
phần;*

Phúc để di lưu, phù hộ ững bền miếu duệ.

Cẩn cáo

j. Ngày giỗ

Cúng giỗ là việc rất quan trọng trong việc thờ phụng tổ tiên. Ngày giỗ là ngày kỷ niệm người chết

qua đời, còn được gọi là ngày kỵ nhật. Hàng năm, đến ngày này, con cháu dù bận đến đâu cũng phải làm giỗ.

Ngày giỗ được tiến hành như sau: Chiều hôm trước, (tức trước ngày người chết qua đời) gia chủ cúng tiên thường; hôm sau (ngày người chết qua đời) mới là ngày chính kỵ. Các giỗ xa (như cụ, kỵ, ông bà) thì chuẩn bị con gà chõ xôi hoặc một vài mâm cỗ, trước cúng gia tiên, sau con cháu sum họp ăn uống với nhau. Còn ngày giỗ cha mẹ đã khuất thì thường làm giỗ to hơn. Giỗ có thể làm to hoặc nhỏ tùy theo gia cảnh, nhưng trong giỗ phải có một bát cơm úp và một quả trứng luộc. Trong ngày giỗ này, cỗ bàn nên làm giản tiện, cái chính là gia chủ có lòng thành kính với tổ tiên.

Trong ngày giỗ cần phân biệt: giỗ đầu, giỗ hết với những ngày kỵ khác gọi là cát kỵ.

Giỗ đầu hay tiểu tường:

Ngày giỗ đầu tức là kỷ niệm đúng một năm người chết qua đời. Người xưa gọi là ngày tiểu tường. Trong ngày giỗ đầu, khi cúng tế người chết, con cháu, người thân vận tang phục như ngày đưa ma để lễ và đáp lễ khách khứa tới dự giỗ trước bàn thờ cha mẹ mình và quan trọng là để tỏ rõ nỗi nhớ và lòng thương vô hạn với vong hồn người đã khuất. Trong ngày tiểu

tường, người sống thường sắm đủ mọi đồ dùng để hoá cho người chết như: quần áo, bát đĩa, giường chiếu, xe cộ, tiền vàng, v.v... bằng mã.

Các gia đình thường tổ chức ngày giỗ đầu lớn, mời nhiều họ hàng, bạn bè thân hữu cùng dự.

k. Giỗ hết hay đại tường

Ngày giỗ hết tức là ngày giỗ năm thứ hai ngày chết về cõi vĩnh hằng, còn gọi là giỗ đại tường. Ngày đại tường là ngày giỗ trọng đại nhất trong tất cả những ngày giỗ đối với người đã khuất núi.

Trong ngày giỗ đại tường, con cháu người chết vẫn còn vận tang phục xô gai, mũ rơm chống gậy để cúng giỗ và để đáp lễ khách tới lễ giỗ lần cuối cùng. Lễ đại tường cũng được cử hành long trọng. Lúc tế lễ, con cháu vẫn khóc, tuy nỗi đau theo thời gian đã có phần dịu bớt nhiều. Ngày giỗ đại tường làm cho con cháu nhớ lại lúc lâm chung của người khuất và nhắc lại những kỷ niệm sâu xa giữa người chết và người sống.

Cổ bàn trong ngày đại tường rất linh đình. Trong ngày này, người ta cũng đốt vàng mã cho người đã khuất và mã đốt còn nhiều hơn giỗ đầu. Bởi người ta quan niệm rằng mã đốt năm trước (giỗ đầu) là mã biểu. Nghĩa là: người chết nhận được đồ dùng của con cháu đốt trong ngày tiểu tường phải đem biểu

các ác thần để tránh những sự quấy nhiễu. Trước khi đốt mã phải cúng lễ ngay ở mộ và sau đó đốt mã trước mộ. Những gia đình khá giả còn làm chay tại mộ, mời tăng ni tới cúng, tụng kinh niệm Phật xong mới đốt mã.

l. Ngày giỗ thường hay cát kỵ

Từ năm thứ tư trở đi, ngày giỗ hàng năm của người đã khuất là những ngày giỗ thường còn gọi là cát kỵ hay kỵ nhật. Cát kỵ là ngày giỗ lành. Qua năm giỗ đầu tiểu tường, năm thứ hai là giỗ đại tường, người chết vẫn còn nằm dưới huyệt hung táng tức là táng lúc đầu tiên. Sau lễ đại tường, con cháu sẽ làm lễ cát táng, tức là lễ bốc mộ,. Con cháu đem hài cốt của người chết sang vào tiểu nhò đưa táng một nơi khác vĩnh viễn. Lần táng này gọi là cát táng. Tiểu nhò làm bằng sành, giống hình quan tài thu nhỏ, vừa để đủ hài cốt người chết. Những ngày giỗ sau ngày cát táng gọi là cát kỵ, hay gọi là giỗ thường, kỵ nhật. Sở dĩ gọi là cát kỵ ngoài ý nghĩa như nói ở trên còn có lý do đây là dịp con cháu tụ họp để cúng lễ người đã khuất, tỏ lòng thành kính tưởng nhớ.

m. Ngày tiên thường

Trước ngày giỗ gọi là ngày tiên thường, có nơi gọi là cáo giỗ, bởi trong ngày này, con cháu sẽ báo cáo với người khuất sự cúng giỗ của ngày hôm sau.

Giỗ tiên thường hay cáo giỗ chỉ có ở những ngày giỗ quan trọng như giỗ ông bà, cha mẹ, vợ hoặc chồng. Còn những ngày giỗ mọn, giỗ thường con cháu chỉ cúng ngày giỗ chính.

Trong ngày tiên thường, người trưởng tộc làm lễ cáo với thổ công, ngày hôm sau là ngày giỗ, xin phép thổ công cho hương hồn người được cúng giỗ về phối hưởng, đồng thời cũng khẩn xin thổ công cho phép vong hồn nội ngoại gia tiên nhà mình cũng được về dự giỗ. Nghĩa là theo quan niệm của người xưa thì vong hồn người khuất muốn về thăm con cháu, dự giỗ đều phải xin phép Thổ công trước.

Theo tập tục, trong ngày giỗ Tiên thường, gia trưởng phải mang lễ ra mộ mời vong hồn vị này về phối hưởng và cũng là dịp con cháu sửa sang, đắp lại (nếu sứt lở) phần mộ của người đã khuất.

Trong ngày tiên thường, con cháu họ mạc phải đến nhà trưởng tộc để soạn giỗ ngày hôm sau. Dọn dẹp bàn thờ từ buổi sáng để buổi chiều cúng cáo giỗ. Những con cháu nào gửi giỗ, mang đồ lễ tới nhà trưởng tộc trong ngày tiên thường, cũng có thể mang đến trước mấy ngày. Ngày tiên thường cũng có làm cỗ cúng. Cúng xong, con cháu cùng những người làm giúp cùng hưởng lộc.

Cúng cáo giỗ phải có lễ cúng Thổ công và phải khẩn

Thổ công trước khi khấn Tổ tiên. Khấn giỗ ngoài việc mời hương hồn người được cúng giỗ phải khấn mời hương hồn nội ngoại, gia tiên về dự giỗ.

n. Gửi giỗ

Thông thường, người chết có nhiều con cháu, nhưng việc cúng giỗ thường chỉ làm ở nhà người con trưởng. Trường hợp người con trưởng qua đời, việc cúng giỗ sẽ tiến hành ở nhà người cháu đích tôn. Trong ngày giỗ ông bà, cha mẹ tất cả những người con trong gia đình đều phải tề tựu đông đủ ở nhà người con trai trưởng hoặc cháu đích tôn. Những người ở xa không về được thường sẽ mua đồ lễ gửi về nhà người con trưởng để cúng giỗ. Ngoài ra họ còn phải làm lễ cúng vọng trong ngày giỗ.

Nếu giỗ người đứng đầu dòng họ thì sẽ tề tựu ở nhà chi trưởng. Nếu là giỗ vị ở hàng cao tầng, thì con cháu chất tề tựu ở nhà tộc trưởng để làm giỗ. Khi đi ăn giỗ, họ phải mang đồ lễ tới cúng. Việc này gọi là gửi giỗ hay góp giỗ. Lễ gửi giỗ nhiều hay ít tùy theo gia cảnh người đang sống và mối quan hệ giữa người sống với người chết, song quan trọng là phải có tấm lòng thành. Những đồ lễ do ngành thứ mang gửi giỗ, người tộc trưởng đều đem cúng hết trong ngày giỗ. Cúng xong, ăn không hết, người tộc trưởng sẽ chia phần cho các con cháu các ngành, chi.

o. Ngày giỗ chính

Ngày giỗ chính tức là ngày người chết qua đời năm xưa. Ngày này còn gọi là ngày kỵ nhật. Suốt thời gian từ lúc cúng cáo giỗ ngày tiên thường đến hết ngày giỗ chính hôm sau, bàn thờ lúc nào cũng phải thắp hương. Theo quan niệm của người Việt Nam, những người đã khuất ngự trên bàn thờ trong suốt thời gian đó, nên không thể để bàn thờ hương tàn khói lạnh dù trong một phút. Từ sáng sớm ngày giỗ chính, con cháu phải sửa soạn cỗ bàn để cúng. Ngoài ra còn phải chuẩn bị cỗ bàn cho khách khứa, gia đình, họ hàng, thân hữu. Ở làng quê Việt Nam trước đây, nhiều gia đình giàu có thường mổ bò, mổ lợn. Trong trường hợp này chiếc thủ bò hoặc thủ lợn phải dành để thờ Thổ công.

Sau khi cỗ bàn đã bày và thắp hương xong, gia chủ khăn áo chỉnh tề, ngồi vào chiếu trải trước bàn thờ để chuẩn bị lễ. Gia chủ đứng thẳng, chấp tay giờ cao ngang trán, cong mình cúi xuống, đặt hai tay vẫn chấp xuống chiếu, cúi rạp đầu xuống gần hai bàn tay đang chấp, cất đầu và mình thẳng lên, đồng thời co hai tay vẫn chấp lên trước ngực, co đầu gối phải lên, đặt bàn chân phải lên chiếu, sửa soạn đứng dậy, hai bàn tay vẫn chấp xuống tì vào đầu gối bên phải đứng dậy.

Khách đến ăn giỗ đều mang đồ lễ như vàng hương,

trầu cau, rượu, trà, hoa quả ... để cúng người đã khuất. con cháu nhà có giỗ phải dọn đồ lễ đặt lên bàn thờ trước khi khách lễ. Khách sẽ lễ trước bàn thờ bốn lạy, ba vái. Gia chủ hoặc đại diện con cháu trong nhà phải đứng đáp lễ. Lễ trước bàn thờ xong, khách phải quay sang vái người đáp lễ. Sau đó gia đình mời khách vào xơi nước, ăn trầu.

Khi dự cỗ, mỗi mâm cỗ thường có 4 người, ngày nay thường là 6 người. Ngày xưa thường là đàn ông ngồi riêng, đàn bà ngồi riêng và còn phân biệt theo tuổi tác. Đến nay phong tục này không còn.

Giỗ cha mẹ thường làm to, còn giỗ cụ kỵ ở những đời xa hơn hoặc những người không thuộc hàng quan trọng về thứ bậc trong gia đình thì thường làm giỗ đơn giản hơn, mời ít hoặc không mời khách khứa.

Buổi chiều, khi khách đã vãn, gia chủ cúng thêm tuần rượu nữa, hoặc có khi cả tuần cỗ nữa rồi lễ tạ, xin hoá vàng mã.

p. Hoá vàng

Hoá vàng còn gọi là nấu vàng, tức là đem đốt vàng mã, vàng nghìn hoặc vàng giấy của con cháu gửi giỗ hoặc khách khứa mang tới. Kể cả những tấm hàng, những cuộn giấy ngũ sắc, tượng trưng cho những tấm vải mà con cháu mua cúng cho ngày giỗ cũng được hoá với vàng mã. Lúc hoá vàng, tục thường lấy

chén rượu cúng đổ vào đồng lửa hoá vàng. Người xưa quan niệm rằng có làm như vậy người khuất mới nhận được số vàng, bạc người sống cúng và đồ vàng mã trên mới biến thành tiền vàng và đồ đạc thật dưới cõi âm. Có nơi, người ta còn hơ một chiếc đèn gánh, hoặc một chiếc gậy để gánh vàng mã về cõi âm. Sau khi hoá vàng, không cần thắp sáng hương đèn trên bàn thờ nữa. Bởi hương hồn người đã khuất đã trở về cõi âm để tiếp tục “cuộc sống” nơi Hoàng tuyền cho đến ngày giỗ năm sau.

q. Văn tế giỗ:

Trong ngày giỗ, con cháu phải khấn mời tổ tiên về cùng phối hưởng, sau đây là văn khấn giỗ:

*Nước ... năm ... tháng ... ngày ... tỉnh ... huyện
Xã (đường phố ... phường Số nhà ...) là con (cháu)
của Cùng vợ con Và cả gia đình thành kính
kính dâng (liệt kê những phẩm vật) lên Tên húy,
tên thụy Tên hiệu Mất Hôm nay là ngày
giỗ, xin kính dâng lễ bạc, mời Soi xét lòng thành,
phù hộ cho con cháu... kính mời ông bà tổ bốn, ba đời
.... (tên) cùng Về hưởng lễ cúng.*

Lúc khấn nhớ nhắc đến tên người đã khuất, phải hạ thấp giọng xuống (tỏ ý kính cẩn), mỗi lần đọc tên lại cúi đầu vái một vái. Khấn giỗ phải khấn hết tên tục, tên hiệu, tên hèm của những người hưởng giỗ.

Con cháu lúc khấn cần phân biệt hàng thứ bậc cụ, kỵ, ông bà, cha mẹ. Đàn ông khấn chữ Khảo, đàn bà khấn chữ tỷ. Cao tăng tổ khảo tức là kỵ ông, đối với người khấn là năm đời. Cao tăng tổ tỷ tức là kỵ bà. Tăng tổ khảo tức là kỵ của cụ ông, đối với người khấn là bốn đời, tức là chất. Tăng tổ tỷ, tức là kỵ của cụ bà. Tổ khảo tức là ông, đối với người khấn là ba đời, tức là cháu. Tổ tỷ tức là bà. Hiền khảo tức là cha, Hiền tỷ tức là mẹ. Kể từ đời thứ sáu trở đi, con cháu không phải cúng giỗ nữa.

Đối với các gia đình sung túc, con cháu ăn nên làm ra, trong ngày giỗ có thể tổ chức tế lễ. Đặc biệt ngày giỗ trong ngày giỗ tiểu tường và đại tường đều có tế. Trong đó có đọc văn tế, sau đây là:

***Văn khấn giỗ cha mẹ:**

Năm ...thángngày Con là Vì nay ngày kỵ, lễ bạc lòng thành, kính dâng hiếu khảo – cha (hiếu tỷ – mẹ) phủ quân (mẹ là phu nhân).

Trước bàn thờ rằng:

Công sinh thành như núi Thái Sơn

Ngày huý kỵ xin dâng lễ vật

Xin linh hồn chứng giám phù hộ cho con cháu bình yên.

Cẩn cáo.

*** Văn khấn giỗ vợ**

*Nămtháng..... ngày ái phụ làhôm nay
ngày Gọi chút xót thương, nhờ đến nội trợ
Trước bàn thờ than rằng:*

Tình nghĩa vợ chồng âm dương xa cách

*Từ khi khuất mặt cõi trần, những hưởng chút lòng
ân ái*

Đã đành sinh ký tử quy, vẫn nhớ lời ăn tiếng nói

*Năm qua ngày tháng, việc cúng hôm nay linh hồn
có linh thiêng, thấy tình một chút, phù hộ chồng con
mạnh khỏe luôn luôn, coi nhà cửa bình yên mãi mãi.*

Tâm hưởng

r. Ngày giỗ của người theo đạo Thiên Chúa giáo

Dù là theo Phật giáo hay theo Thiên chúa giáo, tất cả người Việt Nam đều làm giỗ tổ tiên, ông bà cha mẹ để tỏ lòng hiếu kính. Các nghi lễ, phong tục làm giỗ của nhân dân ta nói chung là giống nhau. Tuy nhiên, thủ tục làm giỗ của người Việt theo đạo Thiên chúa có phần hơi khác.

Tới ngày giỗ, người Thiên chúa giáo xin lễ tại nhà thờ để cầu nguyện cho cô hồn người chết và ở nhà cũng làm giỗ mời khách khứa ăn uống từ ngày tiên thường. Ngày tiên thường, người công giáo đi viếng

mộ, sửa sang mộ chí và đặt vòng hoa. Đối với những gia đình giàu có làm cỗ to cũng phải làm rạp ngoài sân.

s. Cách cúng giỗ của một số người theo đạo Phật

Có nhiều Phật tử không làm giỗ ở nhà mà làm giỗ trên chùa. Tại chùa, gia chủ cũng khấn vái và mời bạn bè tới dự cỗ chay. Cỗ chay có thể do nhà chùa đảm nhiệm hoặc gia chủ đặt cỗ rồi mang tới.

Làm giỗ trên chùa ngoài việc lễ bái, còn có tặng, tiểu đọc kinh siêu độ cho người đã khuất. Phật giáo quan niệm rằng lúc sinh thời, người khuất có làm điều gì lầm lỗi thì những câu kinh tụng niệm trong ngày giỗ cũng có thể làm nhẹ bớt tội lỗi.

x. Ngày giỗ họ

Họ là do nhiều ngành hợp thành. Ngành là do các gia đình hợp lại. Mỗi họ có một ông tổ chung. Ngày giỗ ông tổ chung là ngày giỗ họ, hay còn gọi là ngày giỗ tổ. Trong ngày này, các trưởng ngành, chi họ đều phải có mặt, vì lý do bất khả kháng mới được vắng mặt.

Thường thì mỗi họ đều có một nhà thờ tổ. Giỗ tổ được làm tại đây. Phần lớn nhà thờ tổ cũng là nhà ở của trưởng họ.

Theo tục lệ xưa, người trưởng họ được hưởng của

hương hoả của tổ tiên để lại. Của hương hoả không được bán, mà để gây hoa lợi để chi tiêu trong việc tế tự, cúng giỗ. Mặc dù đã có của hương hoả, nhưng đến ngày giỗ tổ, con cháu tuy thứ hạng đều phải góp giỗ. Tiền góp giỗ phân bổ theo đầu người đối với đàn ông từ 18 tuổi trở lên, phụ nữ và trẻ con được miễn. Tất cả cho cho giỗ họ, nếu còn thừa sẽ mua sắm tự khí hay tu sửa nhà thờ.

Trong ngày giỗ họ không mời khách khứa, chỉ có con cháu trong họ cúng lễ và ăn uống với nhau. Có nhiều họ, con gái không được dự giỗ họ, vì người ta quan niệm rằng, khi lấy chồng con gái đã thuộc họ khác, nhưng con dâu lại được dự giỗ.

y. Giỗ hậu

Nhiều người sinh thời không có con trai, biết rằng khi mình qua đời sẽ không có người cúng giỗ. Họ cũng không lập tự vì không phải ngành trưởng, và nghĩ rằng kẻ thừa tự sau này vẫn có thể bỏ giỗ mình, nên khi còn sống tiền của, họ mua ruộng nương cúng vào họ, hoặc vào chùa ... để sau này khi đã mất, chùa, đền hoặc đình sẽ cúng giỗ cho. Những trường hợp như vậy gọi là giỗ hậu.

Tại nhiều làng, trong hương ước có ghi khoản mua hậu. Nghĩa là người nào sau này khi qua đời, làng cúng giỗ phải bỏ tiền ra mua sự cúng giỗ đó với làng.

Tiền mua giỗ hậu nộp vào quỹ làng để sắm thêm tự khí, mở đèn, đình hoặc dùng vào các việc công ích khác.

Giỗ hậu thường được cúng nơi nhà hậu, một căn nhà riêng tại đình, chùa dùng để làm giỗ hậu. Nếu ngày giỗ hậu làm tại chùa, việc khấn vái do sư trụ trì chùa đảm nhiệm. Nhà sư sẽ tụng kinh để cầu an cho vong hồn người đã khuất. Nếu làm giỗ hậu tại nhà thờ họ, thì tộc trưởng họ cúng giỗ và có mời một số con cháu trong họ tới dự giỗ. Nếu làm giỗ hậu tại đình, các hương chức, quan viên cúng giỗ rồi cùng nhau chia phần hưởng lộc hậu, ăn uống ngay tại đình hoặc mang về. Người khấn giỗ tại đình thường là ông thú từ, hoặc vị tiên chỉ trong làng. Trong ngày này, ngoài việc cúng hưởng giỗ, dân làng cũng phải ra lễ để cúng cáo Thành hoàng.

z. Lập tự

Trong ngày giỗ, người xưa tin rằng, việc cúng lễ phải do người đồng khí huyết với người đã khuất khấn vái thì hương hồn người khuất mới có thể về phối hưởng. Chính vì thế, mỗi gia đình, mỗi dòng họ đều mong muốn có con trai để giữ việc hương khói, thờ phụng tổ tiên.

Trong một gia đình lập tự, trước hết phải lập con trai của người vợ cả (trong trường hợp đa thê). Nếu

vợ cả quá 50 tuổi mà không có con trai, mới lập con của người vợ kế. Nếu cả hai người vợ đều không có con trai thì phải chọn một người cháu gọi bằng chú hay bác. Trường hợp không có cháu gần thì lập cháu xa để giữ việc thờ tự cho mình.

Lập tự là phải theo thứ hạng “chiêu mục” nghĩa là người dưới được thừa tự cho người trên. Người được lập tự, nếu là con nuôi (với điều kiện đồng khí huyết với cha mẹ nuôi). Người được lập lên phải ăn ở với cha mẹ nuôi như cha mẹ đẻ, không được tự ý bỏ cha mẹ nuôi về nhà cha mẹ đẻ của mình. Trong trường hợp sau khi lập con nuôi làm thừa tự, cha mẹ nuôi sinh được con trai thì người con nuôi thừa tự có thể về với nhà cha mẹ đẻ của mình, hoặc có thể ở lại với cha mẹ nuôi và được hưởng một phần gia tài như con đẻ và được hưởng mọi quyền lợi như con đẻ. Trong lập tự, không được dùng con độc đinh hoặc con trưởng, vì những người con này còn phải giữ việc khói hương của chính cha mẹ đẻ. Người thừa tự được lập rồi, nhưng ăn ở không tốt, có thể bị phế bỏ và lập người khác. Như vậy gọi là lập hiền hay lập ái.

Theo tục lệ của người Việt, con rể không được thừa tự cho cha mẹ vợ. Nếu người con rể ở rể khi cha mẹ vợ chết, phải chọn người đồng tông lập tự.

Người đàn ông không có con không lập tự lúc còn sống, lúc chết rồi, người vợ có bốn phận điều đình với

tộc trưởng để lập tự, lấy người cúng giỗ cho chồng và gia tiên nhà chồng.

Những người đã hỏi vợ nhưng chưa cưới, hay mới cưới vợ nhưng chưa có con mà chẳng may qua đời, cha mẹ sẽ lập tự cho con. Những người chết yếu không được lập tự, Vong hồn những người này được thờ phụng tại bàn thờ chung của gia đình. Cũng có khi vong hồn họ rất linh thiêng có thể được lập bàn thờ riêng.

w. Hậu điền và kỵ điền

Hậu điền là ruộng hậu, vốn là ruộng đất của một người nhưng vì không có con nên đem hiến ruộng đó cho cả họ hoặc cả làng để xây nhà thờ, làm đình chùa... Khi người hiến ruộng qua đời, họ hoặc làng nhận ruộng sẽ cúng giỗ người này.

Kỵ điền cũng là ruộng của tư nhân giao cho làng để cúng giỗ. Bởi có trường hợp người không có con mua ruộng để hiến cho họ hoặc làng, để họ hoặc làng sẽ làm giỗ cho cha mẹ mình. Những thửa ruộng này gọi là kỵ điền. (ruộng để cúng giỗ).

w₁. Cửa hương hoả

Cửa hương hoả là cửa cái của gia tiên để lại, lấy hoa lợi để dùng vào việc thờ phụng, cúng giỗ hoặc sửa sang tu bổ, mua sắm thêm tự khí cho nhà thờ. Con cháu không ai được phép bán cửa hương hoả.

Thậm chí trong trường hợp vì lý do nào đó, gia chủ bị tịch biên thì hương hoả cũng được trừ lại.

w₂. Ngày giỗ những người mất tích

Những người bị chết dọc đường hoặc bỏ mạng nơi trận mạc, không ai biết tung tích ... đối với gia đình được coi là mất tích. Không ai biết chính xác của ngày chết của người mất tích. Vì vậy, gia đình của những người này thường lấy ngày họ đi khỏi gia đình để cúng giỗ.

w₃. Đối với hài nhi chết yếu

Những hài nhi chết yếu dưới một tuổi không được cúng giỗ. Người ta cho rằng những đứa trẻ sơ sinh, hay hữu sinh vô dưỡng này chỉ là những đứa trẻ lộn kiếp, sau khi chết, chúng sẽ đi đầu thai ngay. Người xưa quan niệm rằng, những đứa trẻ này có tiền oan nghiệp chướng của cha mẹ, nên chúng đầu thai để báo hại.

Những đứa trẻ sinh ra được ít lâu mới chết, người xưa cho rằng cha mẹ chúng kiếp trước có nợ chúng, nên kiếp này chúng đầu thai vào để đòi đủ số nợ, rồi lại ra đi. Đối với những đứa trẻ này cũng không cúng giỗ. Song có gia đình dù có con chết yếu vẫn rất thương nhớ con, nên tới ngày chết vẫn cúng giỗ để chúng khỏi trở thành những cô hồn, ma đói.

VII. NGHI LỄ DÂNG HƯƠNG TẠI CÁC ĐỀN, PHỦ

Các đình, đền, miếu, phủ lớn thường phụng thờ thần linh, thành hoàng, thánh Mẫu. Các nơi thờ tự này là biểu hiện một tập tục văn hóa truyền thống, thể hiện sự kính trọng, nhớ ơn các vị tiên nhân đã có công với cộng đồng làng xã, dân tộc trong lịch sử.

Các nơi này đều tổ chức lễ hội dâng hương định kỳ vào các dịp tuần, tiết, sóc, vọng. Ví như, vào dịp cấy lúa, nông dân thường tổ chức “Lễ Hạ điền”. Khi lúa trở đòng lại có kỳ lễ dâng hương gọi là “Lễ Thượng điền” hay “Lễ Thượng tân” tức lễ Cơm mới vào tháng chín âm lịch. Ngoài ra, tập tục này cũng thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam: trong dòng họ thì có công ơn của tổ tiên, trong làng xã thì có công ơn của thành hoàng... là những người đã có công khai phá lập làng, đánh giặc hay cứu nạn trừ tai.

Ngoài các kỳ dâng hương nói trên, trong năm thường có những kỳ dâng hương lớn vào những kỳ

dân làng mở hội vào đám. Hội có thể mở vào những ngày nhân dịp mùa xuân hay mùa thu, hoặc có thể chọn ngày sinh hay ngày mất của thần linh để mở hội vào đám. Những kỳ lễ dâng hương này thường kéo dài nhiều ngày. Trong các dịp này, ngoài việc tế thần linh, thánh Mẫu, nhân dân thường tổ chức hội hè với nhiều trò vui dân gian.

1. THỜ ĐỨC THÁNH TRẦN

Đền Kiếp Bạc ở làng Vạn Yên, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương là nơi thờ Trần Hưng Đạo, hay còn gọi là đức thánh Trần. Trần Hưng Đạo là danh tướng xuất sắc của nước ta suốt hai ngàn năm nay. Ông đã để lại nhiều chiến công hiển hách và được phong tước vương nên gọi là Hưng Đạo Vương.

Năm 1257, khi quân Nguyên Mông sang đánh nước ta, Trần Hưng Đạo được vua cử làm Tiết chế, chỉ huy cuộc kháng chiến và đã lập công lớn. Năm 1283, vua lại cử ông làm Quốc công Tiết chế thống lĩnh toàn quân. Dưới sự chỉ huy mưu lược và tài giỏi của ông, quân giặc liên tục bại trận, Năm 1288, chúng buộc phải rút khỏi nước ta.

Trong tâm thức người Việt Nam, Trần Hưng Đạo là một vị thánh, ông được thờ ở nhiều nơi trên đất Việt. Vạn Kiếp, một địa điểm chiến thắng của ông đã trở thành chốn thờ tự uy nghiêm. Hội Kiếp Bạc hàng

năm được mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch. Người đi
trả hội lấy việc lễ bái làm đầu nên trong hội chỉ có
lễ bái, không có các trò bách hý như ở các hội khác.

Văn khấn Đức thánh Trần:

Hôm nay, ngày... tháng... năm...

Tín chủ là... tuổi...

Cùng vợ (chồng) là... tuổi...

Con trai (con gái) là... tuổi...

.Ngụ tại...

Lễ bạc tâm thành, con xin dâng lên trước đền.

*Xin chấp tay lạy chín phương trời, mười phương
phật, chư Phật mười phương.*

*Kính lạy đức Trần triều hiển thánh Nhân Vũ Hưng
Đạo đại vương, đại nguyên soái, tổng quốc chính, thái
sư thượng phụ thượng quốc công, tiết chế, lịch triều
tấn tể, khai quốc an chinh, hồng đồ tá tri, hiệu
linh trắc vĩ, minh đức trí nhân, phong huân hiển liệt,
trí trung đại nghĩa, đức bảo trung hưng, thượng đẳng
tôn thần, ngọc bệ tiến.*

*Kính lạy Nguyễn từ Quốc Mẫu Thiên Thành Thái
Trưởng Công.*

*Kính lạy tứ vị Thánh tử đại vương, nhị vị vương cô
Hoàng thánh*

Kính lạy Đức Ông Phạm điện suy tôn thân, tả quan nam Tào, hữu quan Bắc Đẩu, lục bộ thượng tứ, chư vị bách quan.

Chấp kỳ lễ bái, phù hộ độ trì cho tín chủ con cùng toàn gia quỵển được luôn mạnh khoẻ; đầu năm chí cuối được tai qua nạn khỏi; điều lành mang đến, điều dữ giải đi; cầu tài được tài, cầu lộc được lộc, cầu bình an được bình an; có người có của, được nhân an vật thịnh; đi đến nơi về đến chốn; làm ăn thông đồng bén giọt, vạn sự như ý

Trong dịp này, người ta còn có thể cầu nhân duyên hoặc cầu tự.

2. TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU

Có người cho rằng: tín ngưỡng thờ Mẫu là một nét đặc trưng của tín ngưỡng bản địa Việt Nam, được bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ Mẹ Đất vốn đã có trong thời tiền sử. Điện thờ Mẫu có khắp nơi trên đất nước và cả ở trong khu cư trú của cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Đền thờ Mẫu có nơi là một đền phủ nguy nga, có nơi chỉ là một ban thờ khiêm tốn đặt tại một góc trong ngôi chùa, hay là một điện thờ nhỏ trong từng gia đình. Kiến trúc nơi thờ Mẫu có những nét riêng. Chính những nét riêng ấy đã làm nên những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu (vốn xuất phát từ quan niệm: mọi vật sinh ra từ Mẹ) khiến cho tín

ngưỡng này là một hình thức tín ngưỡng thuần phác, đặc biệt của dân tộc.

a. Cấu trúc nơi thờ Mẫu

Trong tâm thức của người Việt Nam từ xa xưa, dòng sông, con suối, hồ nước... là những nơi mang tính nữ (âm), nên hầu hết các điện Mẫu thường được xây dựng cạnh sông, suối, cửa biển... Các cửa điện Mẫu bao giờ cũng được đặt quay về phía nguồn nước, những nơi tụ thủy, tụ phúc với mong ước làm ăn phát đạt. Cho nên, nếu như không chọn được thế đất lành tự nhiên có sông hồ ôm bọc thì trong khuôn viên dựng điện Mẫu, người ta sẽ phải làm hồ, ao, giếng để dựng lại một không gian cần thiết ứng với thuật phong thủy của người xưa. Cũng để tạo tính âm, nhiều điện Mẫu ở vùng cao thường được dựng trong các hang động, hoặc xây dựng thêm nhiều hòn non bộ với những ngọn đá lô nhô mọc lên từ đất hoặc ngập trong nước.

Cấu trúc không gian trong các điện thờ Mẫu, vị trí chư vị thần thánh được bài trí sắp xếp theo ba tầng: tầng trên không, tầng ngang trên ban, bệ thờ và tầng trệt. Đây là một điều rất riêng vì không có tôn giáo tín ngưỡng nào bài trí như vậy. Ở tầng không là sự hiện diện của đôi măng xà (còn gọi là Ông Lốt) tượng trưng cho quan lớn Tuần Tranh. Một con màu trắng, một con màu sẫm quấn trên xà ngang phía trái, bên

trên bàn thờ. Ở tầng ngang trên ban, bệ thờ có khi chỉ có một ban, có khi là một dãy ban thờ từ ngoài vào cao dần (tùy từng nơi), là nơi ngự của các thánh Mẫu (có nơi chỉ có một tượng Mẫu) và các chư vị thánh. Ở hạ ban bao giờ cũng thờ ông Năm Dinh hay thánh ngũ hổ tướng quân, với biểu trưng là tượng hoặc là bức tranh hổ, phía trước đặt một bát hương.

Cấu trúc ở tầng ngang của nơi thờ Mẫu đơn giản nhất cũng gồm các ban thờ sau:

- Hậu cung (là nơi đặt ban thờ Tam tòa thánh Mẫu) nằm ở chính giữa, vị trí cao nhất là tượng bà chúa Liễu Hạnh mặc sắc phục đỏ (có nơi màu vàng) đó là Mẫu Thượng thiên. Thấp hơn về bên hữu là Mẫu đệ nhị, sắc phục trắng là Mẫu Thoải. Tương ứng về phía tả là Mẫu đệ tam, sắc phục xanh là Mẫu Thượng ngàn.

- Phía trước hậu cung Tam tòa thánh Mẫu là một ban thờ lớn, ban thờ này gồm ba lớp thừa tự, tính từ hậu cung trở ra.

Lớp một: giữa là vua cha Ngọc Hoàng, bên tả là vị Nam Tào, bên hữu là vị Bắc Đẩu.

Lớp hai: gồm năm vị quan lớn (gọi là Ngũ vị thái tử).

Đệ nhất: áo đỏ là quan Thượng thiên

Đệ nhị: áo xanh là quan Giám sát.

Đệ tam: áo trắng là quan Thủy phủ

Đệ tứ: áo vàng là quan Khâm sai.

Đệ ngũ: áo đen (hoặc tím, lam) là quan Tuần Tranh.

Năm màu áo này tượng trưng cho màu của ngũ hành: Kim (trắng), mộc (xanh), thủy (đen), hỏa (đỏ), thổ (vàng).

Lớp ba: gồm hai ông hoàng Bầy và ông hoàng Bơ với sắc phục thường là màu tím và màu trắng.

- Hai bên tả hữu của ban thờ nói trên là ban thờ đức thánh Trần Quốc Tuấn (bên tả) và ban thờ Chúa Sơn trang (bên hữu).

- Ngoài cùng là những ban thờ thần hoàng thổ địa, thủ đền tại vị, ban thờ Cô, Cậu...

b. Nghi thức thờ Mẫu

Tại điện Mẫu, người ta tiến hành những nghi thức thờ cúng thánh Mẫu, cùng các chư vị thần thánh để cầu mong lấy phúc, lộc, sức khỏe, tiền tài... Trước ban thờ mẫu bao giờ cũng treo tầng tầng lớp lớp những đồ vàng mã, nhưng phổ biến và không thể thiếu là nón (tu lờ, quai thao, nón chóp), hài, thuyền rồng, đèn lồng đủ loại đủ màu với nhiều kích cỡ khác nhau. Sở dĩ có treo những đồ vật ấy vì trong đạo thờ Mẫu, từ thánh Mẫu tới hàng quan, hàng châu, ông

Hoàng, các Cô, Cậu đều gồm các vị thần linh có gốc gác từ mọi miền đất nước, chốn rừng núi, nơi ven biển. Điều này cũng thể hiện trong những bộ xiêm y rực rỡ mặc trong những điệu múa thiêng liêng khi làm lễ trước điện.

Trước điện Mẫu đã ra đời loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian gồm âm nhạc, hát văn và múa thiêng, tập trung lại trong một hình thức sân khấu tâm linh đặc thù, đó là hầu bóng.

c. Văn khấn Thánh Mẫu (tại gia)

Hôm nay, ngày... tháng... năm... tỉnh, huyện, xã, thôn...

Đệ tử là... cùng cả nhà, trai gái già trẻ kính cáo

*Thiên thượng Thánh mẫu, Cửu thiên huyền nữ,
Vân cát thần nữ, Chàng thắng Hòa diệu đại vương,
tả hữu tiên cô thị tòng liệt vị.*

Nay nhân ngày... đệ tử lòng thành, kính dâng lễ vật...

Kính xin Thánh mẫu chứng tri

Rủ lòng thương xót

Trước sau như một

Đội đức từ bi làm lỗi điều gì

Xin Mẫu đại xá

*Hộ cho tất cả
Con cháu khang ninh
Tổ đức hiếu sinh
Anh linh thánh Mẫu
Phù trì phù hộ
Cứu khổ trừ tai
Tiến phúc tăng tài
Xin ngài chứng giám*

Thượng hưởng

3. CÁC VỊ THẦN KHÁC

a. Đức thánh quan

Đức thánh quan là Quan Vân Trường, một vị tướng đời Tam Quốc, sinh thời là một người rất trung thực, lúc chết đã hiển Thánh

Trên bàn thờ có tượng hoặc bức họa của Ngài. Bức tranh thường vẽ ngài ngồi giữa, bên phải là Quan Bình, con nuôi của ngài, bên trái là gia tướng trung thành của ngài là Châu Xương. Đằng trước bức tranh (hoặc tượng) là bát hương với các đài để rượu, mâm bông để các đồ cúng vái. Có đèn nến và ống hương.

b. Thần Hồ

Thần Hồ là vị chúa tể của loài hồ. Thường dân ta

thờ thần Bạch Hổ, hoặc thần Ngũ Hổ, tức là 5 Thần Hổ năm sắc khác nhau vào những ngày sóc vọng, hoặc có công việc gì phải cúng cáo gia tiên thì đồng thời cúng Thần Hổ.

Bàn thờ thường được thiết lập ở một ban xây ngoài sân, hay miếu xây ngoài vườn, nhất là đối với các gia đình ở gần chân núi. Người ta thường cúng Thần Hổ trâu, rợu phải cúng mặn, thịt sống hay trứng sống làm đồ lễ.

c. Sơn thần

Sơn thần là Thần Núi. Những gia đình ở vùng núi thường lập bàn thờ Sơn Thần. Tất nhiên phần lớn núi nào cũng có miếu thờ Sơn Thần, nhưng để tiện việc cúng lễ và mong được Sơn Thần phù hộ.

Bàn thờ Sơn Thần được lập tại một bàn riêng, thường xây ở vườn phía gần chân núi. Bàn thờ không có bài vị, chỉ có bình hương và một số đồ thờ khác.

d. Mộc tinh

Mộc tinh là tinh của những cây lớn mọc ở những vườn rộng, nhất là những cây cổ thụ. Nhiều người sau khi mua được nhà cửa có vườn rộng, trong vườn lại có nhiều cây cối, đặc biệt có những cây cổ thụ. Khi dọn đến ở gặp phải một vài việc trở ngại tai ương, như gia đình có ốm đau, tai nạn, mất của cải... người xưa cho là tại những cây cổ thụ có thần, và vị thần

này chưa được biết tới nên ra uy để chứng tỏ sự hiện diện của mình. Vì vậy, để được tai qua nạn khỏi, gia đình bình yên, gia chủ phải lập miếu thờ ở gốc cây.

Tục xưa tin rằng những cây cổ thụ xanh tốt thường có hồn ma trú ngụ, vì thế muốn được bình yên thì phải cúng lễ. Tuy đây chỉ là sự huyền hoặc, nhưng vẫn được người xưa tin.

VIII. NGHI LỄ DÂNG HƯƠNG LỄ PHẬT TẠI CHÙA

1. SÁM LỄ

- Đến dâng hương tại các chùa chỉ nên sắm các lễ chay: hương, hoa tươi, quả chín, oản phẩm, xôi chè... mà chớ nên sắm sửa lễ mặn như cỗ tam sinh (trâu, dê, lợn), thịt mỗi, gà, giò, chả...

Việc sắm sửa lễ mặn chỉ có thể được chấp nhận nếu như trong khu vực Chùa có thờ tự các vị Thánh, Mẫu và chỉ dâng ở đó mà thôi. Tuyệt đối không được dâng đặt lễ mặn ở khu vực Phật điện (chính điện), tức là nơi thờ tự chính của ngôi chùa. Trên hương án của chính điện chỉ được dâng đặt lễ chay, tịnh mà thôi. Lễ mặn (nhưng thường đơn giản: gà, giò, chả, rượu, trầu cau...) cũng thường đặt tại ban thờ hay điện thờ (nếu xây riêng) của Đức ông – Vị thần cai quản toàn bộ công việc của một ngôi nhà.

- Không nên sắm sửa vàng mã, tiền âm phủ để dâng cúng, lễ Phật tại Chùa. Nếu có sửa lễ này thì

chỉ đặt ở ban thờ Thần Linh, Thánh Mẫu hay ban thờ Đức ông mà thôi.

- Tiền giấy âm phủ hay hàng mã kiêng đặt ban thờ Phật, Bồ Tát và cả tiền thật cũng không nên đặt lên hương án của chính điện. Mà tiền, vàng công đức nên để vào hòm công đức đặt tại chùa.

- Hoa tươi lễ Phật là: Hoa sen, hoa huệ, hoa mẫu đơn, hoa ngâu.. không dùng các loại hoa tạp, hoa dại...

- Trước ngày dâng hương lễ Phật ở chùa cần chay tịnh trong đời sống sinh hoạt ngày thường: ăn chay, kiêng giới, làm việc thiện...

- Tại chùa, cứ đến rằm tháng Bảy thì mọi người sắm sửa lễ vật đến cầu siêu cho ông bà, cha mẹ hay những người đã khuất, thậm chí cho cả cô hồn. Vào tiết này, sắm thêm lễ vật đặc trưng: đồ hàng mã chế tác theo hình vật dụng thường ngày: mũ, áo, xe cộ... nhưng chớ có sắm sửa các hình nhân thể mạng. Ngoài ra còn có lễ vật cúng chúng sinh: cháo lá đa, ngô nê... Tất cả dâng đặt ở ban thờ đức Thánh chứ không đặt ở ban thờ khác hay ban chính điện.

Riêng với các trường hợp “bán khoán” hay làm lễ “cầu siêu” thì cần phải sắm sửa lễ vật theo chỉ dẫn cụ thể của vị Tăng trụ tại chùa.

2. NGHI THỨC LÀM LỄ

- Thường dâng lễ thấp hương cúng dường chư Phật tại chính điện trước rồi tới nhà thờ các vị Tổ Sư dâng lễ cúng tổ. Cuối cùng tới Trai đường thăm hỏi các vị trụ trì. Đó là nghi lễ miền Nam, Trung.

Còn các chùa Việt Nam ở miền Bắc thì phổ biến cách làm lễ sau:

a. Đặt lễ vật: Thắp hương và làm lễ ban thờ Đức ông trước.

b. Sau khi đặt lễ ở ban Đức chúa xong, đặt lễ lên hương án của chính điện, thắp đèn nhang, thỉnh 3 hồi chuông rồi làm lễ chư Phật, Bồ Tát.

c. Sau khi lễ chính điện xong thì đi thắp hương ở tất cả các ban thờ khác của nhà Bái Đường. Khi thắp hương lên đều có 3 lễ hay 5 lễ. Nếu chùa nào có điện thờ Mẫu, Tứ Phủ thì đến đó đặt lễ, dâng hương cầu theo ý nguyện.

d. Cuối cùng thì lễ ở nhà thờ tổ (nhà Hậu)

e. Cuối buổi lễ, sau khi đã lễ tạ để hạ lễ thì nên đến nhà trai giới hay phòng tiếp khách để thăm hỏi các vị sư, tăng trụ trì và có thể tùy tâm công đức.

* *Lưu ý:* Trong lễ nghi Phật điện thường có nghi thức lạy. Đồng thời việc thực hiện nghi thức Phật

tại chùa cũng có thể chia làm hai hình thức sau:

- Nếu là Phật tử lễ Phật trong các ngày tuần rằm hay trai giới thì có thể chuẩn bị y phục chỉnh tề, tụng một biến kinh sám nguyện, kinh Dược Sư, kinh Phổ môn, khóa kinh Nhật tụng, hoặc niệm Phật từ 1 đến 3 tràng rồi hồi hướng phát nguyện.

- Nếu là khách hành hương thì có thể lễ Phật ba hoặc 5 hoặc 9 lạy (nếu biết thân chủ nhà Phật thì niệm vài biến) rồi phát nguyện hồi hướng. Cũng có thể lạy Phật tại chính điện 3 lạy rồi phát nguyện bằng 1 bài văn khấn.

3. VĂN KHẤN

a. Văn khấn lễ Phật

* *Bài 1:*

Nam mô A di đà Phật (3 lạy)

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật!

Na mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế âm Bồ Tát!

Hôm nay ngày... tháng... năm...

Tín chủ:... Ngụ tại...

Nhất tâm thành kính, lễ bạc dâng lên trước Phật

điện tại Chùa.

Nguyên câu thập phương chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư vị Hiền thánh Tăng Hộ Pháp thiện thần, Thiên Long Bát bộ phù hộ độ trì, rủ lòng từ bi, chứng minh công đức, cứu khổ cứu nạn, ban lộc phát tài, giả trẻ gái trai, bình yên mạnh khỏe.

Tâm thành bạc lễ, gặp được thiện duyên, gia sư chu truyền, ấm êm hạnh phúc. Tốt lành luôn tới, xấu ác qua đi, nhờ lượng từ bi, mong cầu như nguyện.

Cẩn nguyện

** Bài 2*

Nam mô A di đà Phật!

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Tín chủ con là... ngụ tại... cùng toàn thể gia đình thành tâm trước Đại Hùng Bảo Điện, nơi Chùa... dâng nén tâm hương, dốc lòng kính lạy: Đức Phật Thích Ca, Đức Phật Di Đà, Mười phương chư Phật, Vô thượng Phật Pháp, Quán Âm đại sỹ cùng Thánh Hiền tăng.

Đệ tử lâu đời, lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề, si mê lầm lạc. Ngày nay đến trước Phật đài, thành tâm sám hối, thể tránh điều dữ, nguyện làm việc lành, ngửa trông ơn Phật, Quán Âm Đại sỹ, chư Thánh hiền tăng, Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp

thiên thân, từ bi gia hộ. Khiến cho chúng con và cả gia đình không phiền não, thân không bệnh tật, hàng ngày an vui làm việc theo pháp Phật nhiệm màu, để cho vận đẩu hanh thông, muôn thuở nhuần ơn Phật pháp.

Đặng mà cứu độ cho các bậc Tôn trưởng Cha mẹ, anh em, thân bằng quyến thuộc, cùng cả chúng sinh đều thành Phật đạo,

Dãi tấm lòng thành, cúi xin chúng giám

Cẩn nguyện

b. Văn khấn lễ Đức Ông

Nam mô A di đà Phật!

Kính lạy Đức ông Tu đạt Tôn giả, Thập bát Long thân, Già Lam Chân Tể.

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ con là:.... Ngụ tại...

Cùng cả gia đình, thân tới cửa Chùa...

Trước điện Đức Ông, thành tâm kính lễ, hiến dâng phẩm vật, kim ngân tịnh tài. Chúng con tâu lên Ngài Tu đạt tôn giả từ cảnh trời cao soi xét.

Chúng con kính tâu lên Ngài Già Lam Chân tể cai quản nội tự cùng các Thánh chúng trong cảnh

Chùa đây.

Thiết nghĩ: Chúng con sinh nơi trần tục, nhiều sự lỗi lầm, hôm nay tỏ lòng thành kính, cúi xin Đức Ông thể đức hiếu sinh, rủ lòng tế độ che chở cho chúng con, ba tháng hè, chín tháng đông, tiêu trừ tật bệnh tai ương, vui hưởng lộc tài may mắn, cầu gì cũng được, nguyện gì cũng thành.

Dãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám

Cẩn nguyện

c. Văn khấn lễ đức Thánh Hiền

Nam mô A di đà Phật!

Con cúi lạy Đức Thánh Hiền. Đại Thánh khai giáo A nan đà Tôn giả.

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Tín chủ con là... ngụ tại...

Chúng con thành tâm dâng lên lễ bạc tâm thành hương hoa, lễ vật.

Cầu mong Tam bảo chứng minh, Đức Thánh hiền chứng giám, rủ lòng thương xót, phù hộ cho con được mọi sự tốt lành, hạnh phúc an lạc.

Cúi mong ngài soi xét tâm thành phù hộ cho gia đình chúng con được sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm.

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn nguyện

d. Văn khấn cầu tài – lộc – bình an ở ban Tam bảo

Nam mô A di đà Phật!

Đệ tử con xin thành tâm kính lạy mười phương chư Phật, chư vị Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng, Hộ Pháp thiện thần, Thiên Long Bát bộ.

Hôm nay ngày... tháng... năm... Tín chủ con là...
Ngụ tại....

Thành tâm dâng lễ bạc cùng số trượng lên của mười phương thường trụ Tam bảo. Chúng con xin dốc lòng kính lễ.

- Đức Phật A di đà giáo chủ cõi cực lạc phương Tây.

- Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo chủ cõi Soi Bà.

- Đức Phật Dược Sư Lưu ly giáo chủ cõi phương Đông.

- Đức Thiên thư, Thiên nhân, Ngũ bách danh tâm thanh cứu khổ cứu nạn, linh cảm Quan Thế âm Bồ Tát.

Kính lạy Hộ Pháp Thiện thần chư thiện Bồ Tát

kính xin chư vị rủ lòng từ bi phù hộ độ trì cho con
nguyện được... (công danh tài lộc, giải hạn bình an).
Nguyện xin chư vị, chấp kỳ lễ bạc tâm thành, chứng
minh chứng giám cho con được tai qua nạn khỏi,
điều lành đem đến, điều dữ đem đi, phát lộc, phát
tài, gia trung mạnh khoẻ, trên dưới thuận hòa an
khang thịnh vượng.

Chúng con người phạm trần tục lầm lỗi còn nhiều.
Cúi mong Phật Thánh từ bi đại xá cho con (và cho
gia đình) được tai qua nạn khỏi, mọi sự tốt lành, sở
cầu như ý nguyện tòng tâm.

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn nguyện

*e. Văn khấn lễ Đức Địa Tạng âm Bồ Tát (U Minh
giáo chủ).*

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô Đại bi, Đại nguyện, Đại thánh, Đại từ
Bản tôn Địa tạng vương Bồ Tát.

Kính lễ đức U Minh Giáo chủ thù từ chứng giám.

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Tín chủ con
là... Ngụ tại...

Thành tâm đến trước Phật đài nơi điện cửu hoa, kính
dâng phẩm vật, hương hoa, kim ngân tịch tài, ngũ thể

đầu thành, nhất tâm kính bái dưới tòa sen báu.

Cúi xin đức Đại sĩ không rời Bản nguyện, theo Phật phó chúc trên trời Đao lợi, chở che cứu vớt chúng con và cả gia quyến, như thể mẹ hiền, phù trì cho con đỡ, nhờ ánh ngọc Minh châu tiêu trừ tội cấu, trí tuệ mở mang, được mây từ che chở, tâm đạo khai hoa, não phiền nhẹ bớt. Khi còn sống thực hành Thiện nguyện, nói gương Đại sĩ, cứu độ chúng sinh. Khi vận hạn ốms đau, nhờ được đức từ hộ niệm, Thần linh bản xứ giúp yên. Lúc lâm chung được nhờ áng bi quang, vượt khỏi tam đồ, sinh lên cõi thiện.

Lại nguyện cho hương linh Gia tiên chúng con nhờ công đức cúng dâng này thấy đều siêu thoát.

Dãi tám lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn nguyện

g. Văn khấn lễ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát (Phật Bà Quan Âm)

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô Đại từ, đại bi Linh cảm Quan Thế Âm Bồ Tát.

Kính lạy đức Viên thông Giáo chủ thù từ chứng giám.

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Tín chủ con

là... Ngụ tại...

Thành tâm đến trước Phật đài, nơi điện đại bi, kính dâng phẩm vật hương hoa kim ngân tịnh tài, ngũ thể đầu thành nhất tâm kính lễ dưới tòa sen hồng. Cúi xin đức Đại sĩ không rời bản nguyện chớ che cứu vớt chúng con, như mẹ hiền phù trì cho con đỡ. Nhờ nước Dương ci, lòng trần cầu ân thanh tịnh, thiện nguyện nêu cao. Được ánh từ quang soi đỡ, khiến cho nghiệp trần nhẹ bớt, tâm đạo khai hoa, độ cho đệ tử con và cả gia đình bốn mùa được chữ bình an.

PHỤ LỤC

1. CÂU ĐỐI THƯỜNG DÙNG

CÚC
DỤC
ÂN
THÂM
ĐÔNG
HẢI
ĐẠI

鞠育恩深東海大

生成義重泰山高

SINH
THÀNH
NGHĨA
TRỌNG
THÁI
SƠN
CAO

ƠN DƯỠNG DỤC SÂU TỰA BIÊN ĐÔNG
NGHĨA SINH THÀNH CAO HƠN NON THÁI.

BÚT
THỤ
HỮU
HOA
HUYNH
ĐỆ
LẠC

筆樹有花兄弟樂

書田無稅子孫耕

THƯ
ĐIỀN
VÔ
THUẾ
TỬ
TÔN
CANH

BÚT THÀNH CÂY DỄ TRỞ RA HOA,
MẶC SỨC ANH EM VUI THÚ
SÁCH LÀ RUỘNG KHÔNG CẦN NẠP THUẾ,
THA HỒ CON CHÁU CẤY CÀ

NHẬT
NGUYỆT
QUANG
CHIẾU
THẬP
PHƯƠNG

日
月
光
照
十
方

祖
宗
留
垂
萬
世

TỔ
TÔNG
LƯU
THUY
VẠN
THẾ

VẮNG NHẬT NGUYỆT MƯỜI PHƯƠNG RẠNG RỠ
ĐỨC TỔ TÔNG MUÔN THUỞ SÁNG NGỜI.

ÁI
QUỐC
MẠC
VONG
TỔ

愛國莫忘祖

仁民先睦親

NHÂN
DÂN
TIÊN
MỤC
THÂN

YÊU NƯỚC CHớ NÊN QUÊN TỔ TIÊN
THƯƠNG DÂN TRƯỚC PHẢI HOÀ THÂN THÍCH.

BÁCH

THẾ

BẢN

CHI

THỪA

CỤ

ẨM



THIÊN

THU

HƯƠNG

HOẢ

TRÁNG

TÂN

CƠ

PHÚC XƯA DÀY LƯU GỐC CÀNH MUÔN THUỒ
NỀN MỚI VỮNG ĐỂ HƯƠNG KHÓI NGHÌN THU.

ĐỨC
THỪA
TIÊN
TỔ
THIÊN
NIÊN
THỊNH

德承先祖千年盛

福蔭兒孫百世榮

PHÚC
ẨM
NHI
TÔN
BÁCH
THẾ
VINH

TỔ TIÊN TÍCH ĐỨC NGHÌN NĂM THỊNH
CON CHÁU NHỜ ON VẠN ĐẠI VINH.

MỘC
BẢN
THỦY
NGUYÊN
THIÊN
CỔ
NIỆM

木
本
水
源
千
古
念

天
經
地
義
百
年
心

THIÊN
KINH
ĐỊA
NGHĨA
BÁCH
NIÊN
TÂM

MUÒN THUỞ NHỚ: NƯỚC NGUỒN, CÂY CỘI
TRĂM NĂM LO: ĐẤT NGHĨA, TRỜI KINH.

NGHĨA

NHÂN

TÍCH

TỤ

THIÊN

NIÊN

THỊNH

義仁積聚千年盛

福德栽培萬代亨

PHÚC

ĐỨC

TÀI

BỒI

VẠN

ĐẠI

HÀNH

CHẤT CHỨA NGHĨA NHÂN, NGHÌN THUỜ THỊNH
TRAU ĐÔI PHÚC ĐỨC, VẠN ĐỜI Tươi.

2. HOÀNH PHI THƯỜNG DÙNG

木本水源

MỘC BẢN THUYẾT NGUYÊN
CÂY CÓ GỐC, NƯỚC CÓ NGUỒN

飲河思源

ẨM HÀ TƯ NGUYÊN
UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

有開必先

HỮU KHAI TẤT TIÊN
CÓ MỞ MANG HIỂN ĐẠT LÀ NHỜ PHÚC ẮM ĐỜI XƯA

克昌厥後

KHẮC XƯƠNG QUYẾT HẬU
THỊNH VƯỢNG CHO ĐỜI SAU

光前裕後

QUANG TIẾN DỤ HẬU
LÀM RẠNG RỠ ĐỜI TRƯỚC, NÊU GƯƠNG SÁNG
CHO ĐỜI SAU

積善余慶

TÍCH THIỆN DƯ KHƯƠNG
LÀM ĐIỀU THIỆN SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TỐT LÀNH

忠厚家聲

TRUNG HẬU GIA THANH

NẾP NHÀ TRUNG HẬU

慶留苗裔

KHÁNH LƯU MIÊU DUỆ

ĐIỀU TỐT LÀNH GIỮ LẠI CHO ĐỜI SAU

永綿世澤

VĨNH MIỀN THẾ TRẠCH

ÂN TRẠCH TỔ TIÊN KÉO DÀI NHIỀU ĐỜI SAU

萬古長春

VẠN CỔ TRƯỜNG XUÂN
MUÔN THUỖ VẠN TƯƠI XANH

3. LỜI CHÚC CÁI TƯỜNG

CHỨC PHƯỚC

福如东海

PHÚC NHƯ ĐÔNG HẢI
PHÚC NHƯ ĐÔNG HẢI

福寿康宁

PHÚC THỌ KHANG NINH
PHÚC THỌ KHANG NINH

合家欢乐

HỢP GIA HOAN LẠC
HOÀ HỢP VUI VẺ

七通八达

NHẤT THÔNG BÁT ĐẠT
MỌI ĐIỀU THÔNG SUỐT

称心如意

XÚNG TÂM NHƯ Ý
XÚNG TÂM NHƯ Ý

CHỨC LỘC

欢天喜地

HOAN THIÊN HỈ ĐỊA
TRỜI VUI ĐẤT MỪNG

衣锦还乡

Y CẨM HOÀN HƯƠNG
ÁO GẤM VỀ LÀNG

立身扬名

LẬP THÂN DƯƠNG DANH
LẬP THÂN DANH TIẾNG

一步登天

NHẤT BỘ ĐĂNG THIÊN
MỘT BƯỚC LÊN TRỜI

富贵荣华

PHÚ QUÝ VINH HOA
PHÚ QUÝ VINH HOA

CHỨC THỌ

万寿无疆

VẠN THỌ VÔ CƯƠNG
SỐNG LÂU MÃI MÃI

福海寿山

PHÚC HẢI THỌ SƠN
PHÚC NHƯ BIỂN, THỌ NHƯ NÚI

长命百岁

TRƯỜNG MỆNH BÁCH TUẾ
MỆNH DÀI TRĂM TUỔI

寿比南山

THỌ TỶ NAM SƠN
THỌ SÁNH NAM SƠN

龟年鹤寿

QUY NIÊN HẠC THỌ
NĂM RỪA TUỔI HẠC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Mở đầu	5
I. TỤC THỜ CÚNG TRONG GIA ĐÌNH	9
A. Thờ cúng gia tiên	9
1. Nghi lễ cúng cáo gia tiên	9
2. Lễ tạ	10
3. Khấn gia tiên	11
4. Chăm nom mộ tổ tiên	13
5. Bàn thờ gia tiên	15
6. Bàn thờ người mới qua đời	26
7. Thờ bà cô, ông mãnh	26
8. ý nghĩa đồ tự khí	27
B. Thờ các vị thần tại gia	28
1. Thổ công	28
2. Thần tài	32
3. Thánh sư	34
4. Tiên chủ	36

II. CÁC LỄ TIẾT TRONG NĂM	38
1. Tết ông Táo	39
2. Lễ tiễn ông vải	41
3. Lễ tất niên	42
4. Lễ trừ tịch	44
5. Lễ giao thừa	45
6. Mấy tục lệ trong đêm trừ tịch	48
7. Lễ chính đán	49
8. Lễ cúng đưa	51
9. Lễ khai hạ	52
10. Tục ăn tết lại	52
11. Cúng ngày sóc, ngày vọng	53
12. Dâng hương tại gia	54
13. Thờ cúng Thần Sao	55
14. Dâng sao giải hạn	57
15. Lễ thượng thọ	68
16. Cúng đầy tháng	70
17. Cúng đầy năm	71
III. CÁC NGHI THỨC LỄ KHI LÀM NHÀ	73
1. Lễ động thổ	74
2. Làm công ngõ	76
3. Cúng trấn trạch	76

4. Ăn mừng nhà mới	77
IV. TỤC CƯỚI HỎI	79
A. Cưới hỏi	79
1. Chạm ngõ	79
2. Ăn hỏi	80
3. Lễ xin dâu	81
4. Rước dâu	83
5. Dâu rể làm lễ gia tiên	86
6. Lễ tơ hồng	87
7. Lễ hợp cẩn	87
8. Lễ lại mặt	88
B. Một vài tục khác trong cưới xin	88
1. Cưới chạy tang	88
2. Ở rể	89
3. Tái giá	89
4. Những trường hợp hôn nhân vô hiệu lực	90
V. MỘT SỐ TẬP TỤC ĐỐI VỚI TRẺ SƠ SINH VÀ TRẺ NHỎ	
1. Đón trẻ sơ sinh	92
2. Đốt vía	92
3. Tục làm con nuôi	93
4. Cúng bà mụ	93

5. Trẻ khó nuôi phải làm gì?	94
6. Làm con của Phật, Thánh	95
7. Tục cho trẻ uống tàn hương với nước cúng	98
8. Đặt tên cho con	99
9. Vào họ	100
10. Con cầu tự	101
11. Hớt vía	102
12. Tục đóng dấu vào áo	102
13. Lễ khai tâm	103
14. Những điều kiêng kỵ đối với trẻ sơ sinh	104

X. TANG MA

1. Lâm chung	105
2. Chuẩn bị tang lễ	111
3. Tiến hành lễ tang	114
4. Lễ an táng	129
5. Các nghi thức sau lễ an táng	140
6. Các ngày lễ trong thời kỳ tang chế	147
7. Lễ giỗ trong tang chế	152

VII. NGHI LỄ DÂNG HƯƠNG TẠI CÁC

ĐỀN, PHỦ

1. Thờ Đức Thánh Trần	181
2. Tín ngưỡng thờ mẫu	183

3. Các vị thần khác	188
VIII. NGHI LỄ DÂNG HƯƠNG LỄ PHẬT TẠI CHÙA	
1. Sắm lễ	191
2. Nghi thức làm lễ	193
3. Văn khấn	194
PHỤ LỤC	
1. Câu đối thường dùng	202
2. Hoàn phi thường dùng	210
3. Lời chúc cát tường	213

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

PHONG TỤC THỜ CÚNG CỦA NGƯỜI VIỆT
SONG MAI - QUỲNH TRANG
Tuyển soạn

Chịu trách nhiệm xuất bản
BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập: BÍCH HẰNG - QUỲNH TRANG
Bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG
Trình bày: HƯƠNG GIANG
Sửa bản in: QUỲNH TRANG

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm.
Tại Công ty in Việt Hưng (Chi nhánh Hà Nội)
Giấy phép xuất bản số: 596/XB-QLXB/80-VHHT
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2006.



SONG MAI- QUỲNH TRANG
(tuyển chọn)

德承先祖千年盛

Phong tục thờ cúng CỦA NGƯỜI VIỆT

福蔭鬼孫百世榮



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

Việt Phong tục thờ cúng của người v



1401080001583



92E

HD

22,000 VN

407

GIÁ: 22 000Đ